



EVNGENCO3

Vững tâm *bền chí*

Báo cáo thường niên 2024
Tổng Công ty Phát Điện 3 - CTCP



MỤC LỤC

THÔNG ĐIỆP CHỦ ĐỀ BCTN NĂM 2024

“VỮNG TÂM – BỀN CHÍ”

GIỮ TRỌN NIỀM TIN

CHƯƠNG 1

EVNGENCO3 NĂM 2024

HÀNH TRÌNH TIẾN BƯỚC

CHƯƠNG 2

THÔNG TIN CHUNG VỀ EVNGENCO3

VỮNG TÂM TẠO GIÁ TRỊ

CHƯƠNG 3

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2024

Tầm nhìn – Sứ mệnh – Giá trị cốt lõi 8

Thông điệp của Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc 14

Sự kiện nổi bật năm 2024 16

Danh hiệu và giải thưởng tiêu biểu 18

Thông tin khái quát 25

Quá trình hình thành và phát triển 26

Lĩnh vực kinh doanh 28

Mô hình quản trị, cơ cấu bộ máy quản lý 30

Các đơn vị thành viên 32

Ban Lãnh đạo Tổng Công ty 46

Định hướng phát triển 52

Quản trị rủi ro 56

Bối cảnh chung 62

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 66

Tổ chức và nhân sự 73

Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án 76

Tình hình tài chính 84

Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu 86

BỀN CHÍ DỰNG TƯƠNG LAI

CHƯƠNG 4

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

LINH HOẠT & THÍCH ỨNG

CHƯƠNG 5

QUẢN TRỊ CÔNG TY

VỮNG VÀNG VƯƠN XA

CHƯƠNG 6

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

CHƯƠNG 7

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về hoạt động của Tổng Công ty 92

Đánh giá của Hội Đồng Quản Trị về hoạt động của Tổng Công ty 102

Hội Đồng Quản Trị 114

Ban kiểm soát 117

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội Đồng Quản Trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm Soát. 120

Hoạt động quan hệ nhà đầu tư 121

Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty 121

Tổng quan Báo cáo phát triển bền vững 134

Chiến lược phát triển bền vững 136

Quản trị phát triển bền vững 141

Gắn kết với các bên liên quan 144

Lĩnh vực trọng yếu 146

Chủ đề kinh tế (GRI 200) 148

Chủ đề môi trường (GRI 300) 152

Chủ đề xã hội (GRI 400) 160

Mục lục GRI 165

Báo Cáo Của Ban Tổng Giám Đốc 172

Báo Cáo Kiểm Toán Độc Lập 174

Bảng Cân Đối Kế Toán Hợp Nhất 176

Báo Cáo Kết Quả Hoạt Động Kinh Doanh Hợp Nhất 178

Báo Cáo Lưu Chuyển Tiền Tệ Hợp Nhất 179

Thuyết Minh Báo Cáo Tài Chính Hợp Nhất 180



DANH MỤC THUẬT NGỮ VIẾT TẮT

Viết tắt	Diễn giải	Viết tắt	Diễn giải
ATVSLĐ	An toàn vệ sinh lao động	VCSH	Vốn chủ sở hữu
ASXH	An sinh xã hội	KSNB	Kiểm soát nội bộ
BCTN	Báo cáo thường niên	KTKT	Kinh tế Kỹ thuật
BĐH	Ban Điều hành	LN	Lợi nhuận
BKS	Ban Kiểm soát	LNST	Lợi nhuận sau thuế
BVMT	Bảo vệ môi trường	LNTT	Lợi nhuận trước thuế
CBCNV	Cán bộ Công nhân viên	NĐD	Người đại diện
CLTG	Chênh lệch tỷ giá	NĐT	Nhà đầu tư
CNĐKKD	Chứng nhận đăng ký kinh doanh	NLĐ	Người lao động
CNVCLĐ	Công nhân viên chức lao động	NLTT	Năng lượng tái tạo
CP	Cổ phần	NMĐ	Nhà máy điện
CPH	Cổ phần hóa	NMNĐ	Nhà máy Nhiệt điện
CTCP	Công ty Cổ phần	NMTĐ	Nhà máy Thủy điện
CTCPĐT	Công ty Cổ phần Đầu tư	NSLĐ	Năng suất lao động
CTCP ĐT&PT	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển	PTNNL	Phát triển nguồn nhân lực
CTNĐ	Công ty Nhiệt điện	QCQLNB	Quy chế quản lý nội bộ
CTTĐ	Công ty Thủy điện	QHĐ	Quy hoạch điện
DTT	Doanh thu thuần	QLDA	Quản lý dự án
DVSC	Dịch vụ sửa chữa	QLVH	Quản lý vận hành
ĐGNK	Điện gió ngoài khơi	QTCT	Quản trị Công ty
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông	QTKD	Quản trị kinh doanh
ĐMT	Điện mặt trời	QTRR	Quản trị rủi ro
ĐNB	Đông Nam Bộ	SCL	Sửa chữa lớn
ĐT-XD	Đầu tư – Xây dựng	SLĐ	Sản lượng điện
GDCK	Giao dịch chứng khoán	SXĐ	Sản xuất điện
HĐKD	Hoạt động kinh doanh	SXKD	Sản xuất kinh doanh
HĐQT	Hội đồng Quản trị	TCT	Tổng Công ty, EVNGENCO3, GENCO3
HĐTV	Hội đồng Thành viên	TGĐ	Tổng Giám đốc
HSRR	Hồ sơ rủi ro	TNHH MTV	Trách nhiệm hữu hạn một thành viên
HTPT	Hạch toán phụ thuộc	TN – MT	Tài nguyên – Môi trường
KD – TTĐ	Kinh doanh – Thị trường điện	TTĐL	Trung tâm Điện lực

THÔNG ĐIỆP CHỦ ĐỀ BCTN NĂM 2024

Năm 2024, EVNGENCO3 chọn chủ đề Báo cáo thường niên là **“Vững tâm – Bền chí”** nhằm mang đến một thông điệp mạnh mẽ về một tinh thần quyết tâm tiến về phía trước: **“Vững tâm tạo giá trị”** thể hiện sự kiên định thực hiện sứ mệnh cung cấp điện ổn định, an toàn và hiệu quả, đồng thời không ngừng đổi mới, sáng tạo để tạo ra những giá trị bền vững cho cổ đông, khách hàng và cộng đồng. **“Bền chí dựng tương lai”** là tinh thần không ngại thách thức, luôn kiên trì, sẵn sàng thích ứng trước những thách thức và biến động của thị trường năng lượng trên hành trình đầu tư và phát triển các dự án nguồn điện xanh, sạch.

Vững tâm
bền chí



TẦM NHÌN – SỨ MỆNH



SỨ MỆNH

Đảm bảo sản xuất điện an toàn, liên tục, kinh tế; đầu tư nguồn điện hiệu quả – góp phần giữ vững an ninh năng lượng của Hệ thống điện Quốc gia.

TẦM NHÌN

Tổng Công ty Phát điện 3 – CTCP là một trong những Đơn vị hàng đầu trong lĩnh vực năng lượng, đầu tư phát triển nguồn điện tại Việt Nam và khu vực.



GIÁ TRỊ CỐT LÕI

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Hướng đến mục tiêu vì sự phát triển bền vững, EVNGENCO3 luôn lấy hệ thống giá trị cốt lõi làm kim chỉ nam, là chuẩn mực cho mọi hoạt động của Tổng Công ty.



CHẤT LƯỢNG – TÍN NHIỆM

Nền tảng cho mọi hoạt động của tất cả các thành viên trong EVNGENCO3. EVNGENCO3 tin tưởng rằng bằng những cam kết nêu trên sẽ mang lại sự hài lòng và sự tín nhiệm của khách hàng và đối tác.



TẬN TÂM – TRÍ TUỆ

Đây là giá trị phong cách làm việc của EVNGENCO3 trong mọi hành động với tinh thần trách nhiệm cao, vì lợi ích của cổ đông, đối tác và của NLĐ, NLĐ luôn vận dụng trí thức, trí tuệ để hành động với hiệu quả cao nhất. EVNGENCO3 mong muốn xây dựng hình ảnh bằng sự tận tâm và trí tuệ.



HỢP TÁC – CHIA SẺ

Là tinh thần chủ đạo mà EVNGENCO3 mong muốn đạt được. EVNGENCO3 tin rằng bằng sự hợp tác một cách hài hòa, trung thực, công bằng, với ý thức sẵn sàng chia sẻ và gắn bó khăng khít giữa tất cả mọi thành viên, chúng ta mới có thể cùng nhau hành động, cùng nhau phát triển và cùng nhau tiến bộ, vì sự thành công của EVNGENCO3, của EVN và các đối tác của EVNGENCO3.



SÁNG TẠO – HIỆU QUẢ

Là đòn bẩy cho sự phát triển, vì vậy EVNGENCO3 luôn phấn đấu xây dựng một môi trường thuận lợi cho việc phát huy sức sáng tạo, làm chủ kỹ thuật công nghệ hiện đại, vận dụng những phương pháp quản lý tiên tiến, cùng với sức mạnh của sự đoàn kết toàn EVNGENCO3 sẽ mang hiệu quả cao nhất giúp EVNGENCO3 hoàn thành tốt sứ mệnh và đạt được mục tiêu đề ra.

Giữ trọn
Niềm tin



Tổng quan về
EVNGENCO3

01

EVNGENCO3 NĂM 2024	
Thông điệp Của Chủ tịch HĐQT Và Tổng Giám Đốc	14
Sự Kiện Nổi Bật Năm 2024	16
Danh Hiệu Và Giải Thưởng Tiêu Biểu	18

THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HĐQT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Kính thưa Quý cổ đông, Quý đối tác, Quý khách hàng và toàn thể CBCNV, Thay mặt Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Phát điện 3 – CTCP (**EVNGENCO3**), chúng tôi xin gửi đến Quý vị lời chào trân trọng cùng lời chúc sức khỏe, hạnh phúc và thành công!

Kính thưa Quý vị,

Năm 2024, hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty diễn ra trong bối cảnh kinh tế toàn cầu tiếp tục chứng kiến nhiều biến động, xung đột địa chính trị tiếp tục leo thang, giá nhiên liệu thế giới vẫn ở mức cao, áp lực tỷ giá lớn do chính sách thắt chặt tiền tệ của Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (FED). Trong nước, phương thức vận hành thị trường điện có nhiều thay đổi; nguồn khí nội địa tiếp tục suy giảm nhanh; thời tiết, thủy văn diễn biến bất thường, ảnh hưởng nặng nề của thiên tai bão lũ, đặc biệt cơn bão số 3 (YAGI) tại các tỉnh miền Bắc cùng với đó là xu hướng chuyển dịch năng lượng diễn ra ngày càng sâu rộng.

Đứng trước những khó khăn thách thức, với kinh nghiệm và chiến lược thích ứng linh hoạt, chủ động, EVNGENCO3 đã tập trung tối đa nguồn lực, triển khai quyết liệt, đồng bộ các giải pháp tối ưu chi phí, đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả công tác sản xuất điện, đảm bảo giá trị doanh nghiệp, thực hiện tốt nghĩa vụ với các cổ đông.

Với những nỗ lực không ngừng nghỉ của toàn thể đội ngũ CBCNV EVNGENCO3 ở mọi vị trí công tác đã giúp Tổng Công ty khép lại năm 2024 với nhiều kết quả đáng khích lệ, tạo động lực cho Tổng Công ty tiếp tục vững tâm, bền chí phát triển các dự án nguồn điện mới trong tương lai. Cụ thể: Tổng sản lượng điện sản xuất của toàn EVNGENCO3 trong năm 2024 là **26,437 tỷ kWh**, tổng doanh thu hợp nhất đạt **41.158 tỷ đồng**.

Năm 2024 cũng đánh dấu bước tiến của Tổng Công ty trong công tác O&M với việc đã ký kết Hợp đồng dịch vụ Quản lý vận hành và sửa chữa Nhà máy điện Phú Mỹ 3 và gia hạn Hợp đồng quản lý vận hành NMNĐ Vĩnh Tân 4 với Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

Đối với công tác quản trị tài chính, EVNGENCO3 và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) ký kết Hợp đồng Tài cấu trúc khoản vay nước ngoài – Dự án NMNĐ Mông Dương 1, qua đó tối ưu hóa chi phí lãi vay và giảm rủi ro do biến động tỷ giá USD/VNĐ.

Trong năm 2024, Tổng Công ty đã hoàn thành công tác quyết toán Cổ phần hóa Công ty mẹ – EVNGENCO3; là tiền đề cho quá trình tái cơ cấu doanh nghiệp trong thời gian tới.

Đối với công tác Đầu tư – Xây dựng, Tổng Công ty đã đạt được những bước tiến quan trọng với việc nhà máy điện linh hoạt Ninh Bình đã được bổ sung vào Kế hoạch thực hiện Quy hoạch Điện VIII và các dự án NLTT khác cũng đang được đẩy nhanh công tác xúc tiến đầu tư.

Bên cạnh các hoạt động sản xuất kinh doanh, EVNGENCO3 đã đồng hành cùng xã hội thực hiện nhiều hoạt động thiện nguyện ý nghĩa trên cả nước được chính quyền và người dân đánh giá cao, góp phần xây dựng một cuộc sống tốt đẹp hơn cho cộng đồng với tổng chi phí 11,4 tỷ đồng.

Tổng Công ty vinh dự được nhận giải thưởng uy tín dành cho doanh nghiệp niêm yết – Top 20 doanh nghiệp nhóm ngành phi tài chính có Báo cáo thường niên tốt nhất năm 2024.

Thưa Quý vị,

Bước sang năm 2025, công tác cung ứng điện và chính sách điều hành thị trường điện dự báo tiếp tục đối mặt nhiều khó khăn, thách thức, tuy nhiên cơ hội vẫn luôn mở ra với những doanh nghiệp biết tận dụng thời cơ, vượt qua thử thách, chinh phục những đỉnh cao mới, mạnh mẽ vươn xa để cùng đất nước bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.



ĐINH QUỐC LÂM

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

LÊ VĂN DANH

Tổng Giám đốc

Với tầm nhìn dài hạn, tâm thế vững vàng, bản lĩnh kiên cường, toàn thể đội ngũ EVNGENCO3 sẽ tiếp tục đoàn kết, đồng lòng, phát huy truyền thống, vận dụng tri thức, đổi mới sáng tạo, khát vọng vươn lên, hoàn thành được những chỉ tiêu, nhiệm vụ Đại hội đồng cổ đông đề ra, kiên định mục tiêu đưa EVNGENCO3 trở thành một thương hiệu mạnh trong ngành năng lượng, góp phần tạo dựng các giá trị thịnh vượng, bảo toàn và phát triển vốn của các cổ đông.

Thay mặt Ban Lãnh đạo EVNGENCO3, chúng tôi chân thành cảm ơn sự tin nhiệm và ủng hộ của Quý cổ đông, cảm ơn sự hợp tác tích cực của Quý khách hàng, Quý đối tác trong năm 2024 và trên suốt chặng đường đã qua. Xin được gửi tới toàn thể CBCNV lời tri ân sâu sắc nhất vì những đóng góp, cống hiến cho quá trình xây dựng và phát triển thương hiệu EVNGENCO3.

Kính chúc Quý vị sức khỏe, hạnh phúc và thành công!

SỰ KIỆN NỔI BẬT NĂM 2024



EVNGENCO3 ký kết Hợp đồng dịch vụ Quản lý vận hành và sửa chữa Nhà máy điện Phú Mỹ 3 và gia hạn Hợp đồng quản lý vận hành NMNĐ Vĩnh Tân 4 và sẵn sàng tiếp nhận NMNĐ Phú Mỹ 2.2.



EVNGENCO3 tăng cường hợp tác quốc tế; trao đổi, làm việc với các đối tác năng lượng toàn cầu như Tập đoàn Wartsila (Phần Lan); CORIO GENERATION (Australia); nhằm nâng cao năng lực sản xuất, thúc đẩy quá trình chuyển dịch năng lượng của Tổng Công ty.



EVNGENCO3 và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) ký kết Hợp đồng Tái cấu trúc khoản vay nước ngoài - Dự án NMNĐ Mông Dương 1.



Top 20 BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN TỐT NHẤT - nhóm ngành phi tài chính.



Được Ủy ban quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp phê duyệt quyết toán cổ phần hóa, hoàn thành đầy đủ các bước trong quá trình chuyển đổi sang công ty cổ phần.



EVNGENCO3 tiếp tục thực hiện nhiều hoạt động ASXH như tài trợ học bổng, chăm lo 44 em học sinh mồ côi, có hoàn cảnh khó khăn do Covid-19, lắp đặt hệ thống đèn chiếu sáng năng lượng mặt trời tại các địa phương, xây dựng đường giao thông nông thôn... Tổng kinh phí ASXH năm 2024 khoảng 11,4 tỷ đồng



DANH HIỆU VÀ GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU

Với những đóng góp to lớn vào sự phát triển của đất nước, trong hơn một thập kỷ qua, EVNGENCO3 vinh dự được Đảng và Nhà nước, các Bộ, ngành, địa phương ghi nhận, đánh giá và tặng thưởng nhiều danh hiệu cao quý như Cờ Thi đua, Bằng khen...



2024

Tự hào được tặng Cờ thi đua của
Tập đoàn Điện lực Việt Nam

2021

Tự hào đón nhận Cờ thi đua của
Chính phủ; Cờ thi đua toàn diện
của Tổng Liên đoàn Lao động Việt
Nam; Bằng khen của UBND TP.HCM,
Bộ Công Thương, EVN;

2023

Vinh dự đón nhận Cờ truyền thống
của UBND TP. Hồ Chí Minh, Bằng
khen của Thủ tướng Chính phủ
nhân dịp kỷ niệm 10 năm thành lập
TCT; Cờ thi đua toàn diện của Công
đoàn Điện lực Việt Nam; Bằng khen
của EVN.

2020

EVNGENCO3 vinh dự đón nhận Cờ
thi đua của Ủy ban Quản lý vốn Nhà
nước tại doanh nghiệp; Cờ thi đua
của Tổng Liên đoàn Lao động Việt
Nam và nhiều Bằng khen của Bộ
Công Thương, Bộ Tư pháp, UBND
các tỉnh...

2022

Vinh dự đón nhận Cờ thi đua của
Chính phủ; Cờ thi đua của Tổng Liên
đoàn Lao động Việt Nam, được cấp
Chứng chỉ Bình đẳng giới toàn cầu
EDGE.



Hành trình

Tiến bước



Thông tin chung

EVNGENCO3

02

Thông Tin Khái Quát	25
Quá Trình Hình Thành Và Phát Triển	26
Lĩnh Vực Kinh Doanh	28
Mô Hình Quản Trị, Cơ Cấu Bộ Máy Quản Lý	30
Các Đơn Vị Thành Viên	32
Ban Lãnh đạo Tổng Công Ty	46
Định Hướng Phát Triển	52
Quản Trị Rủi Ro	56



Nhà máy Thủy điện Buôn Kuốp

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên giao dịch:

TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 3 - CTCP

Tên Tiếng Anh:

**POWER GENERATION
JOINT STOCK CORPORATION 3**

Tên viết tắt:

EVNGENCO3

Mã chứng khoán:

PGV

Niêm yết tại:

HOSE

Giấy CNĐKKD:

SỐ 3502208399

đăng ký lần đầu ngày 26/11/2012; sửa đổi lần 9 ngày 5/10/2021 tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh

Vốn điều lệ:

11.234.680.460.000 đồng

Trụ sở chính:

**Số 60 - 66 Nguyễn Cơ Thạch, Khu đô thị Sala,
P. An Lợi Đông, TP. Thủ Đức, TP.HCM, Việt Nam**

Điện thoại:

(84.28) 3636 7449

Fax:

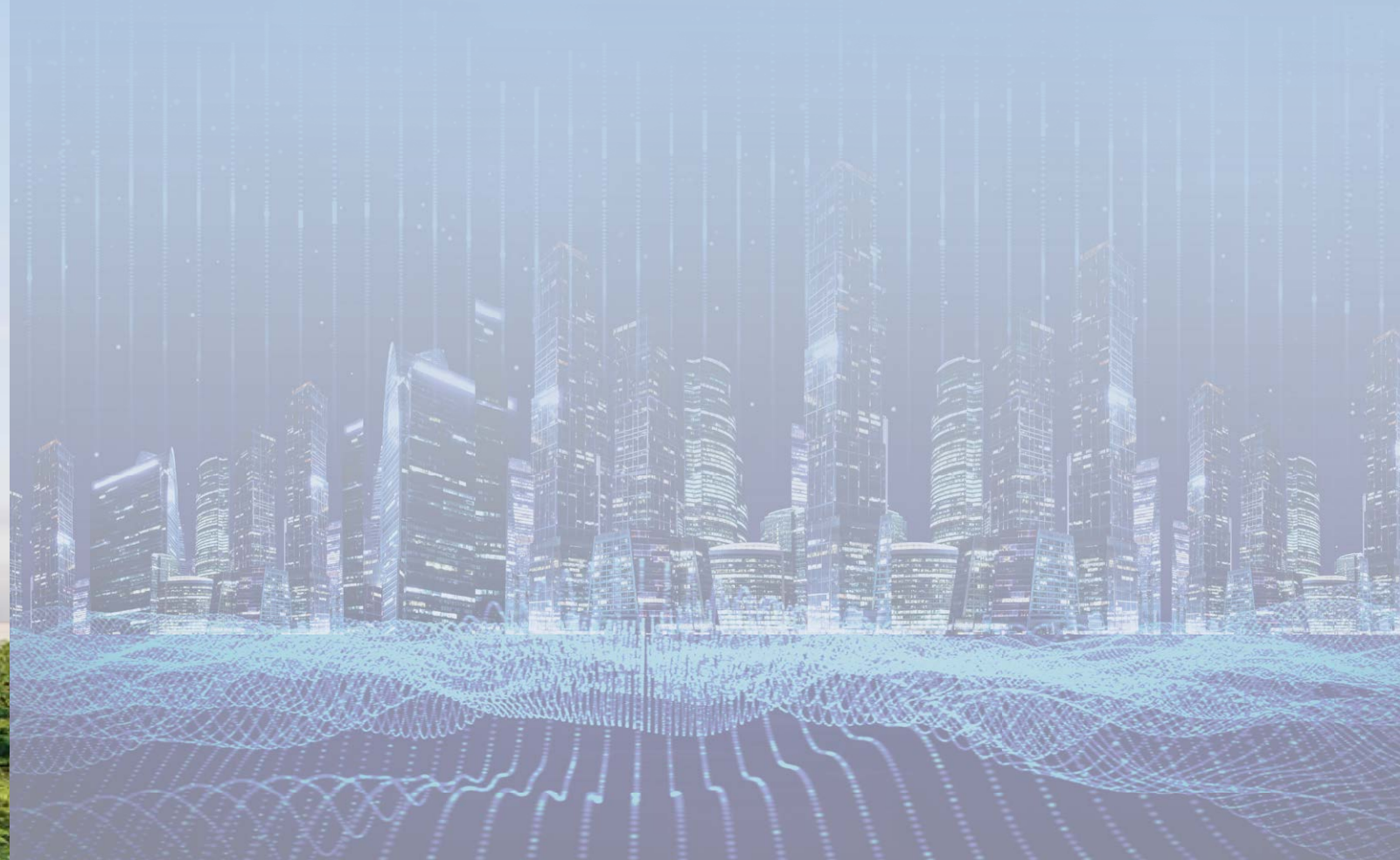
(84.28) 36367450

Email:

genco3@genco3.evn.vn

Website:

http://www.genco3.com



II. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Tổng công ty Phát điện 3 (EVNGENCO3) được thành lập theo Quyết định số 3025/QĐ-BCT ngày 01/06/2012 của Bộ trưởng Bộ Công Thương và chính thức hoạt động từ ngày 01/01/2013.



1996 – 2004

Ngày 07/04/1996, Thủ tướng Võ Văn Kiệt đã phát lệnh khởi công xây dựng Nhà máy Điện Phú Mỹ – Nhà máy nhiệt điện lớn nhất, hiện đại nhất Việt Nam lúc bấy giờ, góp phần giải quyết tình trạng thiếu điện ở phía Nam, thúc đẩy sản xuất, phát triển kinh tế.

Năm 2004: Hoàn thành vận hành thương mại toàn bộ cụm các nhà máy Nhiệt điện Phú Mỹ.

2004 – 2010

Năm 2004: Dự án cụm 3 nhà máy Thủy điện bậc thang lớn trên sông Srêpôk gồm: Buôn Kuốp; Buôn Tua Srah; Srêpôk 3, với tổng công suất 586 MW cũng được liên tiếp khởi công xây dựng, nhằm giải quyết tình trạng thiếu điện ở khu vực Tây Nguyên.

Từ năm 2009 – 2010: Đưa vào vận hành thương mại các nhà máy Thủy điện Buôn Kuốp, Buôn Tua Srah, Srêpôk 3.

2011 – 2017

Ngày 01/06/2012, Tổng Công ty Phát điện 3 (EVNGENCO3) được thành lập theo Quyết định số 3025/QĐ-BCT của Bộ Công Thương, trên cơ sở tổ chức, sắp xếp lại Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Phú Mỹ, các công ty phát điện hạch toán phụ thuộc, các ban quản lý dự án nguồn điện và tiếp nhận quyền chủ sở hữu vốn nhà nước tại một số công ty phát điện trực thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

Năm 2013: Thành lập Công ty Nhiệt điện Vĩnh Tân và Ban QLDA Nhiệt điện Thái Bình.

Năm 2014: Góp vốn Thành lập Công ty TNHH Dịch vụ Năng lượng GE-PMTP.

Năm 2015: Thành lập Công ty Nhiệt điện Mông Dương; Công ty Dịch vụ Sửa chữa các Nhà máy điện EVNGENCO3.

Năm 2016: Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ được tái lập và tiếp tục đảm nhiệm quản lý vận hành các nhà máy điện Phú Mỹ.

Năm 2017: Thành lập Công ty Nhiệt điện Thái Bình.

2018 – 2024

Năm 2018: Tổng Công ty chuyển đổi sang hoạt động theo mô hình CTCP; Thực hiện IPO và đăng ký giao dịch cổ phiếu PGV của Tổng Công ty Phát điện 3 – CTCP trên sàn UPCOM vào ngày 21/03/2018.

Năm 2019: Chuyển trụ sở Tổng Công ty từ tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đến Thành phố Hồ Chí Minh.

Năm 2021: Vốn hóa thị trường chạm mốc 1 tỷ USD.

Năm 2022: Ngày 10/02/2022 chính thức niêm yết trên sàn HOSE.

Năm 2023: Đánh dấu 10 năm thành lập và phát triển của EVNGENCO3, mở ra chặng đường nhiều hi vọng trong giai đoạn tiếp theo.

Năm 2024: Vững tâm – Bền chí trên hành trình phát triển bền vững, khẳng định năng lực trong Quản lý vận hành & bảo dưỡng các NMD với việc đã ký kết Hợp đồng dịch vụ Quản lý vận hành và sửa chữa Nhà máy điện Phú Mỹ 3 và gia hạn Hợp đồng quản lý vận hành NMD Vĩnh Tân 4.

III. LĨNH VỰC KINH DOANH

1. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CHÍNH

1.1 Sản xuất và kinh doanh điện năng; đầu tư và quản lý vốn đầu tư các dự án nguồn điện; các dự án năng lượng mặt trời, năng lượng tái tạo.

1.2 Quản lý, vận hành, sửa chữa, bảo dưỡng, đại tu, thí nghiệm, hiệu chỉnh, cải tạo, nâng cấp thiết bị điện, cơ khí, điều khiển, tự động hóa thuộc dây chuyền sản xuất điện, công trình điện; thí nghiệm điện; cơ khí điện lực.

1.3 Quản lý, vận hành, sửa chữa và khai thác Cảng biển thuộc các Trung tâm Điện lực.

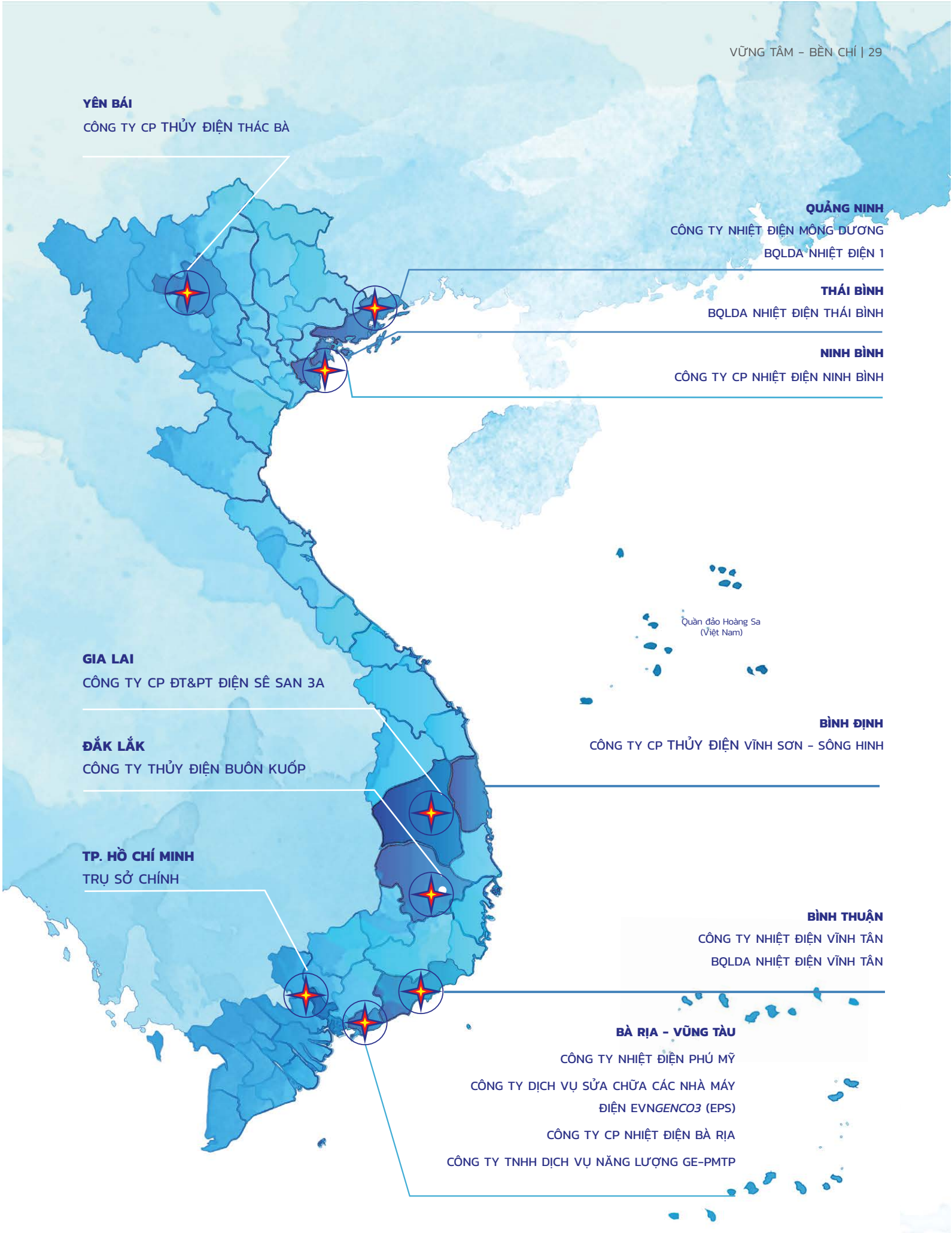
1.4 Tư vấn quản lý dự án, tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng, tư vấn đấu thầu, lập dự toán; tư vấn thẩm tra và giám sát thi công công trình nguồn điện và các công trình lưới điện đồng bộ các dự án nguồn điện; tư vấn hoạt động chuẩn bị sản xuất cho các nhà máy điện.

1.5 Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực về quản lý vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị nhà máy điện.

Chi tiết xin xem Điều 4 Điều lệ Tổng Công ty

2. ĐỊA BÀN KINH DOANH

Mạng lưới kinh doanh của EVNGENCO3 bao phủ rộng khắp từ Bắc vào Nam với sự hoạt động hiệu quả, chất lượng của hệ thống các nhà máy và các đơn vị thành viên trong tất cả các lĩnh vực: sản xuất điện, dịch vụ sửa chữa, quản lý dự án. EVNGENCO3 tiếp tục tích cực nghiên cứu đầu tư mở rộng quy mô nguồn điện, đẩy mạnh phát triển cung ứng dịch vụ trong các lĩnh vực có thế mạnh như: dịch vụ quản lý vận hành, thị trường điện,... nâng cao năng lực cạnh tranh, nhận diện thương hiệu.

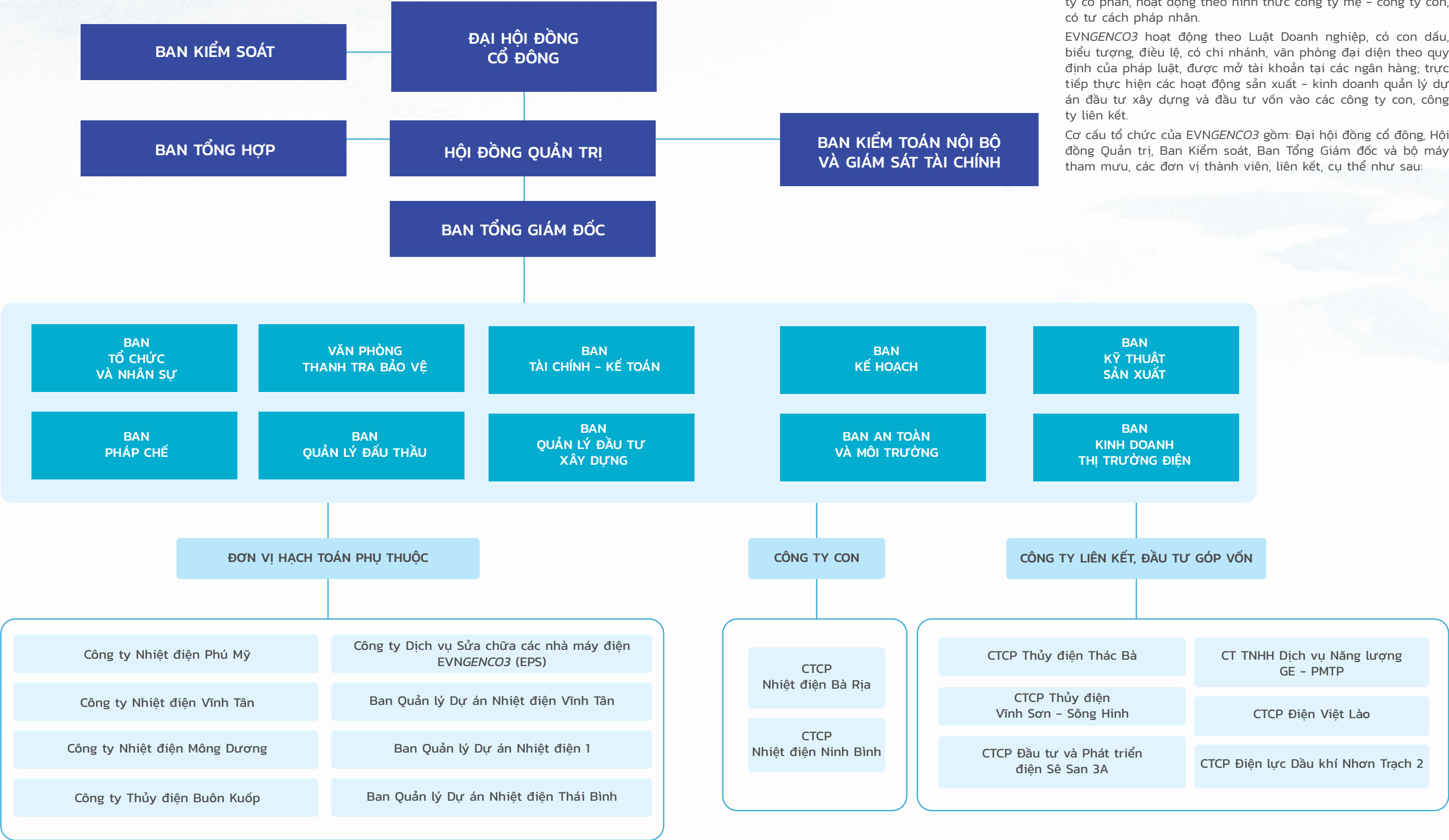


IV. MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ

EVNGENCO3 là doanh nghiệp được tổ chức dưới hình thức công ty cổ phần, hoạt động theo hình thức công ty mẹ - công ty con, có tư cách pháp nhân.

EVNGENCO3 hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, có con dấu, biểu tượng, điều lệ, có chi nhánh, văn phòng đại diện theo quy định của pháp luật, được mở tài khoản tại các ngân hàng; trực tiếp thực hiện các hoạt động sản xuất - kinh doanh quản lý dự án đầu tư xây dựng và đầu tư vốn vào các công ty con, công ty liên kết.

Cơ cấu tổ chức của EVNGENCO3 gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và bộ máy tham mưu, các đơn vị thành viên, liên kết, cụ thể như sau:



V. CÁC ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN

EVNGENCO3 hiện có 08 đơn vị HTPT, 02 công ty con do EVNGENCO3 nắm giữ trên 50% vốn điều lệ, 06 công ty liên kết, đầu tư góp vốn nắm giữ dưới 50% vốn điều lệ. Tổng công suất lắp đặt là **6.565 MW**, chiếm khoảng 8,4% công suất đặt toàn hệ thống điện, trong đó đa dạng nhiều loại hình nguồn điện:

NHIỆT ĐIỆN TUABIN KHÍ:
2.929 MW CHIẾM KHOẢNG 44,61%

NHIỆT ĐIỆN THAN:
2.424 MW CHIẾM KHOẢNG 36,92%

THỦY ĐIỆN:
1.170 MW CHIẾM KHOẢNG 17,82%

ĐIỆN MẶT TRỜI:
42,65 MWP CHIẾM KHOẢNG 0,65%



V. CÁC ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN

(Tiếp theo)





1. CÁC ĐƠN VỊ HẠCH TOÁN PHỤ THUỘC

1.1. CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN PHÚ MỸ

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thành phố Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

Tổng công suất: 2.540 MW

Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ quản lý, vận hành 04 nhà máy điện:

NHÀ MÁY	CÔNG SUẤT	NHIÊN LIỆU SỬ DỤNG	HOẠT ĐỘNG
Nhà máy nhiệt điện Phú Mỹ 1	1.118 MW	Khí thiên nhiên	– Là nhà máy điện có công suất lớn nhất trong các nhà máy điện của Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ với công suất 1.090 MW được đưa vào vận hành thương mại năm 2002. – Sử dụng công nghệ và thiết bị của Mitsubishi Heavy Industries Group (Nhật Bản) cấu hình 3 –3 –1, tuabin khí loại M70IF. – Khi vận hành với hệ thống Fogging & high – fogging, công suất nhà máy lên đến 1.118 MW
Nhà máy nhiệt điện Phú Mỹ 2.1	477 MW	Khí thiên nhiên	– Sử dụng công nghệ và thiết bị của Alstom (Thụy Sĩ) nay là GE, cấu hình 2–2–1. – Đưa vào vận hành thương mại chu trình đơn vào năm 1997; chu trình hỗn hợp vào năm 2003 với công suất lắp đặt 450 MW. – Năm 2016, tuabin khí đã được nâng cấp lên loại GT13E2 MXL2, nâng tổng công suất nhà máy lên 477 MW.
Nhà máy nhiệt điện Phú Mỹ 2.1 mở rộng	468 MW	Khí thiên nhiên	– Sử dụng công nghệ và thiết bị của Siemens (Đức) cấu hình 2–2–1, tuabin khí loại V94.2. – Đưa vào vận hành thương mại chu trình đơn vào năm 1999 và chu trình hỗn hợp vào năm 2006 với công suất lắp đặt 440 MW. – Khi vận hành với hệ thống Fogging & high-fogging, công suất nhà máy lên đến 468 MW.
Nhà máy nhiệt điện Phú Mỹ 4	477 MW	Khí thiên nhiên	– Sử dụng công nghệ và thiết bị của Alstom (Thụy Sĩ) nay là GE, cấu hình 2–2–1. – Đưa vào vận hành thương mại năm 2004 với công suất lắp đặt 450 MW. – Năm 2015 tuabin khí đã được nâng cấp lên loại GT13E2 MXL2, nâng tổng công suất nhà máy lên 477 MW.



1.2. CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN VĨNH TÂN

Địa chỉ: xã Vĩnh Tân, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận

Tổng công suất: 1.283 MW

Công ty Nhiệt điện Vĩnh Tân quản lý, vận hành 02 nhà máy điện:

NHÀ MÁY	CÔNG SUẤT	NHIÊN LIỆU SỬ DỤNG	HOẠT ĐỘNG
Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 2	2x622 MW	Than cám	– Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 2 được đưa vào vận hành thương mại từ quý I năm 2015 với tổng công suất lắp đặt 2x622 MW, sản lượng điện sản xuất bình quân hàng năm khoảng 7,4 tỷ kWh, cung cấp điện chủ yếu cho phụ tải khu vực phía Nam, góp phần quan trọng cho việc vận hành kinh tế hệ thống điện Quốc gia, nhất là vào mùa khô. – Trong suốt quá trình hoạt động, công tác quản lý môi trường của Nhà máy luôn được chú trọng, tuân thủ và thực hiện nghiêm ngặt, hiệu quả: + Công tác quản lý và xử lý tro, xỉ được kiểm soát tốt, đảm bảo môi trường. + Bãi xỉ nhà máy đảm bảo ổn định, an toàn, tro xỉ phát sinh trong vận hành của Nhà máy hầu hết được tiêu thụ để làm phụ gia xi măng, gạch không nung... + Nhà máy đã hoàn thành lắp đặt thiết bị quan trắc môi trường online, camera giám sát và truyền dữ liệu về Sở TN&MT địa phương.
Nhà máy Điện mặt trời Vĩnh Tân 2	42,65 MWp (tương đương 38,7 Mwac)	Năng lượng mặt trời	– Nhà máy ĐMT Vĩnh Tân 2 công suất lắp đặt 42,65 MWp được vận hành thương mại cuối tháng 6 năm 2019. – Mỗi năm, nhà máy phát vào lưới điện Quốc gia khoảng 50 triệu kWh, góp phần đa dạng hóa loại hình phát điện của Tổng Công ty và tạo ra một hệ thống nguồn điện bổ sung và hỗ trợ nhau.



1.3. CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN MÔNG DƯƠNG

Địa chỉ: Phường Mông Dương, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh
Tổng công suất: 1.080 MW

Công ty Nhiệt điện Mông Dương quản lý, vận hành 01 nhà máy điện:

NHÀ MÁY	CÔNG SUẤT	NHIÊN LIỆU SỬ DỤNG	HOẠT ĐỘNG
Nhà máy Nhiệt điện Mông Dương 1	1.080 MW	Than cám	- Nhà máy Nhiệt điện Mông Dương 1 là công trình nhiệt điện đầu tiên và của EVN sử dụng công nghệ lò hơi tầng sôi tuần hoàn (CFB). Đây là công nghệ tiên tiến nhất thế giới hiện nay, đặc biệt trong lĩnh vực xử lý khí thải, đảm bảo thân thiện với môi trường. - Nhà máy đã đưa vào vận hành hệ thống bảng điện tử hiển thị số liệu quan trắc môi trường online để công khai, minh bạch hóa thông tin về công tác quản lý môi trường đến cộng đồng; đã được cấp giấy chứng nhận HTQL môi trường phù hợp với tiêu chuẩn TCVN ISO 14001:2015. - Công tác môi trường, giám sát các thông số quan trắc khí thải, nước thải... luôn được triển khai nghiêm túc và đầy đủ. Tro xỉ của Nhà máy được tiêu thụ toàn bộ, góp phần đảm bảo tốt môi trường sống và thân thiện, hướng tới phát triển bền vững.



1.4. CÔNG TY THỦY ĐIỆN BUÔN KUỐP

Địa chỉ: Số 22 đường Mai Xuân Thưởng, phường Thành Nhất, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk
Tổng công suất: 586 MW

Công ty Thủy điện Buôn Kuốp quản lý, vận hành 03 nhà máy thủy điện:

NHÀ MÁY	CÔNG SUẤT	NHIÊN LIỆU SỬ DỤNG	HOẠT ĐỘNG
Nhà máy Thủy điện Buôn Kuốp	2x140 MW	Nguồn nước tự nhiên	- Nhà máy Thủy điện Buôn Kuốp vận hành thương mại năm 2009 với công suất 2x140 MW. Hồ chứa có dung tích hữu ích 14,7 triệu m³ nước, sản lượng điện bình quân hàng năm 1,25 tỷ kWh. - Ngoài tạo nguồn cung cấp điện cho hệ thống điện Quốc gia, công trình này còn điều hòa nguồn nước, cấp nước cho hạ du nhà máy theo quy trình vận hành liên hồ chứa.
Nhà máy Thủy điện Buôn Tua Srah	2x43 MW	Nguồn nước Tự nhiên	- Nhà máy Thủy điện Buôn Tua Srah được đưa vào vận hành thương mại năm 2009 với công suất 2x43 MW, hồ chứa có dung tích hữu ích 522 triệu m³ nước, sản lượng điện bình quân hàng năm 347 triệu kWh. - Ngoài chức năng sản xuất điện, Nhà máy còn thực hiện nhiệm vụ điều tiết nước trong mùa cạn và cắt giảm lũ trong mùa mưa cho các địa phương phía hạ du thuộc huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông và huyện Lắk, huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk.
Nhà máy Thủy điện Srêpôk 3	2x110 MW	Nguồn nước Tự nhiên	- Nhà máy Thủy điện Srêpôk 3 vận hành thương mại năm 2010 với công suất 2x110 MW. Mỗi năm, Nhà máy cung cấp cho lưới điện Quốc gia hơn 1,015 tỷ kWh. - Nhà máy Thủy điện Srêpôk 3 có vai trò rất quan trọng, cung cấp nước ổn định cho Thủy điện Srêpôk 4 phía hạ du, cắt lũ cho vùng hạ lưu sông Srêpôk.



1.5. CÔNG TY DỊCH VỤ SỬA CHỮA CÁC NHÀ MÁY ĐIỆN EVNGENCO3 (EPS)

Địa chỉ: 1228 Độc lập, phường Phú Mỹ, thành phố Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

LĨNH VỰC SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH:

Công ty EPS là thương hiệu do Tổng Công ty Phát điện 3 xây dựng và phát triển trên nền tảng 26 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực vận hành và sửa chữa bảo dưỡng cho các nhà máy điện công suất lớn.

Hiện tại, EPS là một trong những đơn vị hàng đầu tại Việt Nam, phụ trách quản lý vận hành, sửa chữa tập trung cho các nhà máy điện chạy khí, than, điện mặt trời. Trung bình hàng năm, EPS thực hiện 15 công trình sửa chữa lớn.

CÁC DỊCH VỤ EPS CUNG CẤP:

- Cung cấp các gói dịch vụ sửa chữa chất lượng cao Nhà máy điện: Bảo trì tuabin khí, tuabin hơi Nhà máy nhiệt điện; Bảo dưỡng, sửa chữa lò hơi, lò thu hồi nhiệt (HRSG); Sửa chữa lớn máy phát điện.
- Phục hồi vật tư thay thế, gia công chế tạo.
- Tư vấn, thiết kế, lắp đặt các công trình điện và công nghiệp: nhà máy điện, trạm điện.
- Đào tạo vận hành, sửa chữa, dịch vụ vận hành thuê nhà máy điện.
- Các dịch vụ khác.

1.6. BQLDA NHIỆT ĐIỆN VĨNH TÂN (BAN AVT)

Địa chỉ:

Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính:



Đại lộ Hùng Vương, khu phố 5, phường Phú Thủy, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận

Ban AVT thực hiện quyết toán các dự án trong Trung tâm Điện lực Vĩnh Tân.

1.7. BQLDA NHIỆT ĐIỆN 1 (BAN ANĐ1)

Địa chỉ:

Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính:



Khu 8, phường Mông Dương, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

Ban ANĐ1 đã hoàn thành công tác quản lý dự án và quyết toán dự án NMNĐ Mông Dương 1.

1.8. BQLDA NHIỆT ĐIỆN THÁI BÌNH (BAN ATB)

Địa chỉ:

Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính:



Xã Mỹ Lộc, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình

Ban ATB đang thực hiện quyết toán dự án NMNĐ Thái Bình.

2. CÁC CÔNG TY CON



2.1. CÔNG TY CP NHIỆT ĐIỆN BÀ RIẠ (BTP)

Địa chỉ:	Khu phố Hương Giang, phường Long Hương, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
Công suất:	389 MW
Nhiên liệu sử dụng:	Khí thiên nhiên
Vốn điều lệ:	604,86 tỷ đồng
Vốn góp của EVNGENCO3:	481,24 tỷ đồng
Tỷ lệ sở hữu của EVNGENCO3:	79,56%



2.2. CÔNG TY CP NHIỆT ĐIỆN NINH BÌNH (NBP)

Địa chỉ:	Số 1 đường Hoàng Diệu, phường Vân Giang, TP. Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình
Công suất:	100 MW
Nhiên liệu sử dụng:	Than cám
Vốn điều lệ:	128,66 tỷ đồng
Vốn góp của EVNGENCO3:	70,45 tỷ đồng
Tỷ lệ sở hữu của EVNGENCO3:	54,76%

3. CÁC CÔNG TY LIÊN KẾT, ĐẦU TƯ GÓP VỐN



3.1. CÔNG TY CP TĐ VĨNH SƠN – SÔNG HÌNH

Địa chỉ:	21 Nguyễn Huệ, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
Công suất:	356 MW
Vốn điều lệ:	2.362,41 tỷ đồng
Vốn góp của EVNGENCO3:	608,72 tỷ đồng
Tỷ lệ sở hữu của EVNGENCO3:	30,55%



3.2. CÔNG TY CP TĐ THÁC BÀ

Địa chỉ:	Thị trấn Thác Bà, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái
Công suất:	120 MW
Vốn điều lệ:	635,00 tỷ đồng
Vốn góp của EVNGENCO3:	190,50 tỷ đồng
Tỷ lệ sở hữu của EVNGENCO3:	30,00%



3.3. CÔNG TY CP ĐT&PT ĐIỆN SÊ SAN 3A

Địa chỉ:	96 Phạm Văn Đồng, phường Hoa Lư, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai
Công suất:	108 MW
Vốn điều lệ:	280,00 tỷ đồng
Vốn góp của EVNGENCO3:	84,00 tỷ đồng
Tỷ lệ sở hữu của EVNGENCO3:	30,00%



3.4. CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ NĂNG LƯỢNG GE-PMTP

Địa chỉ:	Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, phường Phú Mỹ, thành phố Phú Mỹ Bà Rịa – Vũng Tàu
Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính:	Cung cấp dịch vụ sửa chữa Tuabin khí cho các khách hàng trong nước và các nước trong khu vực.
Vốn điều lệ:	501,70 tỷ đồng
Vốn góp của EVNGENCO3:	74,46 tỷ đồng
Tỷ lệ sở hữu của EVNGENCO3:	15,00%



3.5. CÔNG TY CP ĐL DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Địa chỉ:	Xã Phước Khánh, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai
Công suất:	750 MW
Vốn điều lệ:	2.878,76 tỷ đồng
Vốn góp của EVNGENCO3:	83,09 tỷ đồng
Tỷ lệ sở hữu của EVNGENCO3:	2,47%



3.6. CÔNG TY CP ĐIỆN VIỆT LÀO

Địa chỉ:	Tầng 9 Tháp B Tòa nhà HH4, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội
Công suất:	651 MW
Vốn điều lệ:	4.377,53 tỷ đồng
Vốn góp của EVNGENCO3:	19,60 tỷ đồng
Tỷ lệ sở hữu của EVNGENCO3:	0,45%

VI. BAN LÃNH ĐẠO TỔNG CÔNG TY

1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông ĐINH QUỐC LÂM
Chủ tịch HĐQT

Năm sinh: 1973
Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, Kỹ sư Hệ thống điện
Đại diện sở hữu: 445.769.198 cổ phần
Cá nhân sở hữu: 54.155 cổ phần
Quá trình công tác:

- Từ 01/1996 - 01/2020:** Lần lượt nắm giữ các chức vụ: Phó Quản đốc, Quản đốc Phân xưởng Vận hành, Phó Giám đốc, Giám đốc Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ; Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc EVNGENCO3; Thành viên HĐQT thực hiện chức trách, nhiệm vụ của Chủ tịch HĐQT EVNGENCO3. Tổng Giám đốc EVNGENCO3.
- 01/2020 - nay:** Chủ tịch HĐQT EVNGENCO3.

Chức vụ nắm giữ tại các đơn vị khác: Không.

Ông LÊ VĂN DANH
Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1974
Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, Kỹ sư Điện - Điện tử
Đại diện sở hữu: 334.326.898 cổ phần
Cá nhân sở hữu: 12.600 cổ phần
Quá trình công tác:

- Từ 11/1996 - 01/2020:** Lần lượt nắm giữ các chức vụ: Phó Quản đốc, Phó Quản đốc phụ trách Phân xưởng vận hành 1, Trưởng Phòng Kế hoạch - Vật tư, Phó Giám đốc Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ; Phó Tổng Giám đốc EVNGENCO3.
- 01/2020 - nay:** Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc EVNGENCO3.

Chức vụ nắm giữ tại các đơn vị khác: Không.

Bà NGUYỄN THỊ HẢI YẾN
Thành viên HĐQT

Năm sinh: 1974
Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, Cử nhân Kinh tế lao động
Đại diện sở hữu: 167.163.449 cổ phần
Cá nhân sở hữu: 11.484 cổ phần
Quá trình công tác:

- 09/1994 - 06/2023:** Lần lượt nắm giữ các chức vụ: Phó Trưởng phòng, Trưởng phòng Tổ chức - Lao động Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ; kiêm nhiệm Thành viên HĐQT CTCP Nhiệt điện Ninh Bình; Trưởng Ban Tổ chức và Nhân sự EVNGENCO3.
- 06/2023 - nay:** Thành viên HĐQT chuyên trách EVNGENCO3.

Chức vụ nắm giữ tại các đơn vị khác: Không.

Ông NGUYỄN MINH KHOA
Thành viên HĐQT

Năm sinh: 1974
Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, Cử nhân Luật, Cử nhân Tiếng Anh
Đại diện sở hữu: 167.163.449 cổ phần
Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần
Quá trình công tác:

- 07/2001 - nay:** Lần lượt nắm giữ các vị trí: Phó Trưởng ban Thanh tra Bảo vệ và Pháp chế, Phó Trưởng ban Pháp chế, Trưởng ban Pháp chế Tập đoàn Điện lực Việt Nam.
- 01/2020 - nay:** Trưởng ban Pháp chế Tập đoàn Điện lực Việt Nam kiêm Thành viên HĐQT (không chuyên trách) EVNGENCO3.

Chức vụ nắm giữ tại các đơn vị khác:

- Trưởng ban Pháp chế, Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

Ông ĐỖ MỘNG HÙNG
Thành viên độc lập HĐQT

Năm sinh: 1958
Trình độ chuyên môn: Kỹ Sư Nhiệt điện
Đại diện sở hữu: 0 cổ phần
Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần
Quá trình công tác:

- 10/1981 - 04/2016:** Lần lượt nắm giữ các chức vụ: Phó Trưởng phòng Đo lường Tự động nhiệt, Trưởng phòng Kế hoạch, Trung tâm Thí nghiệm điện - Công ty Điện lực 1; Phó trưởng Ban, Trưởng Ban kỹ thuật nguồn điện/kỹ thuật sản xuất, Trưởng ban An toàn Tập đoàn Điện lực Việt Nam; kiêm nhiệm các vị trí: Thành viên HĐQT Công ty CP Nhiệt điện Quảng Ninh; Thành viên HĐQT, Chủ tịch HĐQT Công ty CP Nhiệt điện Hải Phòng.
- 09/2018 - nay:** Thành viên độc lập HĐQT EVNGENCO3.

Chức vụ nắm giữ tại các đơn vị khác: Không.

2. BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG



Ông LÊ VĂN DANH
Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1974

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, Kỹ sư Điện - Điện tử

Đại diện sở hữu: 334.326.898 cổ phần

Cá nhân sở hữu: 12.600 cổ phần

Quá trình công tác:

- Từ 11/1996 – 01/2020:** Lần lượt nắm giữ các chức vụ: Phó Quản đốc, Phó Quản đốc phụ trách Phân xưởng vận hành 1, Trưởng Phòng Kế hoạch - Vật tư, Phó Giám đốc Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ; Phó Tổng Giám đốc EVNGENCO3.
- 01/2020 – nay:** Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc EVNGENCO3.

Chức vụ nắm giữ tại các đơn vị khác: Không.

Ông TRẦN ĐÌNH ÂN
Phó tổng Giám đốc
Kỹ thuật – sản xuất

Năm sinh: 1978

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Cơ Điện tử, Kỹ sư Hệ thống điện

Đại diện sở hữu: 0 cổ phần

Cá nhân sở hữu: 7.420 cổ phần

Quá trình công tác:

- 10/2001 – 03/2023:** Lần lượt nắm giữ các chức vụ: Phó Trưởng phòng Kỹ thuật Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ; Phó Trưởng ban Kỹ thuật – Sản Xuất EVNGENCO3, Trưởng ban Kế hoạch EVNGENCO3; kiêm nhiệm TV HĐTV Công ty TNHH Năng lượng GE-PMTP.
- 03/2023 – nay:** Phó Tổng Giám đốc EVNGENCO3.
- 15/10/2024 – nay:** kiêm nhiệm Giám đốc CTNĐ Phú Mỹ.

Chức vụ nắm giữ tại các đơn vị khác: Giám đốc Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ.

Ông NGUYỄN THANH TRÙNG DƯƠNG
Phó Tổng Giám đốc
Kinh doanh Thị trường điện

Năm sinh: 1970

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Mạng và Hệ thống Điện, Kỹ sư Kỹ thuật Điện

Đại diện sở hữu: 0 cổ phần

Cá nhân sở hữu: 16.170 cổ phần

Quá trình công tác:

- 07/1993 – 01/2013:** Lần lượt nắm giữ các chức vụ: Quản đốc Phân xưởng Điện - Tự động, Ban CBSX các NMTĐ trên sông Vu Gia - Thu Bồn, Quản đốc Phân xưởng Điện - Tự động kiêm Phó trưởng ban, Ban QLDA Thủy điện A Vương; Giám đốc Trung tâm bảo trì thủy điện và DVKT kiêm Phó trưởng Ban, Phó Tổng Giám đốc CTCP Thủy điện A Vương.
- 01/2013 – nay:** Phó Tổng Giám đốc EVNGENCO3 kiêm nhiệm Chủ tịch HĐQT CTCP NĐ Ninh Bình.
- 06/2022:** kiêm nhiệm Chủ tịch HĐQT CTCP NĐ Ninh Bình.

Chức vụ nắm giữ tại các đơn vị khác: Chủ tịch HĐQT CTCP Nhiệt điện Ninh Bình.

Bà NGUYỄN THỊ THANH HƯƠNG
Phó Tổng Giám đốc
Kinh tế – Tài Chính

Năm sinh: 1977

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, Cử nhân Kinh tế, Cử nhân Ngoại ngữ – Tiếng Anh

Đại diện sở hữu: 0 cổ phần

Cá nhân sở hữu: 10.080 cổ phần

Quá trình công tác:

- 08/2001 – 09/2018:** Lần lượt nắm giữ các chức vụ: Phó Trưởng phòng, Kế toán trưởng Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ; Kế toán trưởng EVNGENCO3.
- 10/2018 – nay:** Phó Tổng Giám đốc EVNGENCO3.

Chức vụ nắm giữ tại các đơn vị khác: Không.

Ông VÕ MINH THẮNG
Phó Tổng Giám đốc
Đầu tư – Xây dựng

Năm sinh: 1977

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, Kỹ sư Điện - Điện tử

Đại diện sở hữu: 0 cổ phần

Cá nhân sở hữu: 12.180 cổ phần

Quá trình công tác:

- 04/2001 – 04/2021:** Lần lượt nắm giữ các vị trí: Phó Quản đốc, Quản đốc PXVH1 Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ; Phó Trưởng ban phụ trách, Trưởng ban Ban KD-TTĐ EVNGENCO3; Phó Giám đốc, Phó Giám đốc phụ trách, Giám đốc Ban QLDA Nhiệt điện Vĩnh Tân từ tháng 07/2019 đến nay.
- 04/2021 – nay:** Phó Tổng Giám đốc ĐT-XD EVNGENCO3.

Chức vụ nắm giữ tại các đơn vị khác: Giám đốc Ban QLDA Nhiệt điện Vĩnh Tân.

Bà VŨ PHƯƠNG THẢO
Kế toán trưởng

Năm sinh: 1983

Trình độ chuyên môn:

Cử nhân Kế toán

Đại diện sở hữu: 0 cổ phần

Cá nhân sở hữu: 945 cổ phần

Quá trình công tác:

- 12/2007 – 08/2020:** Lần lượt giữ các chức vụ: Phó Trưởng phòng Tài chính - Kế toán Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ; Phó Trưởng ban, Trưởng ban Tài chính - Kế toán EVNGENCO3.
- 08/2020 đến nay:** Kế toán trưởng EVNGENCO3.

Chức vụ nắm giữ tại các đơn vị khác: Không.

3. BAN KIỂM SOÁT



Ông PHẠM HÙNG MINH
Trưởng Ban Kiểm soát

Năm sinh: 1970
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế đối ngoại, Cử nhân Kế toán
Đại diện sở hữu: 0 cổ phần
Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần
Quá trình công tác:

- 10/2000 - 10/2018:** Lần lượt nắm giữ các chức vụ: Phó phòng Tài chính kế toán, Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa; Kiểm soát viên chuyên trách EVNGENCO3.
- 10/2018 - nay:** Trưởng Ban Kiểm soát EVNGENCO3.

Chức vụ nắm giữ tại các đơn vị khác: Chuyên viên Ban Kiểm toán nội bộ và Giám sát tài chính, Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

Bà VŨ HẢI NGỌC
Thành viên Ban Kiểm soát

Năm sinh: 1971
Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, Cử nhân Kế toán doanh nghiệp
Đại diện sở hữu: 0 cổ phần
Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần
Quá trình công tác:

- 12/1992 - 06/2017:** Trải qua các vị trí: Thu ngân viên, Nhân viên kinh doanh; nhân viên, Phó phòng Tài chính Kế toán của Công ty Điện lực Ba Đình, Tổng Công ty Điện lực TP. Hà Nội; Chuyên viên Ban Kiểm toán nội bộ và Giám sát tài chính, Tập đoàn Điện lực Việt Nam.
- 07/2017 - nay:** Chuyên viên Ban Kiểm toán nội bộ và Giám sát tài chính Tập đoàn Điện lực Việt Nam kiêm Thành viên Ban Kiểm soát không chuyên trách EVNGENCO3.

Chức vụ nắm giữ tại các đơn vị khác: Chuyên viên Ban Kiểm toán nội bộ và Giám sát tài chính, Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

Ông ĐÀU ĐỨC CHIẾN
Thành viên Ban Kiểm soát

Năm sinh: 1977
Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kỹ thuật điện
Đại diện sở hữu: 0 cổ phần
Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần
Quá trình công tác:

- 05/2002 - 09/2018:** Trải qua các vị trí: Quản lý vận hành Trạm biến áp - Công ty Truyền tải điện 1; Chuyên viên Ban Quản lý Xây dựng, Tập đoàn Điện lực Việt Nam.
- 09/2018 - nay:** Chuyên viên Ban Quản lý Xây dựng kiêm Thành viên Ban Kiểm soát không chuyên trách EVNGENCO3.

Chức vụ nắm giữ tại các đơn vị khác: Chuyên viên Ban Quản lý xây dựng, Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

VII. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

1. MỤC TIÊU TỔNG QUÁT

Vận hành các tổ máy trong EVNGENCO3 đáp ứng theo phương thức huy động của Công ty vận hành hệ thống điện và thị trường điện Quốc gia.



Đảm bảo chỉ tiêu lợi nhuận được ĐHCĐ thông qua.

Đẩy mạnh hoạt động dịch vụ các lĩnh vực thông qua chuỗi cung ứng từ: Quản lý dự án – quản lý vận hành – sửa chữa, trong đó tập trung phát triển dịch vụ vận hành, thị trường điện.



Triển khai xúc tiến đầu tư, hợp tác đầu tư dự án nguồn điện mới thân thiện với môi trường.

Triển khai công tác tái cơ cấu nhằm nâng cao năng lực tài chính của Tổng Công ty, đáp ứng thu xếp vốn cho đầu tư xây dựng các dự án nguồn điện mới được phê duyệt.



Bộ máy hoạt động hiệu năng, hiệu quả; đảm bảo việc làm và cải thiện đời sống vật chất và tinh thần cho CBCNV.

2. NHIỆM VỤ CHỦ YẾU

Đảm bảo vận hành ổn định, tin cậy và kinh tế các nhà máy điện.

Thực hiện tối ưu hóa chi phí, đảm bảo kết quả sản xuất kinh doanh được ĐHCĐ giao.

Thúc đẩy công tác đầu tư Dự án điện gió ngoài khơi, NMD linh hoạt theo kế hoạch triển khai Quy hoạch Điện VIII; tiếp tục nghiên cứu, xúc tiến các thủ tục để đầu tư các Dự án: NMD khí LNG TTDL Long Sơn (giai đoạn 1), NMTĐ Srêpôk 3 MR, Buôn Kuốp MR và các Dự án nguồn điện sạch/xanh.

Tiếp tục tìm kiếm đối tác tiêu thụ tro xỉ của NMTĐ Vĩnh Tân 2 với khối lượng lớn và lâu dài, bền vững nhằm đảm bảo vận hành ổn định và chất lượng môi trường ngày càng tốt hơn.

Tiếp tục quản trị chuyên nghiệp sắp xếp lao động tối ưu, chuyên nghiệp, gắn tiền lương, thu nhập, cơ hội phát triển nghề nghiệp với hiệu quả công việc của từng cá nhân.

Chuẩn bị thực hiện theo đề án tái cơ cấu sau khi được cấp thẩm quyền phê duyệt.

Đảm bảo công tác an ninh – quốc phòng; tăng cường công tác kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro.

3. ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC

3.1. ĐỊNH HƯỚNG DUY TRÌ VÀ PHÁT TRIỂN THỊ PHẦN

Nhận thức vai trò và vị trí trên thị trường phát điện, để phục vụ cho mục tiêu phát triển lâu dài và duy trì thị phần phù hợp trong giai đoạn tới, EVNGENCO3 đã và đang triển khai các định hướng chính như sau:

Công tác sản xuất điện: Tối đa sản xuất các nguồn điện hiện có và từng bước triển khai chuyển đổi nhiên liệu theo Nghị quyết số 121/NQ-HĐQT ngày 19/9/2022 về chiến lược phát triển giai đoạn 2022–2030, tầm nhìn đến 2035.

Nhiệt điện than: Với phương châm đa dạng hoá và chủ động nguồn cung nhiên liệu; bên cạnh việc sử dụng nguồn than trong nước theo thỏa thuận đã ký, EVNGENCO3 sẽ tiếp tục triển khai các giải pháp mua các nguồn than nhập khẩu phù hợp/chất lượng tốt trên thế giới để sử dụng vận hành trực tiếp cho các nhà máy nhằm đảm bảo nhiên liệu cho sản xuất và nâng cao hiệu quả vận hành,

giảm suất hao nhiệt; triển khai nghiên cứu chuyển đổi vận hành phối trộn với Amonia, Biomass để giảm phát thải theo xu hướng chuyển dịch xanh.

Nhiệt điện khí: Triển khai bổ sung khí LNG để phát huy hiệu quả của các NMD Phú Mỹ, Bà Rịa. Nghiên cứu nâng cấp/đầu tư mới công nghệ để vận hành phối trộn với khí Hydrogen trong tương lai.

Công tác đầu tư các dự án nguồn điện: Với các định hướng và tình hình tài chính vững vàng, EVNGENCO3 đặt mục tiêu phấn đấu tăng trưởng phần đầu tăng trưởng và duy trì, phát triển thị phần trên hệ thống điện.

3.2. ĐỊNH HƯỚNG VỀ CHUYỂN DỊCH NĂNG LƯỢNG VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

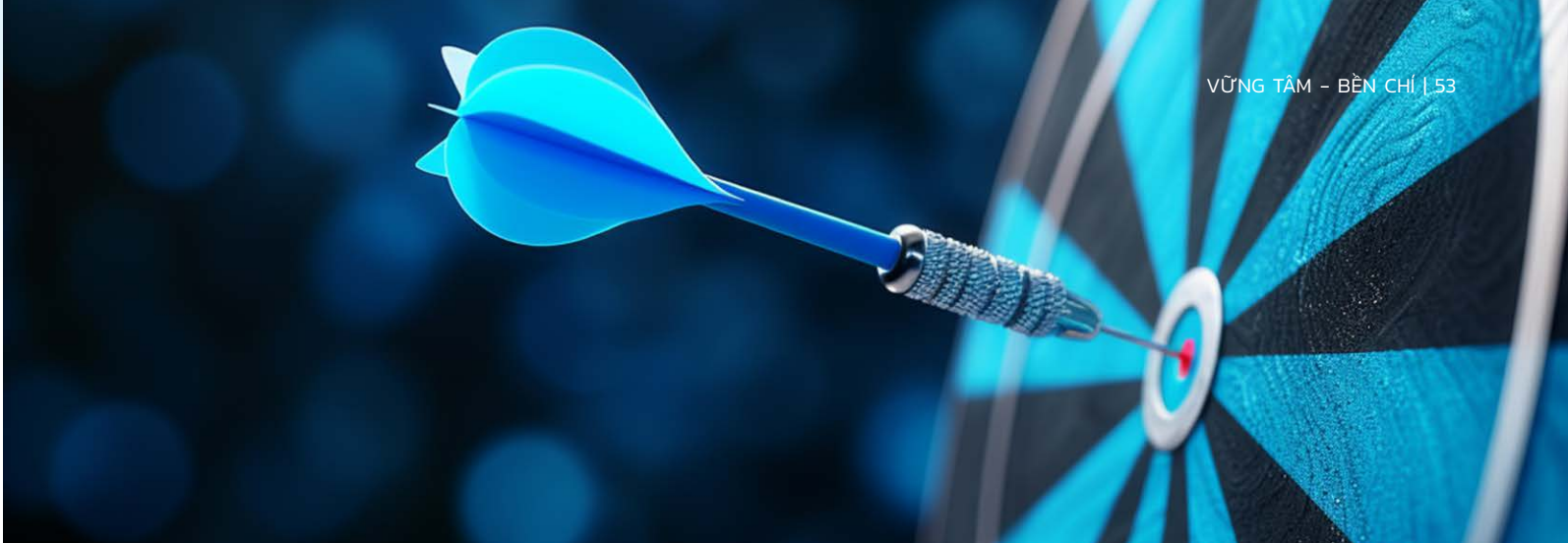
Ngày 19/9/2022, Hội đồng Quản trị EVNGENCO3 ban hành Nghị quyết số 121/NQ-HĐQT về chiến lược phát triển giai đoạn 2022–2030, tầm nhìn đến 2035. Một chặng đường cần quyết tâm mạnh mẽ và hành động cụ thể để vượt qua.

Trong giai đoạn đầu của hành trình này, các nhà máy nhiệt điện than của EVNGENCO3 sẽ được ưu tiên đầu tư với mục tiêu đảm bảo môi trường bằng các giải pháp nâng cấp cải tiến thiết bị xử lý môi trường, thu giữ cacbon. Ngoài ra, áp dụng các công nghệ đốt trộn Amonia, đốt trộn Biomass sẽ góp phần cho việc đảm bảo môi trường của các nhà máy điện than. Đối với các tuabin khí, việc chuyển dịch năng lượng sạch sẽ được thực hiện trong giai đoạn sau, trong đó việc đốt trộn được Hydro là ưu tiên hàng đầu. Các tuabin khí hiện hữu sẽ được nâng cấp cải tiến. Bên cạnh đó,

EVNGENCO3 cũng sẽ tham gia vào nhiều lĩnh vực của thị trường Hydro đang rất sôi động và đầy tiềm năng hiện nay.

Không chỉ là định hướng, ngay lúc này EVNGENCO3 cùng với nhiều đối tác sẵn sàng về công nghệ, mong muốn đồng hành cùng EVNGENCO3 hiện thực hóa mục tiêu chuyển dịch năng lượng thông qua việc nghiên cứu đầu tư/Hợp tác đầu tư các Dự án nguồn điện mới với trọng tâm là các nguồn điện xanh/sạch (NMD linh hoạt, ĐMT nổi trên hồ thủy điện, NMTĐ khí LNG, NMD gió ngoài khơi, Thủy điện mở rộng,...)

Với khát vọng vươn lên thực hiện trọn vẹn sứ mệnh của mình EVNGENCO3 tự tin đi đến đích trên hành trình chuyển dịch năng lượng sạch, phát triển bền vững, hướng đến một tương lai tươi sáng hơn cho thế hệ mai sau.



3.3. ĐỊNH HƯỚNG TÁI CƠ CẤU EVNGENCO3

Quá trình tái cơ cấu được đánh dấu từ thời điểm 27/9/2018 khi EVNGENCO3 là Tổng Công ty phát điện đầu tiên trong EVN chính thức chuyển đổi hoạt động theo mô hình công ty cổ phần, cổ phiếu PGV chính thức giao dịch trên sàn UpCom. Gần 4 năm sau, ngày 10/02/2022 cổ phiếu PGV chính thức niêm yết và giao dịch trên sàn HOSE, với những chuẩn mực cao hơn trong hoạt động niêm yết, quản trị công ty cổ phần đại chúng quy mô lớn, mở ra cơ hội đưa EVNGENCO3 đến gần hơn với các Nhà đầu tư lớn trong và ngoài nước để tạo nguồn lực phát triển theo định hướng chiến lược phát triển của EVNGENCO3.

Ngày 31/12/2024, Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại Doanh nghiệp ban hành Quyết định số 673/QĐ-UBQLV phê duyệt giá

trị thực tế phần vốn Nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển thành CTCP – Đây là tiền đề mang tính quyết định để EVNGENCO3 triển khai công tác tái cơ cấu trong thời gian tới, EVNGENCO3 đã và đang tiếp tục tìm kiếm các Nhà đầu tư tiềm năng, đặc biệt là các Nhà đầu tư chuyên nghiệp/Tập đoàn lớn có lĩnh vực hoạt động tương đồng và/hoặc về tài chính, công nghệ... để tham gia mua cổ phần và trở thành cổ đông lớn của Tổng Công ty. Với sự tham gia của các Nhà đầu tư lớn, EVNGENCO3 mong muốn sẽ tiếp tục nâng cao nguồn lực (tài chính, nhân sự), quản trị hiện đại và hướng đến một giai đoạn phát triển mới cùng với sự phát triển của ngành điện Việt Nam.

3.4. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CUNG CẤP DỊCH VỤ

CUNG CẤP DỊCH VỤ SỬA CHỮA VẬN HÀNH O&M

Với nền tảng hơn 25 năm sửa chữa các loại hình nhiệt điện của các nhà sản xuất MPW, GE, Siemens, Doosan, SEC,..., Công ty EPS (chi nhánh của EVNGENCO3) đã không ngừng tích lũy kinh nghiệm, làm chủ công nghệ, phát triển thị trường và hiện nay đã thực hiện sửa chữa thường xuyên, sửa chữa lớn các nhà máy điện thuộc EVNGENCO3 và EVN với tổng công suất gần 6.700 MW. Bên cạnh duy trì thị trường, Công ty EPS không ngừng được đào tạo chuyên sâu về sửa chữa bảo dưỡng tuabin, máy phát, lò hơi, tuabin gió, công nghệ gia công chế tạo, công nghệ tối ưu hóa vận hành lò hơi, cân bằng động,... tại các nước tiên tiến trên thế giới nhằm hướng đến cung cấp dịch vụ Vận hành và bảo dưỡng trọn gói cho các nhà máy điện trong và ngoài nước. Hiện đã thực hiện cung cấp dịch vụ O&M cho NMD Phú Mỹ 3 và NMD Phú Mỹ 2.2. ký hợp đồng O&M NMD Hiệp Phước (12 năm).

CUNG CẤP DỊCH VỤ QUẢN LÝ DỰ ÁN

Công tác quản lý dự án đầu tư xây dựng cũng là thế mạnh của EVNGENCO3. Với kinh nghiệm hơn 25 năm tham gia phát triển đầu tư, xây dựng các dự án trung tâm điện lực quy mô lớn gồm tuabin khí chu trình hỗn hợp ở Trung tâm Điện lực Phú Mỹ, Trung tâm Điện lực Vĩnh Tân và Mông Dương, thủy điện (ở Buôn Kuốp, Bản Chát),... trong thời gian tới EVNGENCO3 sẽ là đối tác tin cậy cung cấp dịch vụ quản lý các dự án điện trong và ngoài ngành.

CUNG CẤP DỊCH VỤ NĂNG LƯỢNG

Ngày 03/7/2024, Chính phủ ban hành Nghị định 80/2024/NĐ-CP quy định về cơ chế mua bán điện trực tiếp (DPPA). Với thế mạnh và nguồn lực nội tại vững chắc, EVNGENCO3 đã chuẩn bị mọi nguồn lực thành lập đơn vị cung cấp dịch vụ năng lượng (thị trường điện) nhằm phát huy thế mạnh, nâng cao hiệu quả hoạt động EVNGENCO3.

nhau tạo ra sự khác biệt, cùng nhau tiến về phía trước, đa dạng, hợp tác đưa ra quyết định là nét riêng của EVNGENCO3. Cán bộ quản lý có vai trò tiên phong trong chuyển đổi số, nâng cao năng lực quản trị, thích ứng linh hoạt để dẫn dắt và xây dựng đội ngũ CBCNV có trình độ kỹ thuật cao, tác phong chuyên nghiệp, đáp ứng được các yêu cầu phát triển ngành điện theo chuẩn mực quốc tế. Đội ngũ kỹ thuật của EVNGENCO3 được đào

tạo chuyên môn sâu, nắm bắt và làm chủ công nghệ và hệ thống thiết bị, thay thế được các chuyên gia nước ngoài, quản lý vận hành hệ thống điện an toàn, hướng đến dịch vụ cung ứng nguồn lực chất lượng cao về vận hành, sửa chữa các loại hình công nghệ.

Bước sang giai đoạn tiếp theo với khát vọng chinh phục các mục tiêu Tổng Công ty đặt ra để tiếp tục bứt phá vươn xa

hơn nữa, với sự tràn đầy nhiệt huyết của đội ngũ CBCNV trên các mặt trận từ quản lý vận hành, kỹ thuật, quản lý dự án, quản trị tiên tiến, cùng tinh thần không ngừng đổi mới tư duy sáng tạo, chắc chắn rằng tập thể EVNGENCO3 sẽ tiếp tục cùng nhau tạo nên những giá trị bền vững và khác biệt trong giai đoạn tiếp theo.

4. CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

VỀ MÔI TRƯỜNG

Tiếp tục đầu tư và hành động có chiều sâu trong sản xuất kinh doanh nhằm giảm thiểu tối đa tác động xấu đến môi trường, tôn trọng và tuân thủ các chuẩn mực về an toàn. Không để xảy ra sự cố liên quan đến môi trường hay bị xử phạt hành chính lĩnh vực bảo vệ môi trường.

VỀ KINH TẾ

Giữ vững mục tiêu hiệu quả kinh tế gắn liền với phát triển bền vững, gia tăng lợi ích, giá trị thiết thực cho các bên liên quan.

VỀ CỘNG ĐỒNG, XÃ HỘI

Thực hiện đầy đủ trách nhiệm với xã hội và cộng đồng thông qua tạo việc làm ổn định, bền vững cho người lao động; góp phần phát triển kinh tế địa phương; hoàn thành tốt nghĩa vụ đóng thuế cho nhà nước; tích cực tổ chức và tham gia các hoạt động thiện nguyện; đồng hành bền vững cùng cộng đồng, xã hội.

3.5. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC

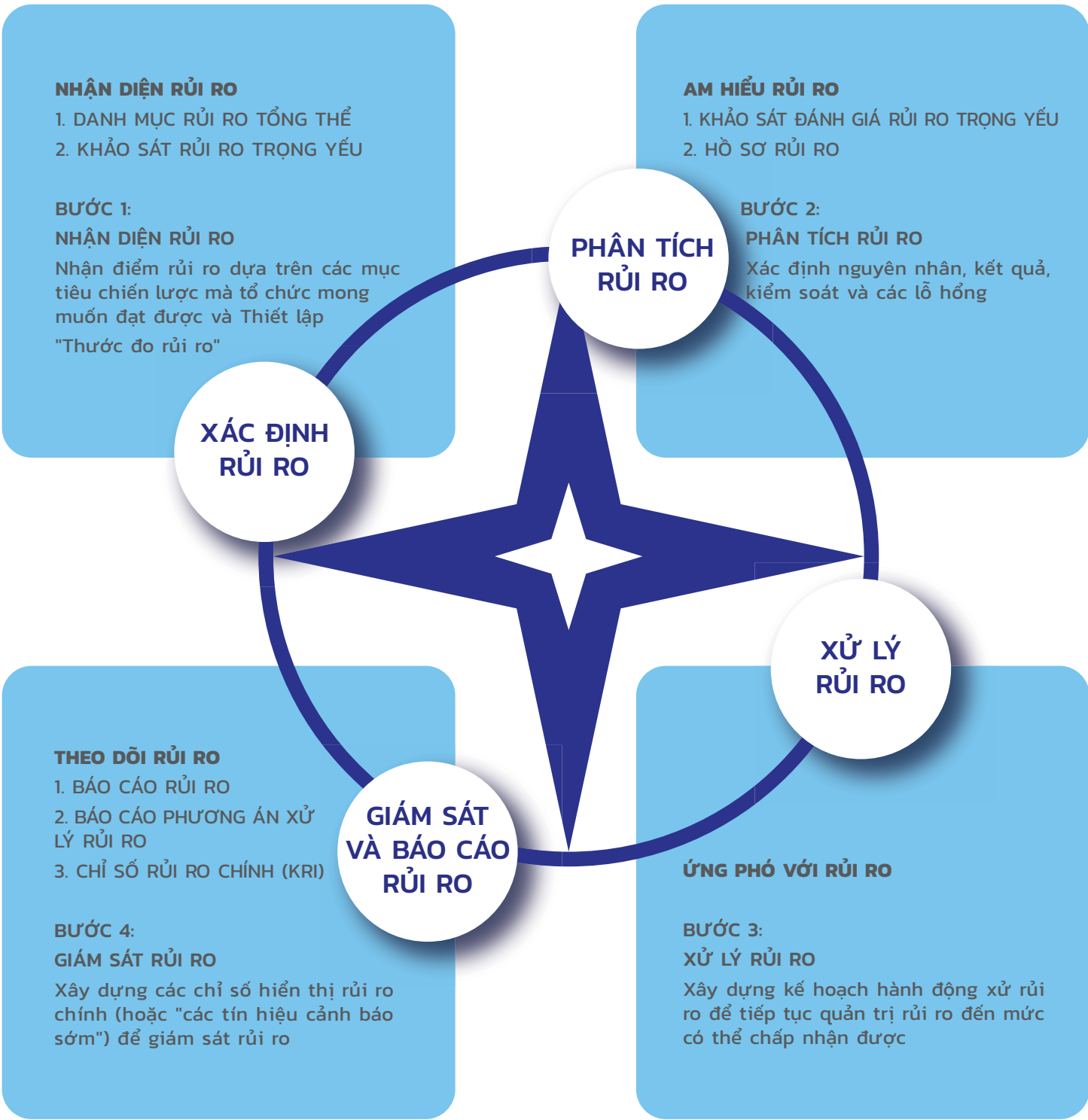
Song hành với chiến lược chuyển đổi số và chuyển dịch năng lượng sạch, EVNGENCO3 chủ động triển khai các chương trình đào tạo phát triển nguồn nhân lực để xây dựng đội ngũ CBCNV chất lượng, chuyên nghiệp, trong đó “tinh thần khai phóng” là nét chủ đạo trong các khóa học tập và đào tạo kỹ năng mềm với tiêu chí nâng cao năng lực, trình độ đáp ứng mục tiêu phát triển của Tổng Công ty, xác lập tinh thần cùng



VIII. QUẢN TRỊ RỦI RO

Trong những năm qua, EVNGENCO3 luôn nỗ lực thực hiện các giải pháp nhằm đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu ĐHCĐ giao. Trong đó, công tác quản trị rủi ro đóng vai trò quan trọng và là một phần không thể thiếu trong quản trị Doanh nghiệp, công tác quản trị rủi ro luôn được EVNGENCO3 chú trọng nhằm sớm xác định các rủi ro tiềm ẩn, xây dựng các giải pháp quản trị rủi ro (phòng ngừa, giảm thiểu, né tránh, kiểm soát, chấp nhận rủi ro) từ đó giảm thiểu tối đa các tổn thất; tận dụng các cơ hội để thúc đẩy phát triển bền vững của Tổng Công ty.

CÁC HỒ SƠ RỦI RO (BAO GỒM HỒ SƠ RỦI RO TRỌNG YẾU VÀ HỒ SƠ RỦI RO CẤP QUY TRÌNH) ĐƯỢC XÂY DỰNG VÀ KIỂM SOÁT THEO QUY TRÌNH SAU:



Hàng năm, EVNGENCO3 xây dựng chương trình rủi ro tổng thể, ban hành danh mục rủi ro và xây dựng hồ sơ rủi ro trọng yếu (bao gồm phân tích các yếu tố tác động, khả năng/tần suất xảy ra, các giải pháp, phương pháp bổ sung cũng như ngưỡng chấp nhận rủi ro,...) nhằm kiểm soát chặt chẽ. Bên cạnh đó, EVNGENCO3 đã xây dựng rà soát, cập nhật hồ sơ rủi ro cấp quy trình nhằm đảm các quy trình trong EVNGENCO3/Đơn vị được thực hiện đúng quy định và giảm thiểu rủi ro.



KẾT QUẢ THỰC HIỆN QUẢN TRỊ RỦI RO NĂM 2024 CỦA EVNGENCO3:

Hồ sơ RRTY đã được các chủ rủi ro nhận diện đầy đủ nguyên nhân các yếu tố tác động; lượng hóa mức độ rủi ro và đưa ra phương án 36 phương án để xử lý các rủi ro và xây dựng 31 ngưỡng/hạn mức KRI để giám sát rủi ro. Xây dựng, rà soát, cập nhật 403 hồ sơ rủi

ro cấp quy trình; Tổng Công ty/các Chủ rủi ro đã xây dựng các giải pháp quản trị nhằm kiểm soát chặt chẽ các yếu tố tác động/rủi ro tác động đến các hoạt động của Tổng Công ty, đề xuất các giải pháp, kiến nghị trong các Tờ trình/Báo cáo liên quan.

KẾ HOẠCH QUẢN TRỊ RỦI RO NĂM 2025 CỦA EVNGENCO3:

Trên cơ sở phân tích đánh giá các nhiệm vụ trọng tâm trong các lĩnh vực hoạt động của TCT trong năm 2025. Theo đó TCT tập trung quản trị đối với các rủi ro tác động/ảnh hưởng trực tiếp đến các nhiệm vụ của TCT trong năm 2025 gồm:

- Công tác đảm bảo sản xuất điện
- Các giải pháp tối ưu hóa chi phí, nâng cao năng lực tài chính
- Đầu tư các Dự án nguồn điện mới
- Triển khai đề án tái cơ cấu

Thường xuyên rà soát cập nhật các hồ sơ rủi ro trọng yếu, hồ sơ rủi ro cấp quy trình theo tình hình thực hiện thực tế nhằm nâng cao chất lượng trong công tác quản trị rủi ro.

Vững tâm

Tạo giá trị





 Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 2

Tình hình hoạt động

TRONG NĂM 2024

03

Bối Cảnh Chung	62
Kết Quả Hoạt Động Sản Xuất Kinh Doanh	66
Tổ Chức Và Nhân Sự	73
Tình Hình Đầu Tư, Thực Hiện Các Dự Án	76
Tình Hình Tài Chính	84
Cơ Cấu Cổ Đông, Thay Đổi Vốn Đầu Tư Của Chủ Sở Hữu	86

I. BỐI CẢNH CHUNG

1. KINH TẾ THẾ GIỚI VÀ VIỆT NAM NĂM 2024

1.1. KINH TẾ THẾ GIỚI

Năm 2024 đánh dấu 5 năm kể từ khi nền kinh tế toàn cầu bắt đầu phục hồi sau hậu quả của đại dịch COVID-19, trong đó các điều kiện kinh tế vĩ mô đã gần trở lại mức trước dịch.

Theo báo cáo của Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF), tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2024 đạt 3,2%. Lạm phát tiếp tục giảm, ở nhiều nước phát triển, lạm phát đang dần tiến gần đến mức mục tiêu của ngân hàng trung ương, do giá thực phẩm, năng lượng và hàng hóa giảm mạnh. Chỉ số CPI bình quân toàn cầu năm 2024 là 5,8% và dự kiến tiếp tục giảm trong giai đoạn sắp tới.

Tăng trưởng kinh tế toàn cầu và lạm phát trong 5 năm tới được dự báo sẽ trở lại giai đoạn "bình thường", với tăng trưởng GDP dự báo đạt 3,2% – thấp hơn một chút so với bình quân 5 năm trước đại dịch là 3,4% – và CPI tăng nhẹ lên 3,6% từ 3,2% trước đại dịch.

Sau khi đại dịch COVID-19 qua đi, hoạt động thương mại toàn cầu đã được phục hồi và dần đi vào ổn

định. Tuy nhiên, với việc nhiều quốc gia kích hoạt chính sách bảo hộ thương mại, đặc biệt là sự leo thang của căng thẳng thương mại Mỹ – Trung, chuỗi cung ứng toàn cầu đã gặp phải nhiều áp lực mới. Để đối phó, các tập đoàn kinh tế toàn cầu đang tìm cách đa dạng hóa nguồn cung ứng nguyên vật liệu đầu vào và đầu tư vào phát triển công nghệ để tối ưu hóa quy trình sản xuất.

Trong năm 2024, giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu vẫn tiếp tục là một ưu tiên chính sách của nhiều quốc gia trên thế giới. Đầu tư mạnh mẽ vào năng lượng tái tạo và công nghệ xanh trở thành xu thế của nhiều quốc gia và doanh nghiệp. Ở phạm vi toàn cầu, chính sách phát triển bền vững và giảm phát thải khí cacbon đã trở thành ưu tiên chính sách của nhiều chính phủ và doanh nghiệp.

Có thể khẳng định, biến đổi khí hậu không chỉ là thách thức đối với tăng trưởng kinh tế toàn cầu mà còn mở ra những cơ hội mới cho sự phát triển hơn nữa của nền kinh tế thế giới.

1.2. KINH TẾ VIỆT NAM

Trong bối cảnh chịu nhiều ảnh hưởng nặng nề bởi những bất ổn của kinh tế thế giới, kinh tế Việt Nam đã nỗ lực vượt khó với sự phục hồi và tăng trưởng ấn tượng, thể hiện khả năng thích ứng và sáng tạo ngày càng được nâng cao, tiếp tục trở thành điểm sáng nổi bật trong khu vực và trên toàn cầu.

Theo Tổng cục Thống kê, kinh tế Việt Nam năm 2024 đã cán đích thành công với mức tăng trưởng đạt 7,09%, vượt chỉ tiêu 6,5–7% do Quốc hội đặt ra. Sự tăng trưởng duy trì xu hướng tăng dần qua các quý. Quy mô GDP theo giá hiện hành năm 2024 ước đạt 11.511,9 nghìn tỷ đồng, tương đương 476,3 tỷ USD. GDP bình quân đầu người năm 2024 theo giá hiện hành ước đạt 114 triệu đồng/người/năm, tương đương 4.700 USD, tăng 377 USD so với năm 2023.

Thành tựu đạt được trong năm nhờ chiến lược phát triển phù hợp cùng các động lực tăng trưởng truyền thống. Kinh tế vĩ mô tiếp tục ổn định, lạm phát được kiểm soát dưới 4%. Năm 2024, tiêu dùng cuối cùng, bao gồm cả tiêu dùng của người dân và Chính phủ tăng 6,57% so với năm 2023. Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu tiến sát kỷ lục gần 800 tỷ USD. Tính đến thời điểm cuối năm 2024, tổng vốn FDI đăng ký vào Việt Nam đạt hơn 31 tỷ USD, thuộc nhóm 15 nước đang phát triển thu hút vốn FDI lớn nhất thế giới. Các chỉ số phát triển cho thấy Việt Nam tiếp tục là một điểm đến an toàn, hấp dẫn;

các rào cản với đầu tư và kinh doanh được tháo gỡ hiệu quả, tạo động lực cho các doanh nghiệp phục hồi và thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh.

Đồng thời, thực hiện khát vọng thịnh vượng về kinh tế, bền vững về môi trường và công bằng về xã hội, Việt Nam tiếp tục đẩy mạnh đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế hướng tới mục tiêu trở thành nước tiên phong trong khu vực về tăng trưởng xanh, phục hồi xanh và bắt kịp với xu thế phát triển của thế giới. Việc hoàn thiện hệ thống thể chế, tinh gọn bộ máy, nâng cao năng lực, hiệu quả hệ thống chính trị cũng là những đòn bẩy giúp tăng trưởng kinh tế sẽ đạt được nhiều kết quả cao, từ đó nâng cao năng lực cạnh tranh và đẩy mạnh hội nhập kinh tế quốc tế.

THEO TỔNG CỤC THỐNG KÊ, KINH TẾ VIỆT NAM NĂM 2024 ĐÃ CÁN ĐÍCH THÀNH CÔNG VỚI MỨC TĂNG TRƯỞNG ĐẠT

7,09%

VƯỢT CHỈ TIÊU 6,5–7% QUY MÔ GDP THEO GIÁ HIỆN HÀNH NĂM 2024 ĐẠT

11.511,9

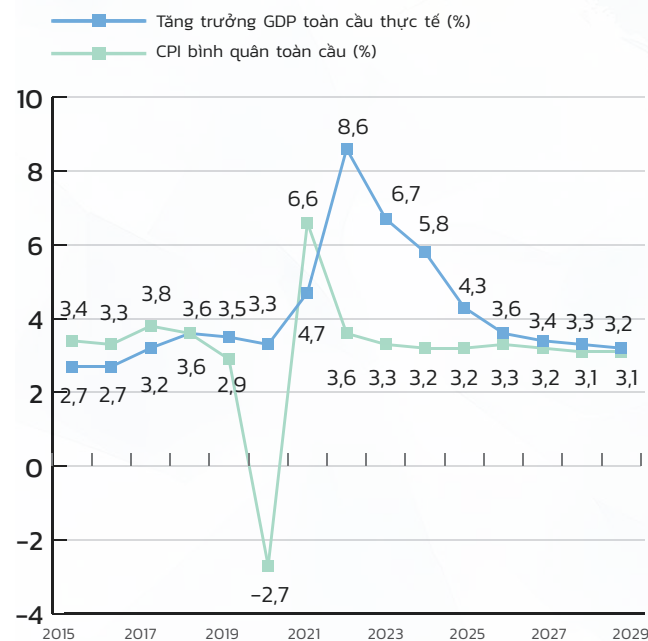
NGHÌN TỶ ĐỒNG

GDP BÌNH QUÂN ĐẦU NGƯỜI NĂM 2024 THEO GIÁ HIỆN HÀNH ĐẠT

114.000.000

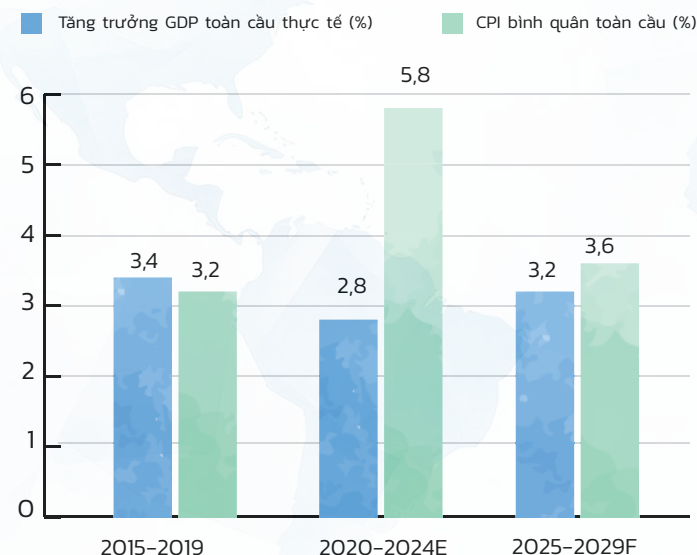
ĐỒNG/NGƯỜI/NĂM,

Dự báo kinh tế toàn cầu: tăng trưởng và lạm phát



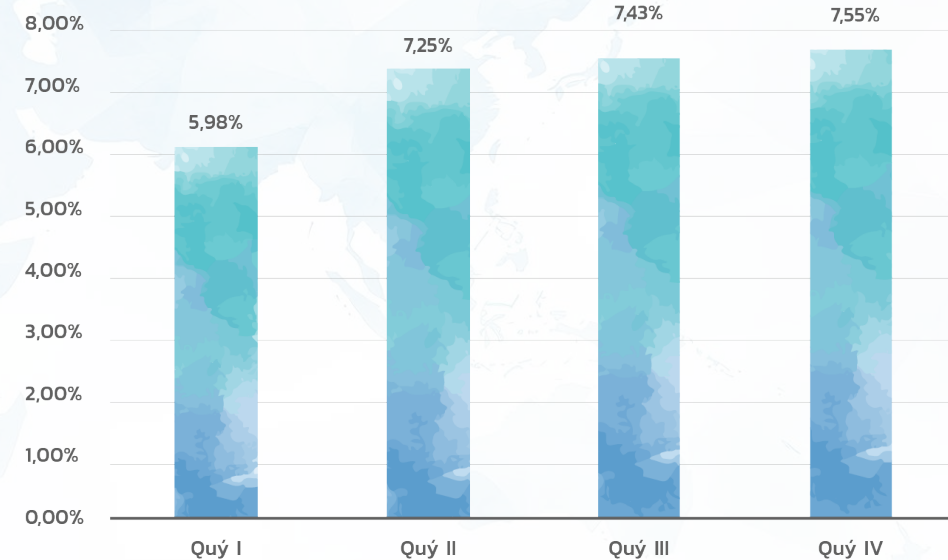
Nguồn: IMF & HSC

Tăng trưởng và lạm phát: 2015–29f



Nguồn: IMF & HSC

Tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam các quý năm 2024



Nguồn: Tổng cục Thống kê

2. TÌNH HÌNH NGÀNH ĐIỆN NĂM 2024

Đến cuối năm 2024, tổng công suất đặt nguồn điện (đã có COD) toàn hệ thống đạt

~82.400 MW
TĂNG ~1.500 MW
SO VỚI NĂM 2023

Quy mô hệ thống điện Việt Nam đứng đầu khu vực ASEAN về công xuất điện, trong đó tổng công xuất các nguồn điện NLTT là

21.447 MW
CHIẾM TỶ TRỌNG 26%

Điện sản xuất và nhập khẩu toàn hệ thống là

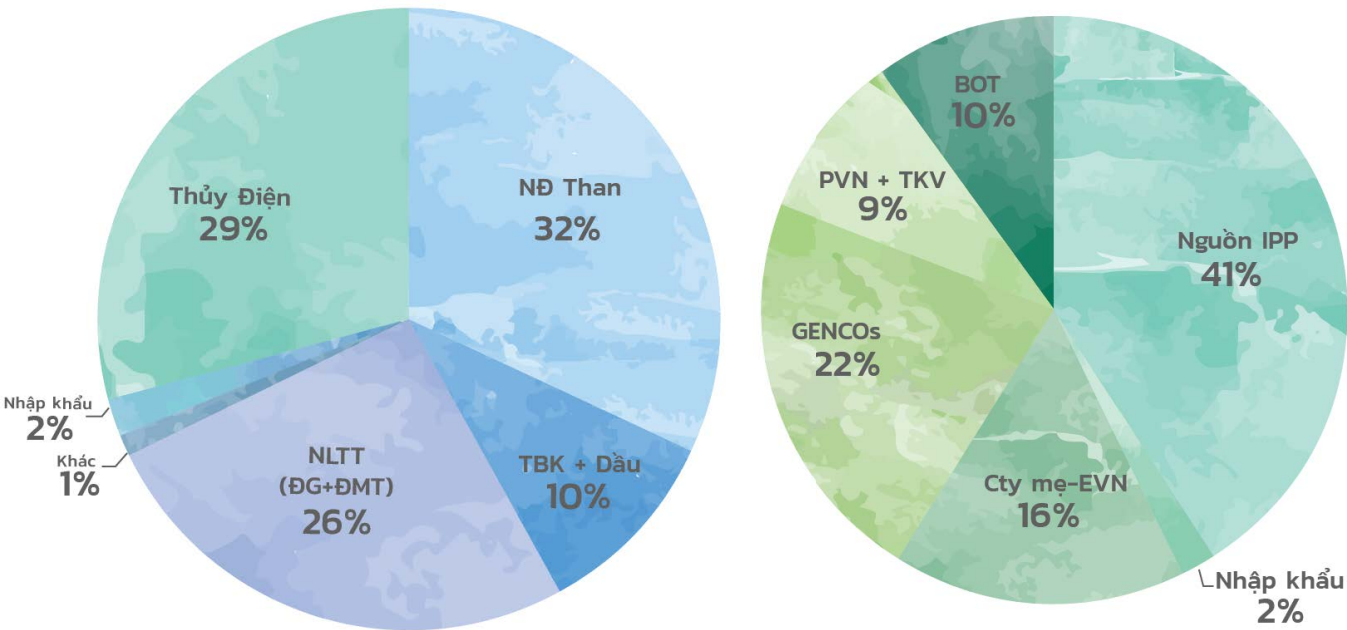
308,73 TỶ KWH
TĂNG 9,9%
SO VỚI 2023

Công suất phụ tải cực đại toàn hệ thống Pmax

48.955 MW
TĂNG 7,52%
SO VỚI NĂM 2023

Theo loại hình nguồn điện

Cơ cấu theo chủ sở hữu



II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Năm 2024, nhiều yếu tố biến động, khó dự báo đã ảnh hưởng lớn đến công tác vận hành hệ thống điện cũng như công tác sản xuất điện của EVNGENCO3:

1/ Quy định vận hành thị trường điện năm 2024 nhiều thay đổi so với trước đây (sản lượng hợp đồng được tính toán trên cơ sở sản lượng điện phương thức tháng, với tỷ lệ anpha các NMNĐ là 70%, NMTĐ là 98%, giá trần thị trường điện giảm 15% so với năm 2023.

2/ Nguồn khí nội trong nước cho các NMNĐ khí khu vực Đông Nam Bộ (ĐNB) tiếp tục suy giảm mạnh.

3/ Tình hình thời tiết, thủy văn biến động bất thường, khó dự báo.

1. CÔNG TÁC SẢN XUẤT ĐIỆN

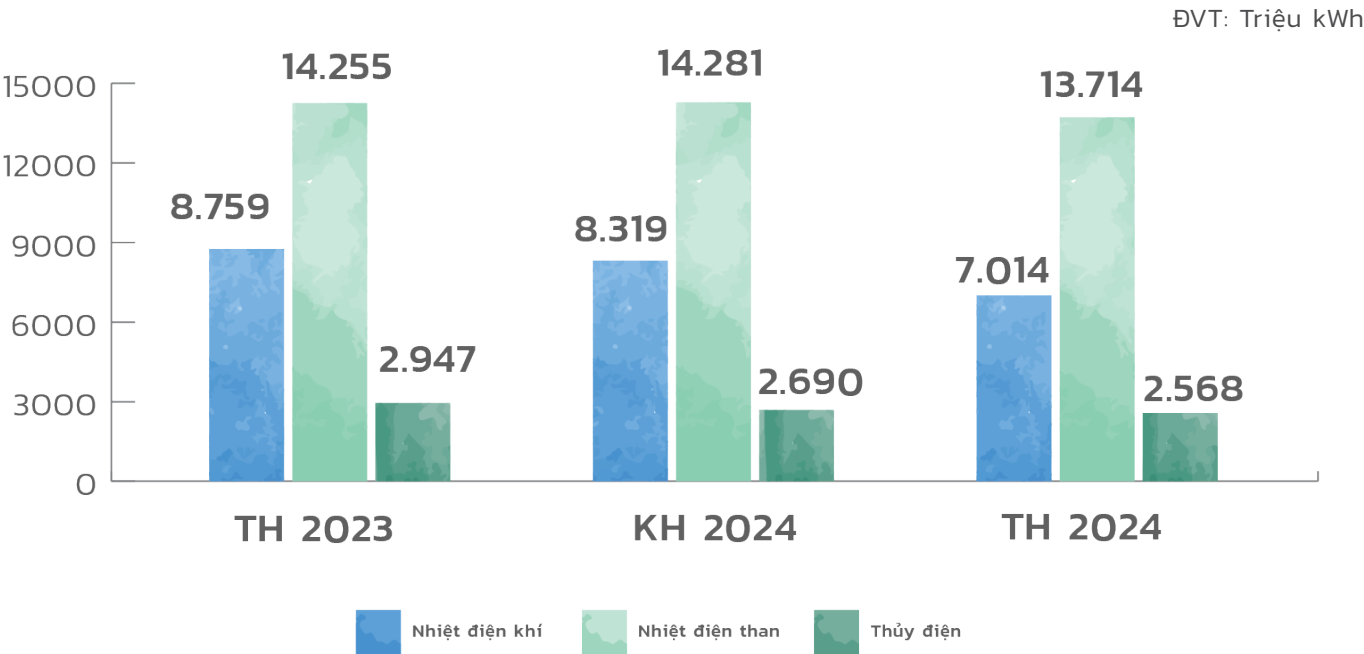
SLĐ sản xuất năm 2024 của EVNGENCO3 (bao gồm các đơn vị HTPT, công ty cổ phần) đạt

26,437 TỶ KWH
đạt 91,95% KH ĐHĐCĐ thường niên thông qua
đạt 113,92% KH EVN/BCT. Trong đó

HTPT:
23,358 TỶ KWH
đạt 92,1% KH ĐHĐCĐ
(114,5% KH EVN)

CTCP:
3,080 TỶ KWH
đạt 90,52% KH ĐHĐCĐ
(109,9% KH BCT)

SẢN LƯỢNG ĐIỆN SẢN XUẤT THEO LOẠI HÌNH NGUỒN
ĐIỆN CÔNG TY MẸ EVNGENCO3



Đơn vị: triệu kWh

STT	ĐƠN VỊ	KH 2024	TH 2024	SO SÁNH (%)	
				CÙNG KỲ	KH NĂM
	EVNGENCO3	28.752	26.437	89,42	91,95
I.	Công ty mẹ	25.349	23.358	89,81	92,14
1	CTNĐ Phú Mỹ	8.319	7.014	80,08	84,32
2	CTNĐ Vĩnh Tân	7.156	7.445	104,03	104,04
2.1	NMĐ Vĩnh Tân 2	7.096	7.383	103,87	104,05
2.2	ĐMT Vĩnh Tân 2	60,0	61,7	126,99	102,85
3	CTNĐ Mông Dương	7.185	6.331	88,58	88,11
4	CTTĐ Buôn Kuốp	2.690	2.568	87,13	95,47
II.	Công ty cổ phần	3.402	3.080	86,59	90,52
1	CTCP NĐ Bà Rịa	85	74	43,31	87,07
2	CTCP NĐ Ninh Bình	425	482	119,12	113,51
3	CTCP TĐ Vĩnh Sơn-Sông Hình	2.121	1.719	77,46	81,02
4	CTCP TĐ Thác Bà	357	414	135,17	115,86
5	CTCP ĐT&PT Điện Sê San 3A	414	391	85,76	94,46

Ghi chú: Sản lượng điện kế hoạch được ĐHĐCĐ thường niên thông qua.

NHẬN XÉT:

Năm 2024, các nhà máy của TCT cơ bản vận hành ổn định, đáp ứng nhu cầu huy động của HTĐ (SLĐ đạt 114,47% KH EVN, 109,09% KH BCT). Đặc biệt, với bối cảnh nguồn NLTT chiếm tỷ trọng cao như hiện nay, các tổ máy tuabin khí (Phú Mỹ, Bà Rịa) đã đáp ứng rất hiệu quả cho nhu cầu phụ tải trong giờ cao điểm khi nguồn NLTT giảm phát, cũng như đáp ứng tốt yêu cầu huy động phủ đỉnh phụ tải bằng khí LNG tái hóa trong các tháng cao điểm mùa khô 2024 (SLĐ vận hành bằng LNG trong năm 2024 của các NMĐ Phú Mỹ ~380 triệu kWh).

Sản lượng điện phát thấp so với kế hoạch chủ yếu do: (i) nguồn NLTT chiếm tỷ trọng lớn tiếp tục được ưu tiên huy động, dẫn đến huy động thấp

nguồn nhiệt điện (SLĐ từ nguồn NLTT chiếm tỷ trọng ~12,8% SLĐ hệ thống, đạt ~104% so với năm 2023); (ii) nhiên liệu khí nội địa suy giảm mạnh, SLĐ khí chiếm tỷ trọng ~7,1% SLĐ hệ thống, chỉ đạt ~82,8% so với năm 2023; (iii) huy động cao các nhà máy nhiệt điện than BOT; (iv) sản lượng điện hợp đồng Qc của các NMĐ Phú Mỹ và NMĐ Vĩnh Tân 2 thấp, đặc biệt NMĐ Vĩnh Tân 2 không được phân bổ SLĐ trong phương thức vận hành tháng 01-02/2024 (Qc=0).

2. ĐẢM BẢO NHIÊN LIỆU SẢN XUẤT ĐIỆN

2.1. NHIÊN LIỆU KHÍ

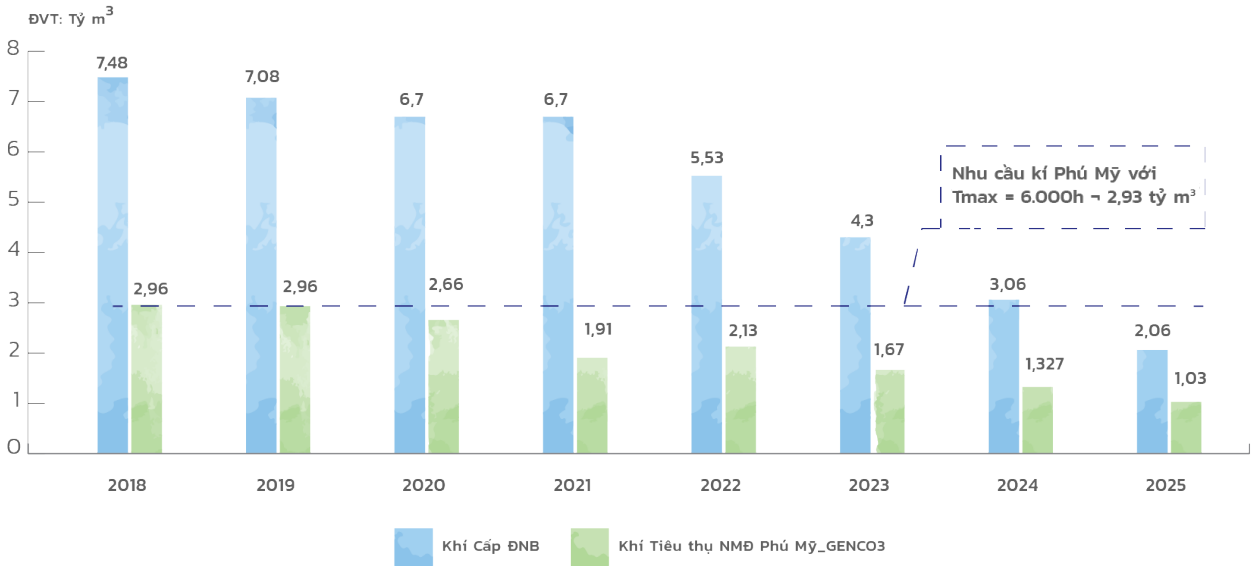
Khí nội địa:

Khả năng cấp khí ĐNB giảm qua từng năm, năm 2024 khoảng 3,06 tỷ m³ (giảm 28,84% so với năm 2023), bình quân 8,3÷9,2 triệu m³/ngày. Khí ĐNB tiêu thụ cả năm cho phát điện là 2,78 tỷ m³ trung bình ~9,11 triệu m³/ngày), trong đó, các NMĐ khí Phú Mỹ – GENCO3 tiêu thụ ~1,33 tỷ m³ trung bình ~ 3,63 triệu m³/ngày.

Khí LNG:

Nguồn khí nội địa cơ bản đáp ứng cho nhu cầu sản xuất điện theo theo huy động của Hệ thống điện. Tuy nhiên, khí nội không đủ để đáp ứng nhu cầu phụ tải tăng cao vào một số thời điểm trong giai đoạn cao điểm mùa khô tháng 04÷05/2024, do đó các NMĐ khí Phú Mỹ được huy động vận hành bằng khí LNG tái hóa. Tổng lượng LNG tái hóa tiêu thụ trong năm 2024 của các NMĐ Phú Mỹ – GENCO3 tiêu thụ ~73,4 triệu m³ (370 triệu kWh).

Tình hình cung ứng, tiêu thụ khí giai đoạn 2018 – 2025 (triệu m³/ngày).



Giá khí:

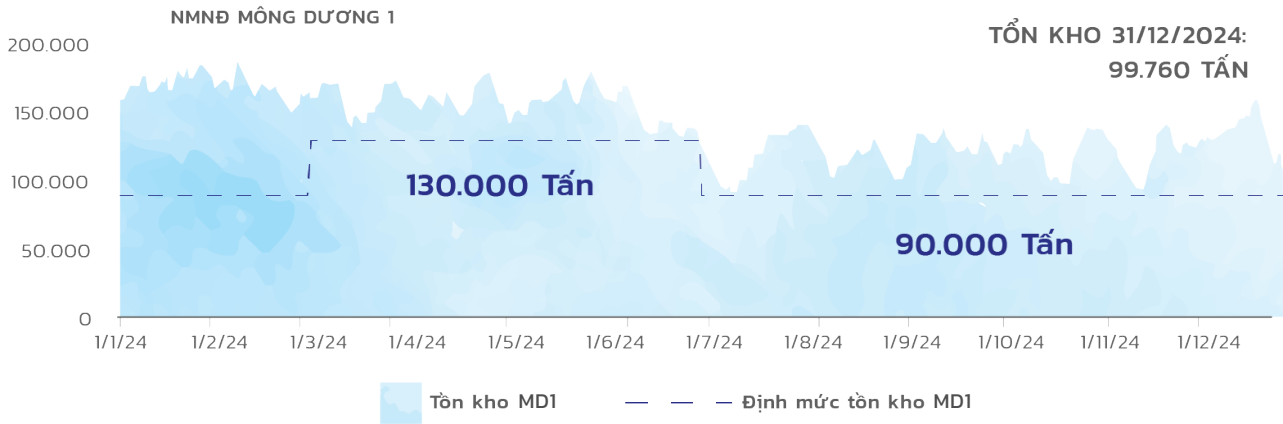
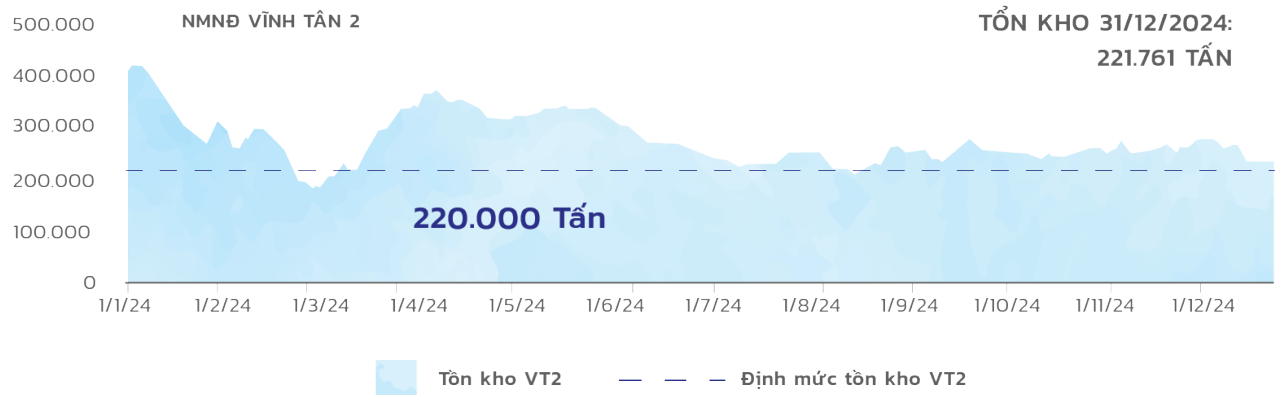
- Giá khí bình quân năm 2024 là 8,846 USD/mmBTU, tăng 6% so với 2023.
- Tỷ trọng các nguồn khí có giá cao ngày càng chiếm tỷ trọng lớn (khí Sao Vàng – Đại Nguyệt và Thiên Ưng chiếm 61,3%, tăng 7,0% so với 2023).

2.2. NHIÊN LIỆU THAN

Năm 2024, nguồn cung cấp than của các nhà máy điện EVNGENCO3 đáp ứng yêu cầu sản xuất điện theo sự huy động của hệ thống điện quốc gia và trên mức tồn kho tối thiểu.

Cụ thể, tình hình cung ứng than như sau:

- NMĐ Vĩnh Tân 2: 3,391 triệu tấn (TKV: 1,518 triệu tấn; TCT Đông Bắc: 1,682, NCC khác: 190 nghìn tấn).
- NMĐ Mông Dương 1: 2,937 triệu tấn (TKV: 2,37 triệu tấn; TCT Đông Bắc: 0,57 triệu tấn).
- Than tồn kho theo ngày của các nhà máy như sau:



2.3. TÌNH HÌNH THỦY VĂN

Tình hình thủy văn trong năm biến động, khó dự báo, gây khó khăn trong công tác lập kế hoạch SXKD.

Năm 2024, lưu lượng nước trung bình về hồ Buôn

Tua Srah thấp hơn cùng kỳ năm 2023 và xấp xỉ TBNN; lưu lượng nước trung bình về hồ Buôn Kuốp và Srêpốk 3 thấp hơn cùng kỳ năm trước và thấp hơn TBNN.

HỒ	LƯU LƯỢNG TB NĂM 2024 (m³/s)	SO VỚI 2023	SO VỚI 15 NĂM VẬN HÀNH	SO VỚI TBNN (%)
Buôn Tua Srah	93,0	90,0%	103,9%	98,4
Buôn Kuốp	169,2	84,6%	93,0%	86,2
Srêpốk 3	207,7	81,0%	87,5%	85,2



3. CÔNG TÁC SỬA CHỮA LỚN

Năm 2024, EVNGENCO3 thực hiện 09 công trình sửa chữa lớn và nhiều công trình phụ khác, các công trình sửa chữa lớn đều đảm bảo chất lượng, hoàn thành đạt/vượt tiến độ.

NHÀ MÁY	HẠNG MỤC	BẮT ĐẦU	KẾT THÚC	SO KH
Phú Mỹ 2.1	Đại tu ST26	25/02/2024	07/05/2024	Đạt tiến độ
	Đại tu Lò 24	25/02/2024	07/05/2024	
	Đại tu Lò 25	25/02/2024	07/05/2024	
	Đại tu GT24	15/02/2024	10/04/2024	Vượt 3 ngày
	Trung tu GT25	06/03/2024	07/04/2024	Vượt 6 ngày
Buôn Kuốp	Đại tu tổ máy H1	03/05/2024	01/06/2024	Đạt tiến độ
Phú Mỹ 2.1	Trung tu CI GT11	12/12/2024	31/12/2024	Vượt 5 ngày
	Đại tu GT13	12/11/2024	06/01/2025	Vượt 4 ngày
	Trung tu ST14 (thay LP Rotor)	12/12/2024	10/01/2025	Đạt tiến độ



4. CHỈ TIÊU KINH TẾ KỸ THUẬT

Năm 2024, EVNGENCO3 đã thực hiện tốt các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật, đạt 8/10 chỉ tiêu theo kế hoạch EVN giao, cụ thể như sau:

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	TH 2024	ĐÁNH GIÁ
1	TỶ LỆ ĐIỆN TỰ DÙNG			
	Nhiệt điện khí	%	2,31/1,83	Đạt
	Nhiệt điện than	%	8,03	Đạt
	Thủy điện	%	0,49	Đạt
2	HỆ SỐ KHẢ DỤNG			
	Thủy điện	%	96,26	Đạt
3	HỆ SỐ ĐÁP ỨNG			
	Nhiệt điện khí	%	97,95	Đạt
	Nhiệt điện than	%	94,15	Không đạt
4	SUẤT HAO NHIÊN LIỆU			
	Nhiệt điện khí	BTU/kWh	7.668/7.469	Đạt
	Nhiệt điện than	kJ/kWh	10.366/ 10.108	Đạt
5	SUẤT SỰ CỐ (BAO GỒM NMNĐ BÀ RỊA VÀ NINH BÌNH)			
	Nhiệt điện khí	%	0,16	Đạt
	Nhiệt điện than	%	1,78	Không đạt

Đối với chỉ tiêu suất hao nhiệt của nhiệt điện than: Thực hiện đề án giảm suất hao nhiệt, các đơn vị đã triển khai đồng bộ nhiều giải pháp, kết quả thực hiện năm 2024 NMNĐ Vĩnh Tân 2 giảm 82 kJ/kWh, Mông Dương 1 giảm 23 kJ/kWh so với năm 2023. TCT đã và tiếp tục triển khai nhiều giải pháp nâng cao độ tin cậy, nâng cao hiệu suất vận hành, giảm điện tự dùng với mục tiêu đưa suất hao than về suất hao PPA trong năm 2025, cụ thể như:

- Tiếp tục thực hiện đề án nâng cao độ tin cậy và hiệu suất vận hành các NMD giai đoạn 2021-2025.
- Lắp đặt biển tần quạt gió lò 2B và 1A/1B cho NMNĐ Mông Dương 1.
- Lắp đặt ĐMT cấp điện tự dùng tại NMNĐ Vĩnh Tân 2 và CTNĐ Phú Mỹ.
- Tiếp tục triển khai nhiều giải pháp hiệu chỉnh chế độ vận hành các hệ thống thiết bị, cải thiện thông số hơi, khắc phục các tổn thất như: nâng cao áp suất hơi chính, cải thiện nhiệt độ hơi tái sấy, giảm dòng vận hành máy nghiền than, tối ưu hệ thống khí nén, lắp đặt biển tần cho động cơ lớn,...

- Chương trình đốt than trộn tại Vĩnh Tân 2 đã đem lại hiệu quả rất lớn nhờ cung ứng được nguồn than nhập khẩu phù hợp để pha trộn, thông số than đốt được phối trộn tương đồng với than thiết kế đã giúp vận hành ổn định, tin cậy (không xảy ra hiện tượng đóng xỉ), cải thiện hiệu suất.
- Thử nghiệm đốt trộn than Sub-bitum với than antraxit tại Mông Dương 1 với tỷ lệ than Sub-bitum đến 30% để có phương án giảm chi phí biến đổi, tăng tính cạnh tranh trên TTĐ.
- Các NMD đã áp dụng kết quả phân tích RCM trong công tác sửa chữa, trong đó nổi bật là các nhà máy thuộc CTTĐ Buôn Kuốp đã áp dụng kết quả phân tích RCM vào công tác SCBD các tổ máy, kết quả đã nâng cao độ tin cậy vận hành với số lần sự cố từ năm 2020 đến nay rất thấp, chỉ khoảng 1 lần/năm.
- Đẩy mạnh công tác chế tạo, gia công, phục hồi để chủ động trong công tác đảm bảo vật tư, rút ngắn thời gian sửa chữa, tiết kiệm chi phí.
- Đối với chỉ tiêu Suất sự cố và Hệ số đáp ứng nhiệt điện than vẫn còn cao. CTNĐ Mông Dương đã phối hợp Công ty EPS thay thế lò 2A/2B đã thay trong dịp Tết Nguyên đán năm 2025

5. CÔNG TÁC CHUYỂN ĐỔI SỐ

TIẾP TỤC TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH CHUYỂN ĐỔI SỐ GIAI ĐOẠN 2023-2025 CỦA TCT VỚI 22 NHIỆM VỤ, GỒM 16 NHIỆM VỤ TRIỂN KHAI THEO KẾ HOẠCH CỦA TẬP ĐOÀN VÀ 6 NHIỆM VỤ TRIỂN KHAI NỘI BỘ TRONG TCT.

Các công tác chuyển đổi số chính đã triển khai trong năm 2024:

Số hóa quy trình nội bộ: Tiếp tục triển khai xây dựng hệ thống Workflow, đã hoàn thành số hóa được 50 quy trình và đang thử nghiệm 07 quy trình.

Triển khai quản lý nhiên liệu tối ưu tại các nhà máy điện: Nghiên cứu xây dựng chương trình quản lý kho than (CTNĐ Vĩnh Tân, CTNĐ Mông Dương), đề xuất tỉ lệ trộn tối ưu hóa để đảm bảo hài hòa giữa kế hoạch cung cấp than và kế hoạch sản xuất điện, tồn kho tối ưu, lợi ích kinh tế để vận hành các tổ máy, đồng thời kiểm soát được hao hụt kho than.

Ứng dụng CNTT trong quản lý tài chính hiện đại: Triển khai theo kế hoạch chung của EVN. Tổng Công ty đã triển khai hoàn thành thanh toán điện tử (E-Payment) công tác cấp phát vốn của Tổng Công ty cho các đơn vị và chi trả lương trong toàn Tổng Công ty.

Triển khai Hệ thống quản lý Kho vật tư thông minh (WMS) và thực hiện chuẩn hóa mã vật tư (eCAT): Đã hoàn thành triển khai WMS và eCAT trong năm 2023. Hiện đang nghiên cứu tích hợp WMS và eCAT với phần mềm kiểm kê vật tư QR Code, đồng thời bổ sung thêm các công cụ để tự động hóa quy trình nhập liệu nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng của hệ thống.

Nâng cấp phần mềm Elogbook: Tiếp tục triển khai nâng cấp, hiệu chỉnh, bổ sung các chức năng để hoàn thiện như: Mô-đun quản lý công tác bảo trì tự quản; Mô-đun quản lý Phiếu công tác SCL; phiên bản IOS cho thiết bị di động, đưa vào sử dụng từ tháng 8/2024.

III. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

1. BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

1.1 BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

STT	THÀNH VIÊN BĐH	CHỨC DANH	SỐ CỔ PHIẾU SỞ HỮU CUỐI KỲ	TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHIẾU CUỐI KỲ
1	Ông Lê Văn Danh	Tổng Giám đốc	12.600	0,001%
2	Ông Trần Đình Ân	Phó Tổng Giám đốc	7.420	0,0006%
3	Ông Nguyễn Thanh Trùng Dương	Phó Tổng Giám đốc	16.170	0,001%
4	Ông Võ Minh Thắng	Phó Tổng Giám đốc	12.180	0,001%
5	Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	Phó Tổng Giám đốc	10.080	0,001%
6	Bà Vũ Phương Thảo	Kế toán trưởng	945	0,0001%

1.2 NHỮNG THAY ĐỔI TRONG BAN ĐIỀU HÀNH

Trong năm 2024, EVNGENCO3 đã bổ nhiệm lại ông Lê Văn Danh giữ chức vụ Tổng Giám đốc từ ngày 15/01/2025 theo Quyết định số 96/QĐ-HĐQT ngày 12/12/2024.

2. TỔNG QUAN LỰC LƯỢNG LAO ĐỘNG NĂM 2024

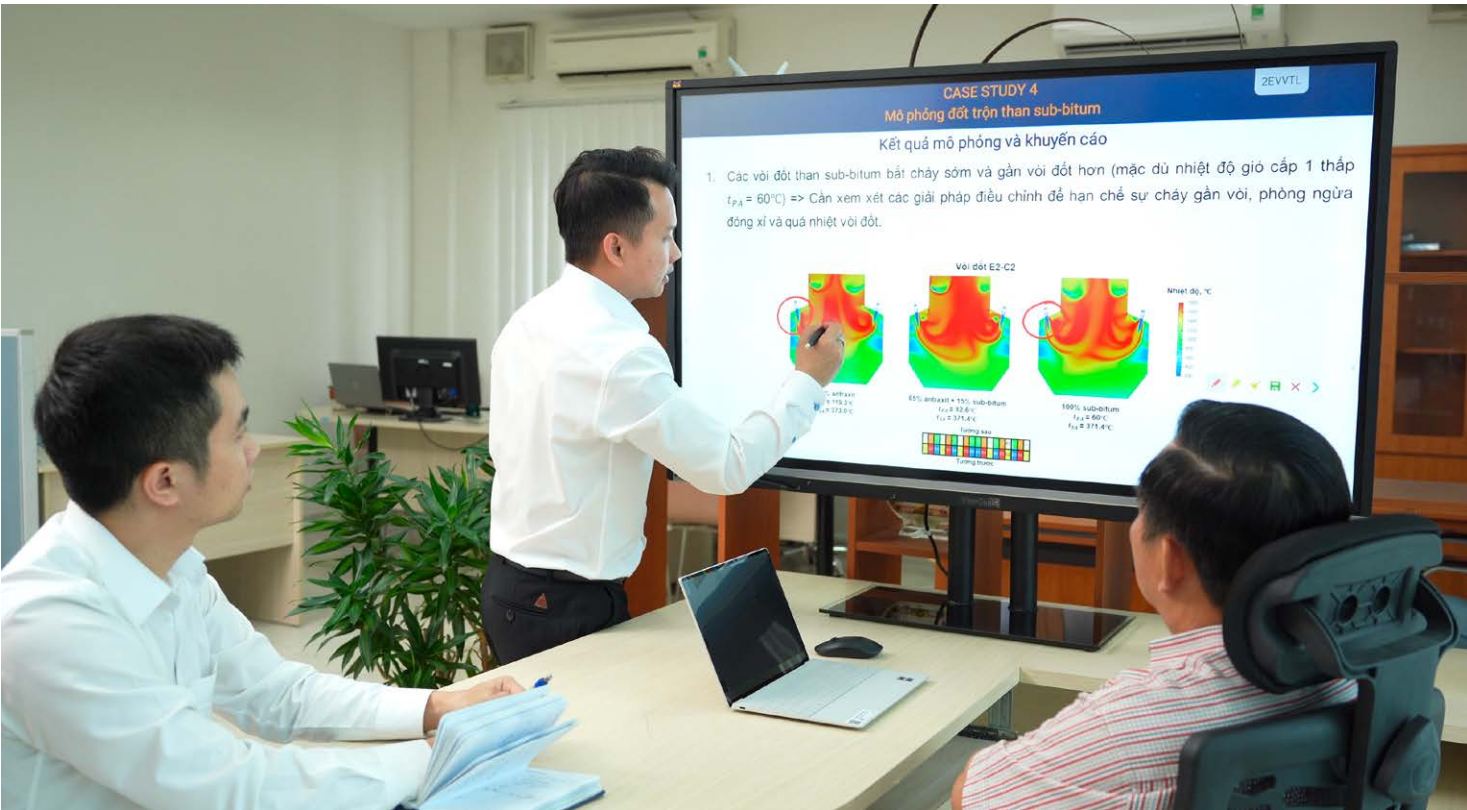
EVNGENCO3 luôn đề cao sức mạnh của nguồn nhân lực, coi đó là yếu tố then chốt mang tính quyết định đối với sự phát triển bền vững của Tổng Công ty. Trong những năm qua, EVNGENCO3 không ngừng quản trị theo hướng linh hoạt, tiên tiến, mô hình quản trị, xây dựng văn hóa doanh nghiệp phát triển bền vững – tạo động lực cho nhân viên phát huy năng lực và gắn bó lâu dài với Tổng Công ty.

2.1 SỐ LƯỢNG VÀ CƠ CẤU NGUỒN NHÂN LỰC

Tại thời điểm 31/12/2024, số lao động cơ quan TCT và các đơn vị trực thuộc là 2.150 người, trong đó lao động có trình độ đại học trở lên chiếm 52%.

NĂNG SUẤT LAO ĐỘNG ĐẠT KẾ HOẠCH ĐƯỢC GIAO

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KH 2024	TH 2024
1	Điện sản xuất/ lao động	Người/MW	10,15	12,22
2	Số lao động/đơn vị công suất lắp đặt	Người/MW	0,34	0,34





2.2 CHÍNH SÁCH VÀ THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

2.2.1

CHÍNH SÁCH LAO ĐỘNG TIỀN LƯƠNG

EVNGENCO3 không ngừng nâng cao chế độ chính sách cho người lao động. Thỏa ước lao động tập thể của Tổng Công ty ghi nhận 49 điểm có lợi cho NLĐ trên mức quy định của pháp luật lao động, trong đó đáng chú ý là chính sách làm việc linh hoạt, các chế độ cho lao động nữ, tất cả cán bộ, công nhân viên được hưởng chế độ nghỉ lễ, nghỉ phép, nghỉ việc riêng có hưởng nguyên lương theo quy định của Luật Lao động.

Chế độ lương thưởng cho người lao động tương ứng với mức độ, tính chất công việc; đảm bảo trích nộp bảo hiểm

xã hội, bảo hiểm thất nghiệp được thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật; tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho toàn thể người lao động.

EVNGENCO3 đã ban hành các quy chế, quy định liên quan đến công tác lao động, tiền lương, đào tạo, thi đua khen thưởng... vừa phù hợp các quy định của Nhà nước vừa mang đặc thù riêng của Tổng Công ty nhằm tạo động lực cho các CBCNV làm việc hiệu suất cao, tính gắn kết lớn, cùng hướng đến những mục tiêu, giá trị mang tính bền vững của Tổng Công ty.

2.2.2

CHÍNH SÁCH LAO ĐỘNG NHẪM ĐẢM BẢO SỨC KHỎE VÀ PHÚC LỢI XÃ HỘI CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG

Bên cạnh lương thưởng, EVNGENCO3 thực hiện nhiều chương trình phúc lợi cho CBCNV như: Khám sức khỏe định kỳ, Khám sức khỏe chuyên sâu cho CBCNV nữ, Khám bệnh nghề nghiệp, các chương trình bảo hiểm cao hơn mức quy định của Nhà nước... mang lại sự chăm sóc toàn diện cho các CBCNV, tạo động lực cho CBCNV tiếp tục phấn đấu,

tận tâm cống hiến và phát huy tối đa tiềm lực của bản thân.

EVNGENCO3 thường xuyên rà soát, điều chỉnh chính sách phúc lợi, tạo thêm nhiều ưu đãi thiết thực để đảm bảo an sinh cho toàn thể cán bộ nhân viên.

2.2.3

CHÍNH SÁCH ĐÀO TẠO

Tập trung phát triển nguồn nhân lực là một trong những ưu tiên hàng đầu của doanh nghiệp. Do đó, EVNGENCO3 luôn chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực, phát triển nguồn nhân lực số, không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng nghiệp vụ, phẩm chất đạo đức cho đội ngũ CBCNV nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng khắt khe của thị trường, phù hợp với xu thế hội nhập và xu hướng chuyển dịch năng lượng trong bối cảnh mới như hiện nay.

Trên thực tế, EVNGENCO3 thường xuyên tổ chức các nội dung đào tạo gắn với nhiệm vụ SXKD, đào tạo cán bộ quản trị doanh nghiệp, quản lý chuyên nghiệp, hiện đại, đảm bảo hằng năm, lực lượng cán bộ quản lý luôn được tham gia các khóa đào tạo nâng cao về chuyên môn và kỹ năng quản trị. EVNGENCO3 luôn chú trọng triển khai chương trình đào tạo chuyên gia nhằm từng bước thay thế chuyên gia nước ngoài trong các công trình sửa chữa lớn và tiến đến làm chủ hoàn toàn công nghệ sửa chữa các tổ máy. Do đó đội ngũ cán bộ quản lý kỹ

thuật, công nhân giỏi chuyên môn nghiệp vụ, có tay nghề cao của EVNGENCO3 đã dần thay thế các chuyên gia nước ngoài trong các kỳ sửa chữa lớn và nay đã trở thành đối tác tin tưởng để chia sẻ kinh nghiệm, cung cấp dịch vụ vận hành sửa chữa nhà máy điện cho các đơn vị bạn. Hằng năm, TCT thực hiện đào tạo trên 12.000 lượt, đặc biệt là ứng dụng triệt để đào tạo qua hệ thống E-learning với trung bình 23 lượt/CBCNV/năm, giúp tiết kiệm chi phí và thuận lợi cho NLĐ tham gia đào tạo mọi lúc, mọi nơi.

IV. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

1. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐTXD NĂM 2024



1.1. DỰ ÁN NÂNG CẤP CẢNG THAN, CẢNG DẦU NMNĐ VĨNH TÂN 2

Hoàn thành đầu tư xây dựng và phê duyệt Quyết toán vốn đầu tư Dự án Nâng cấp Cảng than để tiếp nhận tàu có trọng tải đến 50.000 DWT và Cảng dầu để tiếp nhận tàu có trọng tải đến 3.000 DWT thuộc bến Cảng NMNĐ Vĩnh Tân 2.

1.2. DỰ ÁN MỞ RỘNG MÁI KHO THAN NMNĐ VĨNH TÂN 2 (GIAI ĐOẠN 2)

Tổng tiến độ thực hiện ước đạt 80%, dự kiến hoàn thành đưa vào sử dụng trong Quý I/2025.



1.3. DỰ ÁN NHÀ MÁY NHIỆT ĐIỆN THÁI BÌNH

EVN đã trình Bộ Công thương thẩm tra, phê duyệt quyết toán giai đoạn 1 với giá trị 24.307 tỷ đồng. EVNGENCO3/Ban ATB triển khai thực hiện công việc còn lại và nội dung theo chỉ đạo của EVN.



1.4. DỰ ÁN NHÀ MÁY NHIỆT ĐIỆN VĨNH TÂN 4 VÀ VĨNH TÂN 4 MR

Ngày 31/10/2024, EVNGENCO3/AVT cấp chứng nhận nghiệm thu hoàn thành cuối cùng (FAC) cho dự án Vĩnh Tân 4 và dự án Vĩnh Tân 4 mở rộng.



2. GIÁ TRỊ THỰC HIỆN VÀ TÌNH HÌNH GIẢI NGÂN NĂM 2024

Tổng giá trị ĐTXD thực hiện năm 2024 đạt **99,02%** so với KH, trong đó các dự án TCT làm chủ đầu tư đạt 97,95% so với KH, cụ thể:

ĐVT: tỷ đồng

TT	DANH MỤC	KH 2024	THỰC HIỆN NĂM 2024			
			THỰC HIỆN	GIẢI NGÂN	TH/KH (%)	GIẢI NGÂN/ KH (%)
		(1)	(2)	(3)	(2)/(1)	(3)/(1)
I	EVN làm chủ đầu tư	57,6	115,2	113,5	200	197
	Đầu tư thuần	57,6	115,2	113,5	200	197
	Dự án NMNĐ Thái Bình	48,8	1,7	-	3,58	-
	Dự án NMNĐ Vĩnh Tân 4	3,4	113,5	113,5	3.292	3.292
	Dự án NMNĐ Vĩnh Tân 4 MR	5,4	0	0	-	-
II	GENCO3 làm chủ đầu tư	5.425	5.314	5.297	97,95	97,64
	Trả nợ gốc vay	5.247	5.245	5.245	99,97	99,97
	Đầu tư thuần	178	69	52	38,43	29,04
III	Tổng cộng	5.482	5.429	5.410	99,02	98,69
	Trả nợ gốc vay	5.247	5.245	5.245	99,97	99,97
	Đầu tư thuần	235	184	165	78,00	70,17

Giá trị đầu tư thuần các dự EVNGENCO3 làm tư vấn quản lý dự án **đạt 200% kế hoạch vốn**, do thủ tục chuẩn bị đầu tư dự án gặp nhiều khó khăn, kéo dài dẫn đến giá trị thực hiện đầu tư các dự án do EVNGENCO3 làm chủ đầu tư chỉ đạt **38,43% kế hoạch vốn** năm 2024.

3. CÁC DỰ ÁN XÚC TIẾN ĐẦU TƯ



3.1. DỰ ÁN NHÀ MÁY ĐIỆN LINH HOẠT (ICE) CÔNG SUẤT 300 MW TẠI NINH BÌNH

- Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt bổ sung dự án NMĐ linh hoạt Ninh Bình quy mô 300 MW vào Kế hoạch thực hiện QHĐ VIII (lần 2) tại Quyết định số 1682/QĐ-TTg phê duyệt bổ sung, cập nhật Kế hoạch thực hiện Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021–2030, tầm nhìn đến năm 2050. Hiện nay, Tổng Công ty đang đẩy mạnh công tác chuẩn bị đầu tư, thúc đẩy các thủ tục phê duyệt chủ trương đầu tư, giao/chọn nhà đầu tư để triển khai các bước tiếp theo.



3.2. DỰ ÁN ĐMT NỔI TRÊN HỒ THỦY ĐIỆN SRÊPỐC 3 VÀ BUÔN KUỐP

- Tổng Công ty đã báo cáo EVN/UBND tỉnh Đắk Lắk trình BCT bổ sung Dự án vào Kế hoạch QHĐ VIII.
- EVN báo cáo BCT/Cục ĐL & NLTT bổ sung các Dự án vào Kế hoạch thực hiện QHĐ VIII.



3.3. DỰ ÁN ĐGNK 1 GW CORIO BÌNH THUẬN (VỊ TRÍ 2)

- EVNGENCO3 và Corio (Tổ hợp NĐT) ký Biên bản ghi nhớ về hợp tác phát triển dự án ĐGNK Corio Bình Thuận.
- Tổ hợp Nhà đầu tư có công văn gửi Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận đề nghị đưa Dự án thí điểm ĐGNK Corio Bình Thuận 1 GW tại tỉnh Bình Thuận vào Kế hoạch thực hiện QHĐ VIII giai đoạn 2023-2030.
- Tổ hợp NĐT có văn bản trình TTCP và Bộ Trưởng BCT về việc đề xuất Dự án thí điểm ĐGNK Corio tại Bình Thuận quy mô 1 GW.
- Tổ hợp NĐT tiếp tục trình BCT xem xét cấp phép khảo sát khu vực biển của dự án.

4. BÁO CÁO TÓM TẮT VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT – KINH DOANH VÀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CÁC CÔNG TY CON, LIÊN KẾT, ĐẦU TƯ GÓP VỐN

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2024 của các công ty con, liên kết và đầu tư góp vốn như sau:

ĐƠN VỊ	ĐVT	KH 2024	TH 2024	TH/KH (%)
Công ty CP Nhiệt điện Bà Rịa				
Sản lượng điện	Tr. KWh	85,0	74,0	87,1%
Tổng doanh thu	Tỷ đồng	415,1	432,0	104,1%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	18,2	42,8	235,1%
ROE	%		3,6%	
Công ty CP Nhiệt điện Ninh Bình				
Sản lượng điện	Tr. KWh	425,0	482,4	113,5%
Tổng doanh thu	Tỷ đồng	987,4	1.160,9	117,6%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	6,7	-13,1	
Công ty CP TĐ Vĩnh Sơn – Sông Hình				
Sản lượng điện	Tr. KWh	2.121,3	1.718,8	81,0%
Tổng doanh thu	Tỷ đồng	1.965,8	1.839,6	93,6%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	505,2	448,3	88,7%
ROE	%		9,6%	
Công ty CP TĐ Thác Bà				
Sản lượng điện	Tr. KWh	512,0	566,0	110,5%
Tổng doanh thu	Tỷ đồng	542,5	550,9	101,5%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	221,7	228,6	103,1%
ROE	%		16,8%	
Công ty CP ĐT&PT điện Sê San 3A				
Sản lượng điện	Tr. KWh	414,0	391,1	94,5%
Tổng doanh thu	Tỷ đồng	338,0	333,0	98,5%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	97,3	101,1	103,9%
ROE	%		19,7%	

Đơn vị	ĐVT	KH 2024	TH 2024	TH/KH (%)
Công ty CP ĐL Dầu khí Nhơn Trạch 2				
Tổng doanh thu	Tỷ đồng	6.340,0	6.116,8	96,5%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	68,0	82,9	121,9%
ROE	%		2,0%	
Công ty CP Điện Việt Lào				
Tổng doanh thu	Tỷ đồng	3.441,3	4.346,5	126,3%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	947,2	1.309,0	138,2%
ROE	%		17,6%	
Công ty TNHH Dịch vụ Năng lượng GE-PMTP				
Tổng doanh thu	Tỷ đồng		264,4	
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng		26,6	
ROE	%		5,1%	



V. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

1. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH

Kết quả SXKD hợp nhất năm 2024 của TCT như sau:

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	TH 2024	TH 2023	TĂNG/GIẢM
1	Tổng giá trị tài sản	tỷ đồng	55.267	58.841	-6,1%
2	Doanh thu thuần	tỷ đồng	40.690	45.862	-11,3%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	tỷ đồng	(846)	1.249	-167,7%
4	Lợi nhuận trước thuế	tỷ đồng	(871)	1.241	-170,2%
5	Trong đó: Lợi nhuận trước thuế không bao gồm CLTG	tỷ đồng	422	2.064	-79,5%
	Lợi nhuận sau thuế	tỷ đồng	(876)	1.084	-180,8%

Nhận xét

- Tổng tài sản năm 2024 là **55.267 tỷ đồng**, giảm 6,1% so với năm 2023, chủ yếu là do khấu hao tài sản cố định.
- Doanh thu thuần hợp nhất là **40.690 tỷ đồng**, giảm 11,3%; lợi nhuận sau thuế là âm 876 tỷ đồng, giảm 180,8% so với cùng kỳ. Nguyên nhân chủ yếu là do:
- Sản lượng điện thấp hơn **2,59 tỷ kWh** so với cùng kỳ năm trước
 - Chênh lệch tỷ giá: Tỷ giá USD/VND tại ngày 31/12/2024 tăng 4,63% so với đầu năm, đã dẫn đến lỗ CLTG năm 2024 tăng **470 tỷ đồng** so với năm 2023



2. CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

STT	CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH	ĐVT	TH 2024	TH 2023	TĂNG GIẢM (+/-)
1	Khả năng thanh khoản				
	Khả năng thanh toán ngắn hạn	Lần	1,22	1,48	-0,26
	Khả năng thanh toán nhanh	Lần	1,04	1,21	-0,17
2	Cơ cấu tài sản				
	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	30,44	28,85	1,59%
	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	69,56	71,15	-1,59%
3	Cơ cấu nguồn vốn				
	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	73,64	73,2	0,44%
	Nguồn vốn CSH/Tổng nguồn vốn	%	26,36	26,8	-0,44%
	Hệ số Nợ phải trả/Vốn Chủ sở hữu	Lần	2,79	2,73	0,06
4	Năng lực hoạt động				
	Vòng quay tổng tài sản	Lần	0,72	0,73	-0,01
	Vòng quay tài sản cố định	Lần	1,17	1,18	-0,01
5	Khả năng sinh lời				
	Tỷ suất sinh lời của Tổng tài sản (ROA)	%		1,73	
	Tỷ suất sinh lời Vốn chủ sở hữu (ROE)	%		6,49	
	Hệ số bảo toàn vốn	Lần	1	1	100%

► NHẬN XÉT TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH NĂM 2024

Về khả năng thanh toán: Năm 2024, hệ số khả năng thanh toán ngắn hạn của EVNGENCO3 là 1,22 lần, hệ số khả năng thanh toán nhanh là 1,04 lần, giảm so với năm 2023. Các năm vừa qua, EVNGENCO3 luôn duy trì các hệ số tỷ suất thanh toán ngắn hạn và tỷ suất thanh toán nhanh đều >1 cho thấy khả năng đảm bảo thanh toán các khoản nợ đến hạn của EVNGENCO3.

Về cơ cấu vốn: EVNGENCO3 hoạt động trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh điện, đặc thù tài chính của các nhà máy điện là cơ cấu nợ tương đối cao. Năm 2024, nợ phải trả chiếm 73,64% trên tổng nguồn vốn của Tổng Công ty. EVNGENCO3 có nguồn thu ổn định từ hoạt động sản xuất kinh doanh điện, Tổng Công ty xây dựng lộ trình trả nợ dài hạn đều đặn, nợ vay giảm dần qua các năm. Cấu trúc vốn của EVNGENCO3 đang dần trở nên lành mạnh hơn. Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu 2,79 lần đảm bảo an toàn tài chính.

Về năng lực hoạt động: Hệ số vòng quay tổng tài sản và vòng quay tài sản cố định tương đương năm 2023. Với đặc thù hoạt động kinh doanh có sử dụng tài sản cố định lớn, EVNGENCO3 luôn chú trọng đến việc quản trị chi phí hoạt động nhằm tăng hiệu quả hoạt động của tài sản. Đồng thời, các hoạt động bảo dưỡng sửa chữa tài sản cố định luôn được EVNGENCO3 chú trọng trong những năm qua.

Kết luận: Nhìn chung, EVNGENCO3 đã ghi nhận một năm 2024 đảm bảo sản xuất điện ổn định dù giá nguyên liệu tăng cao và tỷ giá biến động mạnh.

VI. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU



► CỐ PHẦN

Tổng số cổ phần đang lưu hành	1.123.468.046
Loại cổ phần đang lưu hành	Phổ thông
Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do	1.123.309.446
Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng	158.600

► CƠ CẤU CỔ ĐÔNG TẠI NGÀY 31/12/2024

STT	TIÊU CHÍ	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU	TỶ LỆ	SỐ LƯỢNG CỔ ĐÔNG
1. Tỷ lệ sở hữu				
	Cổ đông lớn	1.114.422.994	99,19	1
	Cổ đông khác	9.045.052	0,81	2.062
2. Cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân				
	Cổ đông tổ chức	1.114.627.848	99,21	13
	Cổ đông cá nhân	8.840.198	0,79	2.050
3. Cổ đông trong nước và nước ngoài				
	Cổ đông trong nước	1.123.263.349	99,98	2.027
	Cổ đông nước ngoài	204.697	0,02	36
4. Cổ đông nhà nước và cổ đông khác				
	Cổ đông nhà nước	1.114.422.994	99,19	1
	Cổ đông khác	9.045.052	0,81	2.062
5. Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa				50%

► TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU: Không có

► GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ

- Số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại: 0 cổ phiếu.
- Trong năm 2024, Tổng công ty không thực hiện giao dịch cổ phiếu quỹ.

► CÁC CHỨNG KHOÁN KHÁC: Không có.

► CÔNG TÁC QUYẾT TOÁN CỔ PHẦN HÓA:

– Trên cơ sở Báo cáo kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước, các văn bản hướng dẫn của EVN/cơ quan có thẩm quyền, EVNGENCO3 đã thực hiện, cập nhật Hồ sơ quyết toán CPH theo kết quả kiểm toán của KTNN và trình EVN xem xét.

– EVN, Tổ giúp việc và Ban chỉ đạo CPH đã rà soát, thẩm tra hồ sơ quyết toán CPH. Tổng Công ty đã làm việc, tiếp thu, giải trình ý kiến và hoàn thiện hồ sơ quyết toán. Ngày 19/12/2024, Ban chỉ đạo đã có văn bản số 7349/ EVN-QLV+TCKT báo cáo Ủy ban xem xét phê duyệt hồ sơ quyết toán CPH Công ty mẹ – EVNGENCO3

– Ngày 31/12/2024, Ủy Ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp đã phê duyệt giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển thành CTCP của Công ty mẹ EVNGENCO3 tại Quyết định số 673/QĐ-UBQLV.



Bền chí Đừng tương lai



Báo cáo và đánh giá

CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

04

Báo Cáo Và Đánh Giá Của Ban Tổng Giám Đốc 92

Đánh Giá Của Hội Đồng Quản Trị Về Hoạt Động
Của Tổng Công Ty 102

I. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CHUNG

Năm 2024 công tác lập kế hoạch và điều hành SXKD của EVNGENCO3 gặp nhiều khó khăn và thách thức. Sự thay đổi trong phương thức vận hành thị trường điện cùng với nguồn khí nội địa tiếp tục giảm mạnh, giá nhiên liệu đầu vào cao, các hiện tượng thời tiết cực đoan là những nhân tố tác động trực tiếp đến hoạt động của ngành điện. Bên cạnh đó, tỷ giá USD/VND tại ngày 31/12/2024 tăng 4,63% so với đầu năm ảnh hưởng lớn đến lợi nhuận của TCT.

Trước những thử thách, toàn thể Ban Lãnh đạo và đội ngũ CBCNV EVNGENCO3 đã đồng lòng đoàn kết, tận dụng mọi nguồn lực, vượt qua các rào cản để hoàn thành cao nhất kế hoạch, nhiệm vụ năm 2024 và đạt được nhiều kết quả đáng ghi nhận. SLĐ sản xuất năm 2024 của EVNGENCO3 (bao gồm các đơn vị HTPT, công ty cổ phần) đạt 26,437 tỷ kWh, đạt 91,95% KH được ĐHĐCĐ thường niên thông qua; đạt 113,92% KH EVN/Bộ Công thương giao với lợi nhuận trước thuế chưa bao gồm CLTG là 422 tỷ đồng. Các nhà máy của EVNGENCO3 cơ bản vận hành ổn định, đáp ứng nhu cầu huy động của HTĐ.



1.1. CÔNG TÁC QUẢN LÝ VẬN HÀNH SẢN XUẤT

Các nhà máy đảm bảo vận hành ổn định, đáp ứng yêu cầu huy động của hệ thống điện, nhất là trong các tháng cao điểm mùa khô 2024, góp phần hoàn thành nhiệm vụ sản xuất điện, cung ứng cho phát triển kinh tế – xã hội, phục vụ nhu cầu của người dân.

Tổng Công ty thực hiện tốt và đạt 8/10 chỉ tiêu kinh tế – kỹ thuật theo kế hoạch được giao nhờ triển khai đồng bộ nhiều giải pháp như giảm suất hao nhiệt, nâng cao hệ số khả dụng của thủy điện, giảm tỷ lệ điện tự dùng nhiệt điện than và thủy điện...

1.2. DỊCH VỤ KỸ THUẬT, SỬA CHỮA BẢO DƯỠNG

Công tác sửa chữa bảo dưỡng đã hoàn thành an toàn, đạt chất lượng, đúng tiến độ, góp phần đảm bảo công tác sản xuất điện. Tổng Công ty đã thực hiện tốt các công trình sửa lớn cho khách hàng trong và ngoài EVN.

Từ ngày 01/03/2024, TCT tiếp nhận quản lý vận hành và bảo dưỡng sửa chữa NMĐ Phú Mỹ 3 theo Hợp đồng Dịch vụ quản lý vận hành và bảo dưỡng sửa chữa (O&M) với EVN; chuẩn bị sẵn sàng mọi nguồn lực để tiếp nhận O&M NMĐ Phú Mỹ 2.2 từ ngày 14/02/2025.

Trong năm, EVNGENCO3 đã thực hiện 09 công trình sửa chữa lớn của tổ máy và nhiều hạng mục sửa chữa lớn công trình phụ khác; tiết giảm chi phí sửa chữa lớn khoảng 83,3 tỷ đồng tương đương giảm 16% so với kế hoạch.

1.3. CÔNG TÁC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

Trong năm 2024, EVNGENCO3 đã nỗ lực triển khai công tác quản lý dự án, thúc đẩy xây dựng các công trình đảm bảo tiến độ, chất lượng, hoàn thành **99,02% so với KH**, trong đó các dự án TCT làm chủ đầu tư **đạt 97,95%**.

Ngoài các lĩnh vực điện truyền thống, Tổng Công ty tiếp tục hướng đến đầu tư năng lượng xanh, sạch: tìm kiếm cơ hội hợp tác cung cấp nhiên liệu khí hóa lỏng – cho vận hành các NMĐ tuabin khí; thực hiện ký kết thỏa thuận hợp tác phát triển điện gió ngoài khơi; nhà máy điện linh hoạt ICE Ninh Bình; chuyển đổi nhiên liệu sinh khối đảm bảo tiêu chuẩn môi trường cho các nhà máy điện.



1.4. PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC VÀ XÂY DỰNG VĂN HÓA DOANH NGHIỆP

Với triết lý **“Lấy con người là trọng tâm”** EVNGENCO3 chú trọng xây dựng đội ngũ nhân sự giàu năng lực, đảm bảo nguồn nhân lực bền vững làm nền tảng vững chắc cho những bước chuyển mình mạnh mẽ của Tổng Công ty; luôn chú trọng phát triển trí lực song hành với phát triển thể lực; chủ động triển khai các chương trình đào tạo kỹ thuật chuyên sâu, làm chủ công nghệ, thay thế chuyên gia nước ngoài trong các lĩnh vực sửa chữa, đào tạo sẵn sàng tiếp nhận QL VH-SC các NM điện gió ngoài khơi,...

EVNGENCO3 tăng cường phát triển và nâng cao hiệu quả thực thi văn hóa doanh nghiệp, kiến tạo những giá trị mới để ngày càng phát triển nâng tầm thương hiệu trong tương lai.

2. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

2.1. KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH

- Tổng doanh thu hợp nhất năm 2024 của EVN GENCO3 đạt **41.158 tỷ đồng**, giảm 11,65% so với cùng kỳ năm 2023.
- Năm 2024, EVN GENCO3 ghi nhận **1.293 tỷ đồng** lỗ chênh lệch tỷ giá chủ yếu là do đồng USD tăng mạnh, đã ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty, theo đó lợi nhuận trước thuế âm **871 tỷ đồng**.

2.2. TÌNH HÌNH TÀI SẢN

Tại thời điểm 31/12/2024, quy mô tài sản của EVNGENCO3 đạt hơn



2.3. TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

Nợ phải trả tại 31/12/2024 là **40.697 tỷ đồng** gồm: nợ ngắn hạn là **13.814 tỷ đồng**, nợ dài hạn là **26.883 tỷ đồng**, chiếm 66,06% trong cơ cấu nợ phải trả. Trong đó, riêng nợ vay là 31.895 tỷ đồng, giảm 4.116 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước. Liên tục trong các năm vừa qua, EVNGENCO3 nỗ lực giảm các khoản nợ vay, hệ số nợ/vốn chủ sở hữu tại 31/12/2024 là 2,79 lần (< 3 lần so với quy định).

Trong năm 2024 đã thực hiện tái cấu trúc một phần khoản vay KEXIM dự án NMD Mong Duong 1 (81,5 triệu USD) bằng vốn vay thương mại trong nước.

3. VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Trong năm 2024, EVNGENCO3 đã ban hành Đề án cơ cấu lại EVNGENCO3 đến hết năm 2025 và Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án theo hướng đổi mới, nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp, hoàn thiện cơ chế hoạt động để nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của EVNGENCO3.

Xây dựng phương án sắp xếp Ban Quản lý dự án, định hướng đơn vị quản trị tập trung theo lĩnh vực: quản lý vận hành, thị trường điện, cung ứng nhiên liệu,...

Xây dựng kế hoạch và chuẩn bị sẵn sàng việc sắp xếp cơ cấu tổ chức, bộ máy hoạt động hiệu quả trên nền tảng đẩy mạnh ứng dụng công nghệ, dữ liệu tập trung,...

Trong công tác chuyển đổi số, EVNGENCO3 đã có nhiều cải tiến trong tất cả hoạt động quản lý sản xuất kinh doanh bao gồm: sử dụng hiệu quả các phần mềm quản trị, điều hành, chương trình giám sát vận hành từ xa các tổ máy RMS; ứng dụng chữ ký số, nhật ký vận hành điện tử, nâng cấp hệ thống cảnh báo xả lũ vùng hạ du các nhà máy thủy điện; xây dựng và triển khai áp dụng hệ thống workflow, triển khai nâng cấp phần mềm Elogbook tại các nhà máy điện, đưa vào sử dụng hệ thống chuẩn mã hóa vật tư và kho vật tư thông minh.



4. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN 2025

4.1. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025

4.1.1. TÌNH HÌNH NĂM 2025

- ♦ Mục tiêu tăng trưởng GDP từ 8% trở lên.
 - ♦ Dự kiến tăng trưởng phụ tải khoảng 12,2%.
 - ♦ ĐZ 500 kV mạch 3 sau khi được đưa vào vận hành sẽ hỗ trợ rất tốt cho khả năng truyền tải Trung – Bắc.
 - ♦ Quy mô nguồn điện mới tăng trưởng thấp hơn so với tăng trưởng phụ tải.
 - ♦ Dự kiến hầu hết các nguồn NĐ than đều được huy động ở ngưỡng tối đa; các nguồn điện có giá thành cao như LNG, dầu đều được huy động cao, đặc biệt các tháng cao điểm phụ tải (tháng 3–6/2025).
 - ♦ Tình hình thủy văn năm 2025 dự báo không thuận lợi.
 - ♦ Công tác sản xuất điện của EVNGENCO3 tiếp tục bị cạnh tranh, chiếm thị phần từ các NMTĐ BOT, nguồn NLTT.
 - ♦ Việc tham gia thị trường điện của các NMTĐ thuộc TCT dự kiến sẽ khó khăn, đặc biệt là NMTĐ khi Qc theo phương thức tháng và tỷ lệ anpha là 98%.
 - ♦ Lãi suất có giảm nhưng vẫn neo ở mức cao, CLTG biến động khó dự báo.
- Triển khai Đề án Cơ cấu lại TCT và sắp xếp mô hình tổ chức TCT.

4.1.2. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT ĐIỆN

SLĐ kế hoạch năm 2025 của toàn Tổng Công ty được lập trên cơ sở Quyết định số 3300/QĐ-BCT ngày 15/12/2024 của Bộ Công Thương phê duyệt Kế hoạch cung cấp điện và vận hành hệ thống điện quốc gia năm 2025 và tình hình thực tế của EVNGENCO3, cụ thể như sau:

TT		ĐƠN VỊ	Đơn vị tính: triệu kWh KH 2025
		EVNGENCO3	29.260
I		Các đơn vị HTPT	26.317
1		Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ	8.831
2		Công ty Thủy điện Buôn Kuốp	2.332
3		Công ty Nhiệt điện Vĩnh Tân	8.348
3.1		NMTĐ Vĩnh Tân 2	8.293
3.2		ĐMT Vĩnh Tân 2	55
4		Công ty Nhiệt điện Mông Dương	6.807
II		Công ty cổ phần	2.943
1		CTCP Nhiệt điện Bà Rịa	389
2		CTCP Nhiệt điện Ninh Bình	547
3		CTCP Thủy điện Vĩnh Sơn–Sông Hình	1.235
4		CTCP Thủy điện Thác Bà	351
5		CTCP ĐT & PT Điện Sê San 3A	421

4.2. KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NĂM 2025

4.2.1. CÁC DỰ ÁN ĐANG THỰC HIỆN

Tập trung quản lý điều hành, giám sát chặt chẽ việc thi công của các nhà thầu; kịp thời nghiên cứu đề xuất với cấp có thẩm quyền giải quyết, tháo gỡ khó khăn vướng mắc để đảm bảo tiến độ, khối lượng, chất lượng và thanh quyết toán các dự án đúng thời hạn quy định, cụ thể:



DỰ ÁN NHÀ MÁY NHIỆT ĐIỆN THÁI BÌNH:

Hoàn thành xây dựng và quyết toán dự án.

DỰ ÁN NMTĐ VĨNH TÂN 4 VÀ VĨNH TÂN 4 MỞ RỘNG:

(i) Hoàn tất thanh toán các gói thầu ngoài hợp đồng EPC; (ii) Hoàn thành quyết toán toàn bộ dự án.

DỰ ÁN MỞ RỘNG MÁI KHO THAN NMNĐ VĨNH TÂN 2 (GIAI ĐOẠN 2)

Hoàn thành xây dựng và quyết toán dự án.

DỰ ÁN CẢNG NHẬP THAN TTĐL VĨNH TÂN:

Trình cơ quan thẩm quyền phê duyệt Báo cáo ĐTM và Giao khu vực biển (phạm vi luồng dẫn ngoài đê chắn sóng TTĐL Vĩnh Tân) và thực hiện ý kiến chỉ đạo của EVN để triển khai thi công nạo vét cho tàu 100.000 DWT sau khi tỉnh Bình Thuận phê duyệt điều chỉnh khu vực bảo tồn Hòn Cau và bàn giao khu vực mặt biển.

4.2.2. CÁC DỰ ÁN XÚC TIẾN ĐẦU TƯ

Bám sát các Bộ, ban ngành để đưa các dự án nguồn điện vào QHĐ VIII điều chỉnh; Chủ động triển khai các thủ tục chuẩn bị đầu tư các dự án...; Tiếp tục thúc đẩy triển khai công tác nghiên cứu tìm kiếm cơ hội hợp tác phát triển dự án, tham gia góp vốn và thực hiện đầu tư các dự án nguồn điện mới theo Quy hoạch điện lực quốc gia, với kế hoạch năm 2025, cụ thể như sau:

– **Dự án NMNĐ linh hoạt tại tỉnh Ninh Bình:** (i) Triển khai lập hồ sơ Pre-FS dự án phục vụ xin chủ trương đầu tư; (ii) Khảo sát, lập, thẩm tra hồ sơ FS dự án; Triển khai công tác GPMB, rà phá bom mìn sau khi được giao làm Chủ đầu tư.

– **Dự án ĐMT nổi trên hồ Thủy điện Srêpốk 3 và Buôn Kuốp:** (i) Xin chủ trương đầu tư sau khi Chính phủ phê duyệt Quy hoạch, Kế hoạch thực hiện Điện VIII điều chỉnh và được giao làm Chủ đầu tư; (ii) Triển khai khảo sát, lập thẩm tra FS, TKKT dự án.

– **Dự án ĐGNK Corio Bình Thuận, ĐGNK BRVT:** Triển khai thực hiện hoạt động quan trắc, điều tra, khảo sát, đo gió, đánh giá tài nguyên khu vực biển sau khi được các cơ quan chức năng cấp phép.

4.3. KẾ HOẠCH QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG

Tiếp tục chỉ đạo, đôn đốc và kiểm soát chặt chẽ việc chấp hành nghiêm các quy định mới của pháp luật về bảo vệ môi trường, khai thác và sử dụng tài nguyên nước, tiết kiệm, hiệu quả.

Duy trì vận hành thường xuyên, tin cậy, ổn định các công trình xử lý môi trường, thiết bị quan trắc, giám sát môi trường online (khí thải, nước thải và nước làm mát) đã được trang bị đồng bộ tại các nhà máy điện. Thực hiện bảo trì, bảo dưỡng kiểm định, hiệu chuẩn định kỳ các thiết bị quan trắc môi trường online đầy đủ theo quy định, đảm bảo chất lượng; đảm bảo hệ thống quan trắc môi trường online và truyền số liệu của các NMNĐ về Sở TN&MT địa phương hoạt động ổn định, thông suốt.

Kiểm soát chặt chẽ các nguồn thải thông qua hoạt động quan trắc, giám sát online, định kỳ; hợp đồng với đơn vị chức năng được Bộ TN&MT cấp phép trong việc xử lý chất thải, quan trắc môi trường; tổ chức phân loại, thu gom, lưu giữ và xử lý các loại chất thải rắn, chất thải nguy hại và tổ chức quan trắc, giám sát môi trường định kỳ và báo cáo đầy đủ theo quy định.

Tiếp tục duy trì tính hiệu lực hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn TCVN ISO 14001:2015 đối với các nhà máy điện và không ngừng nâng cao hiệu quả, cải tiến liên tục.

Tiếp tục hoàn thành thủ tục giấy phép môi trường, đăng ký môi trường, giấy phép tài nguyên nước theo quy định mới, phù hợp với lộ trình và thời hạn cho phép, đảm bảo tính liên tục về thời gian của giấy phép đối với từng loại hình dự án, công trình hoạt động.

Tiếp tục nghiên cứu, triển khai thực các giải pháp tái tận dụng triệt để các nguồn nước thải sau xử lý; khai thác, sử dụng với mục tiêu sử dụng nguồn tài nguyên nước tiết kiệm hiệu quả, hợp lý. Khai thác tối đa công năng của các nguyên, nhiên, vật liệu, vật tư thiết bị...; tăng cường công tác quản lý chất thải, hạn chế thấp nhất việc thải loại, xử lý; thực hiện kinh tế tuần hoàn theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.

Các NMNĐ Phú Mỹ, Bà Rịa, Vĩnh Tân 2, Mông Dương 1 thực hiện hoàn thành nhiệm vụ đo đạc, kiểm kê, báo cáo, thẩm định phát thải khí nhà kính định kỳ 02 năm 1 lần cho lần đầu tiên; xây dựng, phê duyệt kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và báo cáo các cơ quan thẩm quyền; hướng đến đảm bảo đủ điều kiện để tham gia thị trường cacbon, trao đổi hạn ngạch phát thải khí nhà kính và tín chỉ cacbon trên sàn giao dịch; xem xét đăng ký chương trình, dự án theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ cacbon; thực hiện đúng lộ trình cam kết của

Chính phủ tại Hội nghị COP26 năm 2021. Kế hoạch năm 2025:

+ Thực hiện các biện pháp giảm nhẹ phát thải KNK của cơ sở phù hợp với điều kiện SXKD.

+ Trước 31/3/2025: Gửi báo cáo kiểm kê KNK đến UBND cấp tỉnh để thẩm định.

+ Trước 01/12/2025: Hoàn thiện báo cáo kiểm kê KNK sau thẩm định và gửi Bộ NN&MT.

+ Trước 31/12/2025: Xây dựng, phê duyệt kế hoạch giảm nhẹ phát thải KNK giai đoạn 2026 – 2030, gửi Bộ NN&MT, Bộ Công Thương và cơ quan chuyên môn có liên quan trực thuộc UBND cấp tỉnh.

Tiếp tục nghiên cứu thực hiện quy định về mua bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường và kiểm toán môi trường.

Công tác tiêu thụ tro xỉ: NMNĐ Mông Dương 1 tiếp tục duy trì tiêu thụ 100% tro xỉ phát sinh hàng ngày, đồng thời tiêu thụ thêm 300.000 tấn trên bãi xỉ; đối với NMNĐ Vĩnh Tân 2: tiêu thụ phần lớn tro xỉ phát sinh hàng ngày, đồng thời tiêu thụ được hơn 150.000 tấn trên bãi xỉ. Kế hoạch năm 2025:

+ NMNĐ Mông Dương 1: đã ký hợp đồng tiêu thụ 100% tro xỉ phát sinh trong sản xuất (cho giai đoạn 2025 – 2028); đồng thời cũng đã nghiên cứu, khảo sát, tìm hiểu thị trường, theo đó các cơ sở sản xuất xi măng, dự án cụm công nghiệp có nhu cầu tiêu thụ khoảng 5,5 – 6 triệu tấn.

+ NMNĐ Vĩnh Tân 2: tiếp tục triển khai hợp đồng đã ký giai đoạn 2023 – 2026 (tối thiểu 1,1 triệu tấn/năm tro xỉ phát sinh trong sản xuất, đồng thời tiêu thụ trên bãi xỉ theo khả năng); đưa dây chuyền phân tách tro xỉ vào hoạt động chính thức trong quý I/2025 (công suất xử lý khoảng 700.000 tấn/năm); hợp tác đầu tư Hệ thống xuất tro bay bằng đường biển dùng chung của TTĐL Vĩnh Tân.



5. GIẢI TRÌNH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN: KHÔNG CÓ

6. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA TỔNG CÔNG TY

6.1. ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC CHỈ TIÊU MÔI TRƯỜNG

Bảng thông số các chỉ tiêu môi trường của Tổng Công ty

CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG
Nước sạch tiêu thụ	m³	2.042.225
Nước mặt làm mát	m³	2.703.922.487
Tiêu thụ năng lượng (tỷ lệ điện tự dùng)		129.231.990
Tổng lượng khí thải	triệu m³	135.616,345
Tổng lượng nước thải	m³	2.882.293 (trong đó có 1.995.501 được tuần hoàn tái sử dụng, không xả ra môi trường)
Chất thải rắn thông thường	tấn	611
Tro xỉ nhiệt điện than tấn	tấn	2.278.762 (trong đó có 2.166.953 được tiêu thụ) Đồng thời đã vận chuyển được 455.225 trên bãi xỉ đi tiêu thụ.
Chất thải nguy hại	tấn	3.941

Các nhà máy điện của EVNGENCO3 tuân thủ nghiêm các tiêu chuẩn về an toàn, sức khỏe cũng như các quy định và yêu cầu của cơ quan chức năng về công tác bảo vệ môi trường, không để xảy ra sự cố có liên quan đến môi trường hay có các hành vi vi phạm về môi trường dẫn đến bị xử phạt hành chính. EVNGENCO3 đã và đang ưu tiên đầu tư các công nghệ mới góp phần giảm thiểu tác động đến môi trường, sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả; có các biện pháp xử lý, tái sử dụng chất thải, sản xuất sạch hơn.

EVNGENCO3 luôn kiểm soát chặt chẽ các khâu xử lý nước thải, chất thải, các chỉ số quan trắc đều trong giới hạn tiêu chuẩn. Tỷ lệ tiêu thụ tro, xỉ phát sinh của các nhà máy nhiệt điện than năm 2024 tiếp tục đạt mức cao, cụ thể: NMNĐ Vĩnh Tân 2 đạt 104,04%, NMNĐ Mông Dương 1 đạt 129,03%.

6.2. ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN VẤN ĐỀ NGƯỜI LAO ĐỘNG

Nguồn nhân lực được xác định là nền tảng tạo nên sự thành công của EVNGENCO3 đồng thời là bộ phận để tập thể EVNGENCO3 cùng nhau tạo nên những giá trị mới và khác biệt trên hành trình phát triển bền vững của Tổng Công ty.

EVNGENCO3 luôn đảm bảo chính sách nhân sự đa dạng, bình đẳng và hòa nhập. Đồng thời, không phân biệt giới tính trong các chính sách cũng như chế độ phúc lợi của Tổng Công ty. Được cấp chứng chỉ Bình đẳng giới toàn cầu là sự khẳng định cho quyết tâm của EVNGENCO3 trong quá trình xây dựng một môi

trường làm việc bình đẳng thực chất về giới, hướng đến sự phát triển bền vững của TCT dựa vào những lợi ích mà một môi trường làm việc bình đẳng mang lại.

Trong năm 2024, EVNGENCO3 đã thực hiện chi trả tiền lương, tiền thưởng, tiền làm thêm giờ, các khoản phụ cấp khác theo quy chế quản lý tiền lương, tiền thưởng phù hợp quy định của Pháp luật và đặc trưng của Tổng Công ty; thực hiện tốt chế độ BHXH,

BHYT, BHTN theo quy định của Nhà nước; đồng thời tích cực triển khai các chương trình phúc lợi, các hoạt động chăm lo tinh thần cho tập thể CBCNV của Tổng Công ty.

Bên cạnh đó, EVNGENCO3 cũng chú trọng thực hiện

chính sách đào tạo nhân tài nội bộ, phát triển nguồn nhân lực số, không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng nghiệp vụ, phẩm chất đạo đức cho đội ngũ CBCNV, mở rộng nguồn nhân lực tuyển dụng, phát triển đội ngũ kế thừa.

6.3. ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM CỦA DOANH NGHIỆP ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

EVNGENCO3 ý thức sâu sắc sự phát triển bền vững của Tổng Công ty phải gắn liền với lợi ích của xã hội. Trong suốt quá trình hoạt động TCT, EVNGENCO3 luôn thực hiện đầy đủ trách nhiệm với xã hội và cộng đồng thông qua tạo việc làm ổn định, bền vững cho người lao động; góp phần phát triển kinh tế địa phương; hoàn thành tốt nghĩa vụ đóng thuế cho nhà nước; đồng hành với địa phương thực hiện tốt công tác an sinh xã hội với tinh thần trách nhiệm rất cao.

TCT đã tích cực, chủ động trong việc triển khai các hoạt động an sinh xã hội, tập trung vào các hoạt động hỗ trợ giáo dục như xây dựng, sửa chữa, ủng hộ kinh phí cho trường học; hỗ trợ xây nhà tình nghĩa/ nhà Đại đoàn kết. Tổng kinh phí thực hiện ASXH của Tổng Công ty năm 2024 đạt khoảng 11,4 tỷ đồng.



II. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

1. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

Trên cơ sở Nghị quyết số 45/NQ-ĐHĐCĐ ngày 13/06/2024 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024, Hội đồng Quản trị đã chỉ đạo Ban Điều hành triển khai các nhiệm vụ trọng tâm đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2024 và đạt được những kết quả tích cực sau:

1.1 HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

► Năm 2024, TCT đã thành lập Ban chỉ đạo cung ứng điện, tổ chức rà soát, triển khai đồng bộ các giải pháp và trực tiếp làm việc tại các nhà máy để đơn đốc kiểm tra tháo gỡ khó khăn, kết quả:

– Sản lượng điện sản xuất năm 2024 của công ty mẹ EVNGENCO3 đạt 23,358 tỷ kWh, đạt 92,1 % kế hoạch được ĐHĐCĐ thông qua, vượt 13,92% KH EVN/Bộ Công thương giao; đảm bảo cung cấp điện ổn định, an toàn, góp phần đảm bảo cung ứng điện đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế – xã hội và phục vụ đời sống nhân dân.

– Lợi nhuận thực hiện trước thuế năm 2024 (chưa bao gồm CLTG) đạt 528 tỷ đồng, tương đương 268% KH ĐHĐCĐ giao.

1.2 CÔNG TÁC QUẢN LÝ KỸ THUẬT

► Tổng Công ty thực hiện đạt hầu hết các chỉ tiêu kinh tế – kỹ thuật theo kế hoạch trong đó nhiều chỉ tiêu đã có cải thiện rất tốt như: tỷ lệ điện tự dùng, suất hao nhiên liệu, tỷ lệ dừng máy sự cố.

► Các nhà máy điện của Tổng công ty vận hành an toàn, ổn định trong năm 2024. Năng lực sửa chữa, chế tạo, gia công phục hồi, thí nghiệm điện chuyên sâu tiếp tục được nâng cao, góp phần đảm bảo các tổ máy của TCT vận hành tin cậy.

► TCT triển khai thực hiện đồng bộ và linh hoạt các giải pháp tối ưu tiết kiệm năng lượng và nâng cao hiệu suất của nhà máy. Các đề án giảm suất hao nhiệt, đề án nâng cao độ tin cậy và hiệu suất vận hành các nhà máy điện giai đoạn 2021–2025 mang lại hiệu quả rõ rệt, giảm sâu suất tiêu hao than, giảm tỉ lệ điện tự dùng. Đặc biệt việc tiên phong thực hiện đốt than trộn tại nhà máy nhiệt điện Vĩnh Tân 2 theo định hướng của tập đoàn và áp dụng trong thử nghiệm đốt trộn than Sub-Bitum tại nhà máy điện Mông Dương 1 đã đem lại hiệu quả trong vận hành giảm chi phí biến đổi, giúp linh hoạt nguồn cung nhiên liệu than cho các nhà máy.

1.3 CÔNG TÁC QUẢN TRỊ TÀI CHÍNH

► EVNGENCO3 không ngừng nâng cao năng lực quản trị tài chính, đảm bảo việc huy động, quản lý, sử dụng vốn an toàn, hiệu quả, linh hoạt và đúng mục đích; thường xuyên giám sát, đánh giá hiệu quả đầu tư vốn của Tổng Công ty. Trong năm 2024, TCT đã thực hiện tái cấu trúc một phần khoản vay KEXIM dự án NMT Mông Dương 1 (81,5 triệu USD) bằng vốn vay thương mại trong nước, góp phần tiết giảm chi phí tài chính.

► Trong tình hình khó khăn của năm 2024, nhằm đảm bảo hoàn thành kế hoạch SXKD, Tổng Công ty đã chỉ đạo quán triệt các đơn vị quyết liệt thực hiện các giải pháp tiết kiệm, tối ưu và tiết giảm chi phí. Theo đó, các chi phí vật liệu, dịch vụ mua ngoài, sửa chữa lớn và bằng tiền khác giảm 186 tỷ đồng so với kế hoạch.

1.4 CÔNG TÁC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

► Năm 2024, EVNGENCO3 đã hoàn thành tốt công tác O&M NMT Phú Mỹ 3, chuẩn bị công tác tiếp nhận O&M NMT BOT Phú Mỹ 2.2 đảm bảo tiến độ.

► Dựa trên Quy hoạch Điện VIII, Tổng công ty tiếp tục hướng đến đầu tư năng lượng sạch, bao gồm tìm kiếm cơ hội hợp tác nhiên liệu khí hóa lỏng – LNG cho vận hành các nhà máy điện tuabin khí; thực hiện ký kết thỏa thuận hợp tác phát triển điện gió ngoài khơi; chuyển đổi nhiên liệu sinh khối và gia tăng tuổi thọ, thân thiện với môi trường cho các nhà máy điện.

1.5 CÔNG TÁC TỔ CHỨC NHÂN SỰ, ĐÀO TẠO, LAO ĐỘNG, TIỀN LƯƠNG

► Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao luôn là ưu tiên hàng đầu tại EVNGENCO3. Tổng Công ty thường xuyên nâng cao năng lực cho người lao động qua những chương trình đào tạo gắn với nhiệm vụ SXKD, tăng cường đào tạo nội bộ, đặc biệt đào tạo trong nội bộ TCT sau các chương trình đào tạo nước ngoài. Năm 2024, TCT triển khai công tác đào tạo đạt 107% KH (13.580/12.645 lượt người) và đào tạo qua hệ thống E-learning với hơn 82.000 lượt (tương ứng 30 lượt/CBCNV).

► Công tác quản lý lương, thưởng và chế độ chính sách được thực hiện theo đúng quy định. Tổng công ty chú trọng xây dựng môi trường làm việc ngày càng văn minh, hiện đại, tiếp tục nâng cao đời sống vật chất và tinh thần, đem lại sự chăm sóc toàn diện cho tập thể CBCNV.

► Trong năm qua, TCT đã phát động, triển khai các phong trào thi đua chuyên đề, như: “Phong trào thi đua giảm sự cố, đảm bảo sẵn sàng phát điện của các nhà máy điện trong giai đoạn cuối năm 2023 và mùa khô 2024; “120 ngày nỗ lực cao nhất đảm bảo đủ điện mùa khô năm 2024”, các phong trào thi đua phát huy sáng kiến và cải tiến kỹ thuật được duy trì và phát triển đều khắp trong toàn TCT và thực hiện tổng kết, đánh giá, khen thưởng kịp thời.

1.6 CÔNG TÁC QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

► EVNGENCO3 đảm bảo công tác quản trị công ty cổ phần đại chúng niêm yết trên sàn HOSE, công bố thông tin minh bạch các hoạt động; đã thực hiện tốt hoạt động kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, triển khai các giải pháp đảm bảo sản xuất điện, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, chủ động, linh hoạt trong hoạt động quản trị điều hành.

► Năm 2024, TCT tự hào lần đầu tiên được vinh danh *Top 20 Báo cáo thường niên tốt nhất – nhóm ngành phi tài chính*, qua đó cho thấy TCT đã đáp ứng tốt các tiêu chuẩn và bộ tiêu chí công bố thông tin, quản trị công ty đại chúng quy mô lớn.

► Tổng Công ty tiếp tục thực hiện chuyển đổi số, tăng cường đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ nhằm thực hiện công tác quản trị thêm hiệu quả và chuyên nghiệp.



1.7

CÔNG TÁC TÁI CƠ CẤU, CỔ PHẦN HÓA

► Ngày 31/12/2024, Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp đã ban hành Quyết định số 673/QĐ-UBQLV phê duyệt giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển thành CTCP của Công ty mẹ – Tổng Công ty Phát điện 3. Trên cơ sở đó, ngày 18/02/2025, Tổng Công ty đã ký Biên bản bàn giao doanh nghiệp cổ phần hóa sang công ty cổ phần. Đây là bước cuối cùng theo quy định của pháp luật trong việc chuyển doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần, tạo tiền đề để triển khai thực hiện công tác tái cơ cấu Tổng Công ty trong thời gian tới.

1.8

CÔNG TÁC CHUYỂN ĐỔI SỐ

► EVNGENCO3 tập trung thực hiện kế hoạch chuyển đổi số trên các lĩnh vực quản trị, quản lý kỹ thuật, đầu tư xây dựng, quản lý dự án, công nghệ thông tin và viễn thông. Tiêu biểu như ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) để khai thác kho dữ liệu tập trung, phân tích trích xuất thông tin tự động; Xây dựng hệ thống quản lý công tác vận hành – sửa chữa các Nhà máy điện trên thiết bị Mobile; Hoàn thiện hệ thống quan trắc thủy văn, kết hợp bản tin dự báo thời tiết các lưu vực và ứng dụng AI phục vụ cho công tác quản lý vận hành các hồ chứa, nhà máy và cảnh báo lũ cho vùng hạ du các Nhà máy Thủy điện. Đồng thời, tăng cường các giải pháp an ninh bảo mật trong điều kiện các hoạt động công tác của Tổng Công ty diễn ra trên môi trường mạng...

► Các sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất được đẩy mạnh và ứng dụng có hiệu quả trong thực tiễn sản xuất.

1.9

CÔNG TÁC AN TOÀN LAO ĐỘNG

► EVNGENCO3 nghiêm túc chấp hành các quy định của Nhà nước, các Bộ, ngành, EVN về việc đo kiểm tra môi trường lao động, định kỳ đo kiểm và đánh giá, các chỉ số đều trong tiêu chuẩn cho phép; định kỳ quản lý, chăm sóc sức khỏe người lao động.

► EVNGENCO3 đã phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức các đợt tập huấn, nâng cao kiến thức về an toàn vệ sinh lao động, thường xuyên tuyên truyền về công tác an toàn vệ sinh lao động cho toàn thể cán bộ công nhân viên trong Tổng Công ty.

► EVNGENCO3 thực hiện nghiêm túc, đầy đủ công tác PCTT&TKCN, trong năm 2024 công tác chuẩn bị, công tác ứng phó với các sự kiện thiên tai xảy ra trong năm, đặc biệt là cơn bão số 3 – YAGI, qua đó giảm thiểu thiệt hại do ảnh hưởng của thiên tai, mưa lũ; tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn vùng hạ du trong công tác vận hành điều tiết, xả lũ các hồ chứa.

► EVNGENCO3 tăng cường kiểm tra công tác đảm bảo an toàn trong hoạt động sản xuất (các đợt vận hành cao điểm mùa khô, hanh khô, trước và trong các đợt SCL...).



1.10

HOẠT ĐỘNG HỢP TÁC QUỐC TẾ

Năm 2024, TCT tiếp tục thúc đẩy các hoạt động hợp tác với các nhóm đối tác quốc tế tìm kiếm cơ hội hợp tác phát triển trong các mặt hoạt động của TCT.

► Tăng cường hợp tác với các cơ quan đại diện ngoại giao, thương mại các nước tại Việt Nam như: Lãnh sự quán Hoa Kỳ tại Tp.HCM, Đại sứ quán Australia, Đại sứ quán Phần Lan.

► Tham gia các hoạt động, sự kiện, diễn đàn quốc tế nhằm trao đổi kinh nghiệm trong và thúc đẩy hợp tác trong lĩnh vực năng lượng: Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam-Australia trong khuôn khổ Hội nghị Cấp cao kỷ niệm 50 năm quan hệ ASEAN-Australia; Hội nghị Triển lãm kỹ thuật quốc tế (BIXPO) tại Hàn Quốc, Triển lãm GASTECH 2024 tại Hoa Kỳ...

► Duy trì mối quan hệ, hợp tác với các đối tác quốc tế trong các lĩnh vực: Nghiên cứu đầu tư phát triển dự án ĐGNK Corio tại Bình Thuận (Corio Generation), NMD linh hoạt Ninh Bình (Wartsila,...); tiếp tục nghiên cứu các giải pháp tối ưu vận hành các NMD (Mitsubishi, GE, Siemens,...); nghiên cứu ứng dụng giải pháp NMD số IDPP (KEPCO); nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ đốt trộn than (Doosan Enerbility); nghiên cứu trao đổi khả năng hợp tác, cung cấp nguồn nhiên liệu cho NMD (Qatar Gas, Exxon Mobil, GTT, Woodside Energy,...).

1.11

ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

► Tổng Công ty tiếp tục duy trì thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường, đáp ứng yêu cầu về môi trường ngày càng cao trong tình hình mới; tăng cường mật độ phủ xanh và hoàn thiện hệ thống cảnh quan cây xanh cho các nhà máy; hướng đến sản xuất ngày càng thân thiện với môi trường.

► Các kết quả quan trắc môi trường online; quan trắc, giám sát định kỳ các thông số về bụi, khí thải, nước thải, nước làm mát, môi trường xung quanh đều nằm trong giới hạn cho phép và truyền về Sở TN&MT địa phương đúng quy định. Trong năm 2024 không có sự cố môi trường, không bị xử phạt hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường; đồng thời công khai số liệu quan trắc môi trường online trên bảng điện tử đặt tại cổng chính của các nhà máy nhằm minh bạch công tác bảo vệ môi trường đến cộng đồng.

► Tình hình tiêu thụ tro, xỉ của các NMD than tiếp tục được cải thiện vượt bậc. Trong năm 2024, TCT hoàn thiện lắp đặt, thử nghiệm dây chuyền phân tách tro xỉ trên bãi xỉ của NMD Vĩnh Tân 2 có công suất xử lý 500.000 m³/năm (tương ứng hơn 730.000 tấn/năm), mục tiêu đưa vào vận hành chính thức trong tháng 4/2025.

► Song hành với bảo vệ môi trường, trách nhiệm xã hội cũng là một trong những trọng tâm phát triển của EVNGENCO3. Trong năm, EVNGENCO3 cũng tích cực thực hiện nhiều chương trình an sinh xã hội với tổng giá trị thực hiện 11,4 tỷ đồng, qua đó khẳng định là doanh nghiệp có trách nhiệm với cộng đồng.

2. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

VỀ HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỐI VỚI BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

HĐQT định hướng các nhiệm vụ trọng tâm, các chủ trương lớn trong mọi hoạt động của Tổng Công ty, đồng thời quyết liệt trong chỉ đạo, kịp thời giải quyết những nội dung trọng tâm, nhiệm vụ cấp bách cũng như có định hướng dài hạn để đảm bảo các hoạt động TCT; thực hiện nhiệm vụ một cách cẩn trọng, các nghị quyết, quyết định của HĐQT được thông qua và ban hành đều trên cơ sở thống nhất cao (tỷ lệ 100%) của các thành viên HĐQT; thường xuyên duy trì việc kiểm tra, kiểm toán, giám sát đối với các hoạt động của Ban Điều hành, đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ ĐHCĐ giao.

- ▶ HĐQT đã sử dụng bộ máy tham mưu giúp việc trong Tổng Công ty đảm bảo các công việc trong Tổng Công ty tuân thủ theo đúng chức năng, nhiệm vụ tại Điều lệ, các Quy chế quản lý nội bộ và các quy định của pháp luật liên quan.
- ▶ Tham gia các cuộc họp giao ban tuần, tháng; theo dõi sát sao các hoạt động sản xuất kinh doanh của

các đơn vị trong Tổng Công ty, kịp thời chỉ đạo các chỉ tiêu được ĐHCĐ giao.

- ▶ Chỉ đạo và phối hợp với Ban Điều hành thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- ▶ Ban Tổng Giám đốc đã tổ chức triển khai và điều hành các hoạt động SXKD-TC-BTXD trong TCT kịp thời, hiệu quả theo đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được quy định Điều lệ TCT, thực hiện các công việc theo đúng phân cấp và các chỉ đạo của HĐQT.

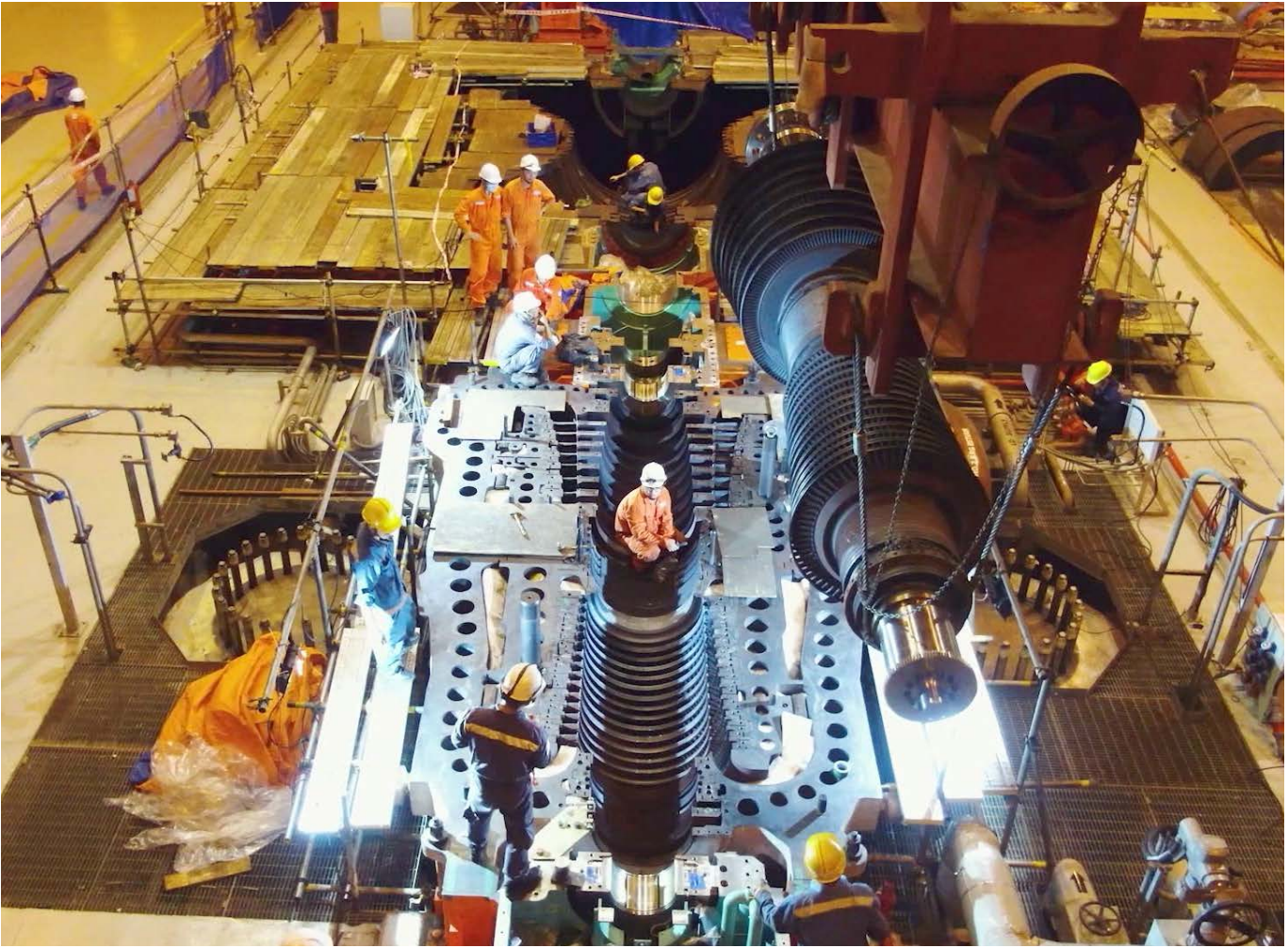
- ▶ Điều hành của Ban Tổng Giám đốc nhất quán với định hướng của Hội đồng Quản trị và luôn bám sát thực tiễn, sáng tạo, chủ động tháo gỡ khó khăn và tạo được lợi nhuận ở mức tốt nhất. Có các biện pháp tích cực nâng cao hoạt động quản lý – vận hành thể hiện qua các quy định được ban hành.

3. CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

HĐQT nhận định nền kinh tế toàn cầu bước vào năm 2025 với nhiều rủi ro tiềm ẩn và biến động khó lường (tỷ giá, nhiên liệu, địa chính trị, chính sách của các nước lớn...); sự thay đổi về phương thức điều hành thị trường điện cũng sẽ tác động đến các hoạt động SXKD của Tổng Công ty. Bên cạnh đó, xu thế chuyển dịch năng lượng sang nguồn năng lượng sạch đòi hỏi những chính sách và chiến lược có tầm nhìn lâu dài. Với tình hình trên, để kế hoạch sản xuất kinh doanh 2025 được triển khai hiệu quả và thành công, Hội đồng Quản trị Công ty định hướng các nhiệm vụ trọng tâm như sau:

- ▶ Xây dựng kế hoạch phù hợp với mục tiêu và chỉ đạo triển khai thành công các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh theo nghị quyết của ĐHCĐ thường niên năm 2025.
- ▶ Đảm bảo công tác sản xuất điện an toàn, tin cậy, kinh tế, đáp ứng phương thức huy động của hệ thống điện Quốc gia, góp phần vào sự phát triển kinh tế – xã hội của đất nước
- ▶ Chào giá trong thị trường điện có hiệu quả và tối đa hóa lợi nhuận.
- ▶ Thực hiện công tác SCL các tổ máy phù hợp với tình hình sản xuất thực tế của các Tổ máy, đảm bảo chất lượng, tiến độ, tối ưu hóa chi phí, nghiên cứu triển khai phương thức Non-OEM nhằm nâng cao tính chủ động và tối ưu hóa.





- ▶ Tiếp tục triển khai thực hiện quyết toán các dự án đảm bảo tiến độ.
- ▶ Tiếp nhận và QLTV Ổn định NMD Phú Mỹ 2.2: tiếp tục thúc đẩy mở rộng lĩnh vực cung cấp dịch vụ O&M các NMD ngoài Tổng Công ty.
- ▶ Triển khai công tác chuẩn bị đầu tư các Dự án: Nhiệt điện linh hoạt (ICE) Ninh Bình, tham gia khảo sát lập dự án đầu tư Điện gió ngoài khơi, Điện mặt trời nổi trên hồ thủy điện, nghiên cứu NMTĐ Srêpôk 3 MR; Hoàn thành thủ tục đầu tư và khởi công xây dựng Dự án xây dựng Trụ sở Tổng Công

- ty Phát điện 3; Tìm kiếm đối tác hợp tác đầu tư các dự án điện gió.
- ▶ Tiếp tục đẩy mạnh tiêu thụ tro xỉ của NMTĐ Vĩnh Tân 2, Mông Dương 1 trong giai đoạn tiếp theo theo hướng ổn định, lâu dài.
- ▶ Triển khai đề án tái cơ cấu Doanh nghiệp nhằm tạo nguồn vốn đầu tư phát triển, mở rộng quy mô. Xây dựng kế hoạch giai đoạn 2025–2030 để triển khai trong trung, dài hạn.



- ▶ Hoàn thiện công tác quản trị, tập trung giữ ổn định hoạt động của các đơn vị thành viên, tiêu chuẩn hóa và thống nhất áp dụng các QCQLNB.
- ▶ Tiếp tục đẩy mạnh việc học tập liên tục với nhiều hình thức/cách thức phù hợp; sắp xếp, bố trí lao động tối ưu, sử dụng nhân sự chuyên gia trong một số lĩnh vực.
- ▶ Bảo đảm công tác an ninh – quốc phòng; tích cực thực hiện phòng chống tham nhũng, lãng phí; tăng cường công tác kiểm soát nội bộ.

- ▶ Triển khai mạnh mẽ, hiệu quả kế hoạch chuyển đổi số toàn diện, tăng cường ứng dụng khoa học và công nghệ 4.0 trong quản lý, điều hành và kiểm soát hệ thống nhằm nâng cao tính minh bạch, công khai và hiệu quả trong công tác quản trị doanh nghiệp.
- ▶ Tăng cường hợp tác quốc tế (đặc biệt trong phát triển các Dự án nguồn điện và tài chính), nỗ lực chuyển dịch năng lượng sang hướng năng lượng xanh, sạch, nâng cao trách nhiệm của doanh nghiệp trong lĩnh vực môi trường – xã hội, vì sự phát triển bền vững của doanh nghiệp và cộng đồng.



The image features a central handshake between two individuals, one wearing a blue and white striped shirt and the other a white shirt. The background is a blue-toned world map with white dotted lines. Overlaid on the map are various financial data elements: a line graph in the top left with values 89.40, 88.85, and 26.44; a bar chart in the bottom left; and a grid of data points in the bottom right. The text 'Linh hoạt & Thích ứng' is positioned in the upper right quadrant.

Linh hoạt &
Thích ứng

Quản trị CÔNG TY

05

Hội Đồng Quản Trị	114
Ban Kiểm Soát	117
Các Giao Dịch, Thù Lao Và Các Khoản Lợi Ích Của Hội Đồng Quản Trị, Ban Giám Đốc Và Ban Kiểm	120
Hoạt Động Quan Hệ Nhà Đầu Tư	121
Đánh Giá Việc Thực Hiện Các Quy Định Về Quản Trị Công Ty	121

 Nhà máy Nhiệt điện Mông Dương 1



I. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



TT	THÀNH VIÊN BĐH	CHỨC DANH	SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN NĂM GIỮ	TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN CÓ QUYỀN BIỂU QUYẾT
1	Ông Đinh Quốc Lâm	Chủ tịch HĐQT	445.810.312	39,68%
2	Ông Lê Văn Danh	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc	334.449.543	29,77%
3	Bà Nguyễn Thị Hải Yến	Thành viên HĐQT	167.174.933	14,88%
4	Ông Nguyễn Minh Khoa	Thành viên HĐQT	167.170.169	14,88%
5	Ông Đỗ Mộng Hùng	Thành viên độc lập HĐQT	0	0%

Thông tin chi tiết xin xem thêm ở phần V Chương 2 báo cáo này)

2. CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ HĐQT

HĐQT làm việc theo nguyên tắc tập thể lãnh đạo dưới sự chỉ đạo, điều hành của Chủ tịch HĐQT, không thành lập các tiểu ban thuộc HĐQT.

3. HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT TRONG NĂM 2024

HĐQT hoạt động theo đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được quy định tại Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và tình hình thực tế của Tổng Công ty để lãnh đạo Tổng Công ty hoàn thành tốt kế hoạch sản xuất kinh doanh – đầu tư xây dựng – tài chính năm 2024. HĐQT định hướng các chủ trương lớn, thường xuyên chỉ đạo đối với các lĩnh vực trọng tâm của

EVNGENCO3, giải quyết kịp thời các kiến nghị của Ban Điều hành nhằm đảm bảo hoạt động ổn định, tuân thủ các quy định hiện hành. HĐQT thường xuyên theo dõi, giám sát việc thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông đã đề ra nhằm giải quyết kịp thời các vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền của HĐQT.



4. CÁC CUỘC HỌP HĐQT TRONG NĂM 2024

Trong năm 2024, HĐQT EVNGENCO3 đã tổ chức 13 phiên họp có sự tham dự đầy đủ của các Thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát với tư cách là giám sát viên. Theo Báo cáo ghi nhận sự tham gia của các thành viên HĐQT tại các cuộc họp HĐQT cho năm 2024 như sau:

TT	THÀNH VIÊN BĐH	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Đinh Quốc Lâm	13	100%	–
2	Ông Lê Văn Danh	13	100%	–
3	Bà Nguyễn Thị Hải Yến	13	100%	–
4	Ông Nguyễn Minh Khoa	13	100%	–
5	Ông Đỗ Mộng Hùng	13	100%	–

5. CÁC NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong năm 2024, HĐQT EVNGENCO3 đã tổ chức thực hiện/chỉ đạo và ban hành 38 nghị quyết để giải quyết các vấn đề trọng tâm, chủ trương, kế hoạch và công tác quản trị của Tổng Công ty; ngoài ra, HĐQT cũng có các nghị quyết, quyết định, văn bản để thông qua, chỉ đạo các công việc có tính chất định kỳ và/hoặc giải quyết các kiến nghị của Ban Điều hành trong hoạt động của Tổng Công ty.

6. HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HĐQT

Thực hiện theo đúng chức trách, nhiệm vụ của Thành viên HĐQT quy định tại Điều lệ Tổng Công ty. Trong năm, phối hợp HĐQT ban hành các chủ trương, định hướng và/hoặc giải quyết các kiến nghị của Ban Điều hành (thông qua các cuộc họp HĐQT và lấy ý kiến bằng văn bản) đảm bảo các hoạt động của Tổng Công ty.

Thực hiện báo cáo về kết quả hoạt động trong năm theo quy định về quản trị CTCP niêm yết.

7. ĐÀO TẠO QUẢN TRỊ

Trong năm, cán bộ lãnh đạo và quản lý TCT tiếp tục được tham gia các chương trình đào tạo quản trị doanh nghiệp, qua đó nắm bắt các kinh nghiệm quản trị của các doanh nghiệp nước ngoài để áp dụng và thực tiễn quản trị của TCT.



II. BAN KIỂM SOÁT

1. THÔNG TIN VỀ THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

STT	THÀNH VIÊN BKS	CHỨC DANH	TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN CÓ QUYỀN BIỂU QUYẾT
1	Ông Phạm Hùng Minh	Trưởng Ban Kiểm soát	0%
2	Ông Đậu Đức Chiến	Thành viên Ban Kiểm soát	0%
3	Bà Vũ Hải Ngọc	Thành viên Ban Kiểm soát	0%

(Thông tin chi tiết xin xem thêm ở phần V Chương 2 báo cáo này)

2. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

2.1. CUỘC HỌP CỦA BAN KIỂM SOÁT

Trong năm 2024, Ban Kiểm soát đã tổ chức 04 cuộc họp đồng thời thường xuyên trao đổi nội bộ để thống nhất nội dung các báo cáo giám sát. Các thành viên Ban Kiểm soát đều tích cực tham gia đầy đủ các cuộc họp Ban Kiểm soát.

STT	THÀNH VIÊN BKS	CHỨC DANH	NGÀY BẮT ĐẦU/ KHÔNG CÒN LÀ THÀNH VIÊN BKS	SỐ BUỔI HỌP BKS THAM DỰ	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Ông Phạm Hùng Minh	Trưởng Ban Kiểm soát	27/9/2018	4/4	100%	
2	Ông Đậu Đức Chiến	Thành viên Ban Kiểm soát	27/9/2018	4/4	100%	
3	Bà Vũ Hải Ngọc	Thành viên Ban Kiểm soát	27/9/2018	4/4	100%	

Các cuộc họp cụ thể như sau:

STT	NGÀY HỌP	NỘI DUNG	KẾT QUẢ
1	08/3/2024	Thống nhất kết quả kiểm soát, đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết số 66/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15/06/2023 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023	100% thống nhất
2	11/7/2024	Họp sơ kết 6 tháng đầu năm 2024	100% thống nhất
3	28/8/2024	Họp phân công và triển khai thực hiện giám sát hàng tồn kho tại các đơn vị	100% thống nhất
4	11/12/2024	Họp tổng kết công tác kiểm soát năm 2024 và thống nhất kế hoạch kiểm soát năm 2025	100% thống nhất

2.2. HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA BAN KIỂM SOÁT ĐỐI VỚI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CỔ ĐÔNG

- Thường xuyên theo dõi, kiểm soát việc chấp hành chế độ, chính sách, pháp luật của Nhà nước, việc thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, Điều lệ Tổng Công ty, quy chế nội bộ về quản trị và các quy chế quản lý nội bộ của Tổng Công ty. Kết quả, Tổng Công ty chấp hành tốt chế độ, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, Điều lệ, quy chế nội bộ về quản trị và các quy chế quản lý nội bộ của Tổng Công ty.
- Thường xuyên nắm bắt tình hình sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty, các Công ty con và Công ty liên kết.
- Giám sát Tổng Công ty và các Công ty con trong việc công bố thông tin theo quy định.
- Kiểm soát, đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết số 66/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15/06/2023 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 (thực hiện từ ngày 04/03/2024 đến ngày 08/03/2024).
- Lập báo cáo của Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 (thực hiện vào tháng 04-05/2024).
- Thẩm định báo cáo quyết toán quỹ tiền lương sản xuất điện năm 2023 của Tổng Công ty (thực hiện vào tháng 03/2024).
- Thẩm định Báo cáo tài chính năm 2023 của Tổng Công ty (thực hiện vào tháng 03/2024).
- Thẩm định kế hoạch tiền lương năm 2024 của Tổng Công ty (thực hiện vào tháng 05/2024) và thẩm định BCTC giữa niên độ năm 2024 (thực hiện vào tháng 08 và tháng 09 năm 2024).
- Thực hiện giám sát tình hình quản lý hàng tồn kho tại Tổng Công ty và các đơn vị trực thuộc theo kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 thông qua (thực hiện từ ngày 04/9 – 18/10/2024).
- Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ EVNGENCO3 một cách trung thực, thận trọng vì lợi ích của Tổng Công ty và cổ đông.

2.3. SỰ PHỐI HỢP GIỮA BKS VỚI HĐQT, BTGD VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC

- HĐQT Tổng Công ty đã cung cấp kịp thời, đầy đủ các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT cho Ban Kiểm soát; Ban Tổng Giám đốc đã tạo điều kiện cho Ban Kiểm soát trong việc thu thập các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty khi có yêu cầu.
- HĐQT Tổng Công ty, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý của Tổng Công ty đã có mối quan hệ phối hợp chặt chẽ trong việc thực hiện nhiệm vụ được ĐHĐCĐ giao.

Nhận xét chung: Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Ban Kiểm soát luôn nhận được sự quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi từ HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và các Ban, các Đơn vị thành viên trong Tổng Công ty để Ban Kiểm soát hoàn thành nhiệm vụ do Đại hội đồng cổ đông giao.

2.4. HOẠT ĐỘNG KHÁC CỦA BKS

- Chủ trì và phối hợp Ban Kiểm toán nội bộ và giám sát tài chính Tổng công ty tổ chức giám sát Công ty TNHH Deloitte Việt Nam thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022 của Tổng Công ty (đã thực hiện trong năm 2023 và tháng 01, tháng 02 năm 2024).
- Chủ trì và phối hợp Ban Kiểm toán nội bộ và giám sát tài chính Tổng Công ty tổ chức giám sát Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam thực hiện soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ năm 2024 (thực hiện trong tháng 07/2024); và giám sát công tác kiểm kê tài sản cố định, hàng tồn kho và công cụ dụng cụ tại các đơn vị vào cuối tháng 12/2024.
- Hợp thống nhất kết quả kiểm soát, đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết số 66/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15/06/2023 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 (ngày họp 08/3/2024).

- Hợp sơ kết 6 tháng đầu năm 2024 vào ngày 11/07/2024.
- Hợp phân công, triển khai thực hiện giám sát tình hình quản lý hàng tồn kho tại TCT và các đơn vị trực thuộc vào ngày 28/08/2024.
- Hợp tổng kết công tác kiểm soát năm 2024 và thống nhất kế hoạch kiểm soát năm 2025 vào ngày 11/12/2024.
- Tham gia các khóa đào tạo, tập huấn hàng năm về nghiệp vụ Kiểm toán nội bộ, giám sát tài chính và kiểm soát tuân thủ do cổ đông Tập đoàn Điện lực Việt Nam tổ chức.
- Tham dự các phiên họp của HĐQT và các cuộc họp giao ban hàng tuần, hàng tháng của Tổng Công ty.



3. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM 2025

- Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng Công ty một cách trung thực, thận trọng vì lợi ích của TCT và cổ đông.
- Dự kiến thực hiện giám sát tình hình quản lý hàng tồn kho đối với vật tư thiết bị tại các đơn vị của EVNGENCO3.

III. CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

1. LƯƠNG, THƯỞNG, THÙ LAO, CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BKS

Xem báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024 sau kiểm toán tại chương 7.

2. GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

STT	NGƯỜI THỰC HIỆN GIAO DỊCH	QUAN HỆ VỚI NGƯỜI NỘI BỘ	SỐ CỔ PHIẾU SỞ HỮU ĐẦU KỲ		SỐ CỔ PHIẾU SỞ HỮU CUỐI KỲ		LÝ DO TĂNG GIẢM
			SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN	TỶ LỆ (%)	SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN	TỶ LỆ (%)	
1	Ông Đinh Quốc Lâm	Chủ tịch	28.455	0,003%	54.155	0,0048%	Mua

3. HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI NỘI BỘ:

Không có



IV. HOẠT ĐỘNG QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ



Năm 2024, TCT được vinh danh *Top 20 Báo cáo thường niên tốt nhất – nhóm ngành phi tài chính* tại Cuộc bình chọn Doanh nghiệp niêm yết (Vietnam Listed Company Awards) do Sở GDCK TP.HCM (HOSE), Sở GDCK Hà Nội (HNX) và Báo Đầu tư phối hợp tổ chức với sự tham gia của gần 600 doanh nghiệp niêm yết, cho thấy TCT đã đáp ứng tốt các tiêu chuẩn và bộ tiêu chí công bố thông tin, quản trị công ty đại chúng quy mô lớn.

Tổng Công ty thực hiện bản tin nhà đầu tư định kỳ hàng tháng để cung cấp thông tin tình hình sản xuất – kinh doanh đến các nhà đầu tư và được đăng tải trên website <https://www.genco3.com/quan-he-nha-dau-tu/ban-tin-nha-dau-tu>.

Năm 2024, Tổng Công ty tăng cường trao đổi với các công ty chứng khoán và quỹ đầu tư để chuẩn bị cho lộ trình tái cơ cấu trong thời gian tới.

Bộ phận quan hệ nhà đầu tư của TCT cũng sẵn sàng giải đáp các thắc mắc cũng như ghi nhận những thông tin phản hồi từ phía cổ đông và nhà đầu tư. Trong năm, EVNGENCO3 tham gia chương trình gặp mặt nhà đầu tư do CTCP Chứng khoán SSI, VCBS tổ chức.

V. ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Trong năm 2024, EVNGENCO3 đã tuân thủ tất cả các quy định trọng yếu của Pháp luật có liên quan đến Quản trị Công ty nói chung cũng như các quy định quản trị đối với Công ty niêm yết. Ngoài ra, Công ty cũng luôn nỗ lực nâng cao chất lượng quản trị theo tiêu chuẩn quốc tế thông qua việc áp dụng và ngày càng bám sát các tiêu chí Thẻ điểm Quản trị Công ty khu vực ASEAN; đồng thời đẩy mạnh chuyển đổi số, tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ nhằm hoàn thiện quy trình Quản trị Công ty theo hướng hiện đại, khoa học, hiệu quả.

1. NGUYÊN TẮC QUẢN TRỊ CÔNG TY

10 nguyên tắc quản trị Công ty theo thông lệ tốt nhất của EVNGENCO3

1.1

NGUYÊN TẮC 1

Thiết lập vai trò, trách nhiệm và cam kết của Hội đồng Quản trị

Tại EVNGENCO3, vai trò và trách nhiệm của Hội đồng Quản trị được cụ thể hóa trong Điều lệ Công ty và Quy chế Quản trị nội bộ. Hoạt động của Hội đồng Quản trị luôn đảm bảo tuân thủ các quy định pháp luật phù hợp với thẩm quyền và trách nhiệm được giao. Hội đồng Quản trị cam kết thực hiện mọi hoạt động một cách minh bạch, vì lợi ích tốt nhất của Công ty và cổ đông, đồng thời quan tâm đến các bên liên quan.

Hội đồng Quản trị lãnh đạo Công ty hoàn thành xuất sắc các kế hoạch sản xuất, kinh doanh và chịu trách nhiệm cuối cùng về hoạt động, chiến lược và hiệu quả tài chính của Công ty.

Hội đồng Quản trị triển khai hoạt động thông qua việc ban hành các Nghị quyết và chỉ đạo Ban Điều hành (Ban Tổng Giám đốc) thực hiện Nghị quyết.

Trong năm tài chính hiện tại, Hội đồng Quản trị đã thực hiện các bước để cải thiện quản trị Công ty, đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành và nhất quán với các thông lệ quản trị tốt do các tổ chức quốc tế và cơ quan quản lý khuyến nghị.

1.2

NGUYÊN TẮC 2

Thiết lập Hội đồng Quản trị có năng lực và chuyên nghiệp

Hội đồng Quản trị của EVNGENCO3 có năm thành viên, trong đó có một thành viên là nữ và một thành viên độc lập. Các thành viên HĐQT đều có kinh nghiệm sâu rộng trong lĩnh vực năng lượng – điện, quản trị điều hành doanh nghiệp, tài chính, kinh doanh, thể chế, chính sách. Sự đa dạng của thành phần, kiến thức và kinh nghiệm giúp HĐQT có quan điểm đa dạng, giúp có thể thảo luận và đưa ra các quyết định hiệu quả.

1.3

NGUYÊN TẮC 3

Đảm bảo vai trò lãnh đạo hiệu quả và tính độc lập của Hội đồng Quản trị

Quy chế nội bộ QTCT và Điều lệ Tổng Công ty đã quy định rõ về quyền hạn và trách nhiệm của HĐQT nhằm đảm bảo vai trò lãnh đạo một cách hiệu quả nhất. Thực tế cho thấy HĐQT đã chỉ đạo, phối hợp hỗ trợ Ban Điều hành trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh, đồng thời đảm bảo lợi ích hợp pháp của cổ đông và các bên liên quan. HĐQT hiện có 01 thành viên độc lập, là tiếng nói khách quan quan trọng để đảm bảo HĐQT đưa ra các quyết định khách quan và giám sát hiệu quả hoạt động của Ban Điều hành.

1.4

NGUYÊN TẮC 4

Thành lập các Ủy ban trực thuộc Hội đồng Quản trị

Với hoạt động sản xuất kinh doanh và cơ cấu tổ chức hiện tại, EVNGENCO3 nhận thấy chưa có nhu cầu thành lập các Tiểu ban trực thuộc HĐQT. HĐQT sẽ trực tiếp thảo luận các vấn đề phát sinh và có thể tổ chức riêng thành từng chuyên đề khi cần thiết. Đối với hoạt động quản trị rủi ro, HĐQT tổ chức phân theo chức năng các đơn vị nghiệp vụ trực tiếp, với sự giám sát và lãnh đạo của Ban Điều hành và HĐQT.

1.5

NGUYÊN TẮC 5

Đảm bảo hoạt động của Hội đồng Quản trị

Hàng năm, Hội đồng Quản trị đánh giá hoạt động của mình và các thành viên dựa trên các thông lệ tốt nhất, và đặc biệt là mức độ hoàn thành kế hoạch kinh doanh do Đại hội đồng cổ đông thông qua. Mức chi trả thù lao của các thành viên được tính toán một cách khách quan, khoa học theo quy định hiện hành và minh bạch dựa trên năng lực và hiệu quả đóng góp vào công việc của Hội đồng Quản trị, đồng thời được ĐHCĐ thông qua, công khai minh bạch trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán.

1.6

NGUYÊN TẮC 6

Thiết lập và duy trì văn hóa đạo đức Công ty

EVNGENCO3 đã ban hành các văn bản lập quy như Văn hóa Tổng Công ty Phát điện 3, Quy tắc ứng xử trong Cơ quan Tổng Công ty Phát điện 3 nhằm tạo dựng và thúc đẩy văn hóa kinh doanh với chuẩn mực cao trong toàn TCT. Hội đồng Quản trị đóng vai trò tiên phong dẫn dắt và định hình bản sắc riêng của văn hóa Tổng Công ty, là sức mạnh nền tảng tạo nên sự phát triển bền vững và gia tăng giá trị cho cổ đông.



1.7

NGUYÊN TẮC 7

Thiết lập chính sách quản trị rủi ro và môi trường kiểm soát vững mạnh

Hội đồng Quản trị đã thiết lập một hệ thống kiểm soát nội bộ và chính sách quản trị rủi ro một cách hiệu quả. Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm cuối cùng về chính sách quản trị rủi ro và giám sát hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Bộ phận Kiểm toán nội bộ với kế hoạch và phân công công việc định kỳ hàng quý, đã thực hiện việc soát xét báo cáo và tình hình tài chính, hoàn thiện hệ thống kiểm soát, phòng chống gian lận trong toàn bộ hoạt động của TCT. Trong việc lựa chọn đơn vị kiểm toán, EVNGENCO3 đã cân nhắc đến các tiêu chí về năng lực, uy tín và trình độ chuyên môn để đánh giá và lựa chọn đơn vị kiểm toán là một trong bốn công ty kiểm toán lớn tại Việt Nam. Đại hội đồng cổ đông thường niên đã thông qua và Hội đồng Quản trị đã phê duyệt Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam là đơn vị kiểm toán độc lập cho niên độ tài chính 2024

1.8

NGUYÊN TẮC 8

Đẩy mạnh hoạt động công bố thông tin

HĐQT thường xuyên chỉ đạo việc thực hiện công bố thông tin cho các cổ đông theo đúng quy định hiện hành của Bộ Tài chính và Ủy ban Chứng khoán, đảm bảo công bố thông tin một cách công khai, minh bạch, kịp thời và chính xác. Tổng Công ty duy trì các kênh công bố thông tin đa dạng như: trang web của Tổng Công ty, trang web HOSE, các phương tiện truyền thông đại chúng và thông qua Phòng Quan hệ Nhà đầu tư của TCT.

1.9

NGUYÊN TẮC 9

Thiết lập khuôn khổ thực hiện hiệu quả quyền cổ đông

Quan hệ Nhà đầu tư tiếp tục là lĩnh vực trọng tâm được EVNGENCO3 chú trọng nhằm đảm bảo lợi ích của cổ đông. Hội đồng Quản trị luôn đảm bảo truyền tải thông tin chính xác và kịp thời đến cổ đông và cộng đồng nhà đầu tư. Hàng năm, Tổng Công ty tổ chức Đại hội cổ đông thường niên. Tổng Công ty thực hiện chi trả cổ tức cho cổ đông kịp thời theo chính sách cổ tức của TCT. Các giao dịch của EVNGENCO3 với người nội bộ và các bên liên quan được thực hiện theo cách đảm bảo quản lý mâu thuẫn lợi ích phù hợp và bảo vệ lợi ích của Tổng Công ty và cổ đông.

1.10

NGUYÊN TẮC 10

Thúc đẩy sự tham gia hiệu quả của các bên liên quan

EVNGENCO3 chủ động xây dựng các kênh đối thoại hiệu quả với các bên liên quan, qua đó có thể kịp thời hành động để giải quyết các mối quan ngại và kỳ vọng của họ. Ngoài ra, HĐQT thực hiện giám sát thông qua hệ thống các quy chế, quy định nhằm đảm bảo cân bằng và hài hòa lợi ích với các đối tác nội bộ và bên ngoài. EVNGENCO3 thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định pháp luật, đồng thời tích cực đóng góp cho cộng đồng và xã hội.

2. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN QUẢN TRỊ CÔNG TY DỰA TRÊN THẺ ĐIỂM QUẢN TRỊ CÔNG TY KHU VỰC ASEAN

Mức độ đáp ứng của Tổng Công ty tham chiếu với các tiêu chí Thẻ điểm Quản trị công ty khu vực ASEAN

THẺ ĐIỂM QUẢN TRỊ CÔNG TY KHU VỰC ASEAN		MỨC ĐỘ ĐÁP ỨNG CỦA EVNGENCO3
A	Đối xử bình đẳng với cổ đông	Đáp ứng tốt
B	Đảm bảo tất cả các quyền của cổ đông	Đáp ứng tốt
C	Đảm bảo quyền và vai trò của các bên liên quan	Đáp ứng tốt
D	Công bố và minh bạch thông tin	Đáp ứng tốt
E	Tăng cường trách nhiệm của HĐQT đối với cổ đông	Đáp ứng tốt

Dưới đây là thông tin chi tiết về quản trị công ty của EVNGENCO3 trong năm 2024 tham chiếu với các tiêu chí Thẻ điểm Quản trị công ty khu vực ASEAN:

STT	TIÊU CHÍ THẺ ĐIỂM QUẢN TRỊ CÔNG TY KHU VỰC ASEAN	MỨC ĐỘ ĐÁP ỨNG CỦA EVNGENCO3
A. ĐẢM BẢO TẤT CẢ CÁC QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG		
A.1	Quyền cơ bản của cổ đông:	Quyền tham dự họp ĐHĐCĐ: Ngày 15/6/2024, tại TP. Hồ Chí Minh, Tổng Công ty Phát điện 3 – CTCP (EVNGENCO3), mã chứng khoán PGV đã tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024. Đến dự Đại hội có đại diện Lãnh đạo Hội đồng thành viên Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN), các công ty chứng khoán và quỹ đầu tư, các nhà đầu tư tiềm năng trong và ngoài nước. Bên cạnh đó, Hội đồng Quản trị (HĐQT), Ban Lãnh đạo EVNGENCO3, Ban Kiểm soát, lãnh đạo các ban, các đơn vị thành viên của Tổng Công ty và 59 cổ đông được ủy quyền đại diện cho 1.115.547.520 cổ phần, tương đương 99,3% trên tổng số cổ phần của Tổng Công ty.

STT	Tiêu chí thể điểm quản trị công ty khu vực ASEAN	Mức độ đáp ứng của EVNGENCO3
A.3	Quyền tham gia vào các quyết định liên quan đến những thay đổi quan trọng của công ty	Ngày 15/06/2024, ĐHĐCĐ thường niên của EVNGENCO3 đã được tổ chức thành công, tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành, đảm bảo quyền và lợi ích tối đa của cổ đông, cụ thể: - Thông báo mời họp được gửi đến tất cả các cổ đông với nội dung thông tin đầy đủ về thời gian, địa điểm, đối tượng dự họp, chương trình họp, cách thức tham dự ĐHĐCĐ và các thông tin cơ bản khác về việc đăng ký tham dự. - Toàn bộ tài liệu họp được đăng tải công khai trên website TCT bằng tiếng Việt trong thời gian 21 ngày trước ngày tổ chức ĐHĐCĐ. - Nghị quyết và Biên bản họp ĐHĐCĐ được đăng tải trên website TCT vào ngày 13/06/2024, theo đúng quy định với đầy đủ thông tin theo đúng trình tự thời gian trong vòng 24 giờ
A.4	Thị trường giao dịch thầu Công ty phải được phép hoạt động một cách hiệu quả và minh bạch.	Trong năm 2024, EVNGENCO3 không phát sinh các trường hợp này
A.5	Cần tạo điều kiện thực hiện quyền sở hữu cho mọi cổ đông, bao gồm cả các nhà đầu tư tổ chức.	Năm 2024, Tổng Công ty thực hiện bản tin nhà đầu tư định kỳ hàng tháng để cung cấp thông tin tình hình sản xuất – kinh doanh đến các nhà đầu tư và được đăng tải trên website: https://www.genco3.com/quan-he-nha-dau-tu/ban-tin-nha-dau-tu. - Bộ phận quan hệ nhà đầu tư của TCT cũng sẵn sàng giải đáp các thắc mắc cũng như ghi nhận những thông tin phản hồi từ phía cổ đông và nhà đầu tư. - Trong năm, EVNGENCO3 tham gia chương trình gặp mặt nhà đầu tư do CTCP Chứng khoán SSI, VCBS tổ chức.
B ĐỐI XỬ BÌNH ĐẲNG VỚI CỔ ĐÔNG		
EVNGENCO3 cung cấp đầy đủ và công khai các thông tin theo quy định cho tất cả các cổ đông. Các cổ đông đều có quyền tham dự hoặc ủy quyền tham dự ĐHĐCĐ thường niên/ bất thường của EVNGENCO3.		
B.1	Cổ phiếu và quyền biểu quyết	TCT chỉ có cổ phiếu phổ thông. Mỗi cổ phiếu phổ thông có một quyền biểu quyết.
B.2	Thông báo ĐHĐCĐ	Toàn bộ thông báo, thư mời ĐHĐCĐ được gửi trực tiếp đến địa chỉ cổ đông đã đăng ký và tài liệu đăng tải trên website của TCT: https://www.genco3.com/ trước thời điểm diễn ra ĐHĐCĐ.

STT	Tiêu chí thể điểm quản trị công ty khu vực ASEAN	Mức độ đáp ứng của EVNGENCO3
B ĐỐI XỬ BÌNH ĐẲNG VỚI CỔ ĐÔNG		
EVNGENCO3 cung cấp đầy đủ và công khai các thông tin theo quy định cho tất cả các cổ đông. Các cổ đông đều có quyền tham dự hoặc ủy quyền tham dự ĐHĐCĐ thường niên/ bất thường của EVNGENCO3.		
B.3	Cổ phiếu và quyền biểu quyết	Chương X trong Điều lệ EVNGENCO3 quy định rõ các thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của HĐQT một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của EVNGENCO3. Đồng thời, quy định rõ trách nhiệm phải bồi thường về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra. Bên cạnh đó, TCT còn thực hiện theo quy định Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán.
B.4	Giao dịch bên liên quan của thành viên HĐQT và cán bộ quản lý cấp cao	Các giao dịch liên quan đến lợi ích của thành viên HĐQT được quy định tại khoản 7 điều 42 trong Điều lệ TCT.
C ĐẢM BẢO QUYỀN LỢI VÀ VAI TRÒ CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN		
Các hoạt động kinh doanh của EVNGENCO3 đều được thực hiện trên nguyên tắc đảm bảo lợi ích cao nhất cho các bên liên quan.		
Các bên liên quan		Cam kết của TCT đối với các bên liên quan
C.1	Khách hàng	- Tuân thủ quy định của pháp luật và các hợp đồng mua bán điện với Công ty mua bán điện EPTC - Ban hành đầy đủ các quy chế đấu thầu và mua sắm hàng hóa đảm bảo quy định pháp luật
C.2	Cổ đông, nhà đầu tư	Tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ TCT
C.3	Cán bộ nhân viên	Thỏa ước lao động tập thể và nội quy TCT
C.4	Cộng đồng	Chăm lo cộng đồng bằng nhiều hoạt động an sinh xã hội
C.5	Chính phủ và các bộ ngành	Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của pháp luật về thuế, bảo vệ môi trường, an toàn lao động và đóng góp vào ngân sách Nhà nước.
C.6	Đối tác, nhà cung cấp	Tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật về đấu thầu và mua sắm hàng hóa.
C.7	Báo chí và cơ quan truyền thông	TCT chủ động cung cấp thông tin đầy đủ, minh bạch về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh với Báo chí và truyền thông mạng xã hội.

STT	TIÊU CHÍ THỂ ĐIỂM QUẢN TRỊ CÔNG TY KHU VỰC ASEAN		MỨC ĐỘ ĐÁP ỨNG CỦA EVNGENCO3
D	CÔNG BỐ VÀ MINH BẠCH THÔNG TIN		
EVNGENCO3 luôn tuân thủ đầy đủ, chính xác và đúng thời hạn các quy định về công bố thông tin đối với công ty niêm yết. Đồng thời, tất cả các bên liên quan đều có thể tiếp cận thông tin phải công bố của EVNGENCO3 cập nhật trên website của Tổng Công ty.			
D.1	Cấu trúc sở hữu minh bạch	Thông tin về cấu trúc sở hữu và mô hình hoạt động của TCT; dữ liệu về cổ đông lớn, cổ đông nội bộ, thành viên HĐQT và Ban Điều hành; giao dịch với các bên liên quan được công bố và cập nhật công khai trong Báo cáo thường niên, Báo cáo quản trị và website của TCT.	
D.2	Chất lượng và thời hạn công bố của Báo cáo thường niên, Báo cáo tài chính	- Báo cáo thường niên của EVNGENCO3 được lập đáp ứng đầy đủ các quy định của Thông tư số 96/2020/TT-BTC, về hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. - Báo cáo thường niên và Báo cáo tài chính của EVNGENCO3 luôn được công bố đúng thời hạn và theo đúng các quy định về công bố thông tin.	
D.3	Cung cấp thông tin hoạt động kinh doanh của công ty	Các thông tin liên quan và trọng yếu về hoạt động kinh doanh của EVNGENCO3 được công bố kịp thời thông qua website TCT: https://www.genco3.com/quan-he-nha-dau-tu/ban-tin-nha-dau-tu	
D.4	Quan hệ nhà đầu tư	- EVNGENCO3 ưu tiên đẩy mạnh các kênh online, trong đó có mạng báo chí. Trong năm qua, tất cả các tin tức về hoạt động của TCT đều cập nhật liên tục trên các trang báo với độ phủ thị trường lớn, nhằm mục đích cung cấp nhanh nhất các hoạt động của TCT đến nhà đầu tư. - Để các cổ đông và nhà đầu tư có thêm góc nhìn về mã cổ phiếu PGV qua các chuyên viên phân tích hàng đầu trong thị trường, Tổng Công ty đã liên tục cập nhật báo cáo quan hệ cổ đông (IR) theo tháng để các chuyên viên phân tích có thể thường xuyên ra báo cáo về mã cổ phiếu PGV.	

STT	TIÊU CHÍ THỂ ĐIỂM QUẢN TRỊ CÔNG TY KHU VỰC ASEAN		MỨC ĐỘ ĐÁP ỨNG CỦA EVNGENCO3
E	TĂNG CƯỜNG TRÁCH NHIỆM CỦA HĐQT ĐỐI VỚI CỔ ĐÔNG		
E.1	Cơ cấu và vai trò, trách nhiệm của thành viên HĐQT	- Cơ cấu, vai trò, trách nhiệm và thù lao của thành viên HĐQT được quy định rõ trong Chương VII Điều lệ TCT; - HĐQT trình ĐHĐCĐ thông qua thù lao, lương thưởng hàng năm; ban hành Nghị quyết ĐHĐCĐ để thực hiện theo quy định và được công bố công khai trên Báo cáo thường niên.	
E.2	Cuộc họp HĐQT	Trình tự và thủ tục họp HĐQT được quy định cụ thể tại Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị và Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị của EVNGENCO3. Trong năm 2024, HĐQT đã thực hiện 13 phiên họp.	
E.3	Tính độc lập của thành viên HĐQT	- Tại EVNGENCO3, chức danh Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc được tách bạch, giúp gia tăng trách nhiệm và nâng cao năng lực ra quyết định độc lập của HĐQT và Ban Điều hành. - TCT có 1 thành viên độc lập HĐQT để hỗ trợ và thực hiện các công việc liên quan.	
E.4	Các tiểu ban trực thuộc HĐQT	Căn cứ các quy định hiện hành thì việc thành lập các tiểu ban thuộc HĐQT là không bắt buộc. Theo nhu cầu công việc, cho đến thời điểm này HĐQT chưa thành lập các tiểu ban thuộc HĐQT.	
E.5	Hiệu quả HĐQT	- Năm 2024, HĐQT EVNGENCO3 đã tổ chức thực hiện/ chỉ đạo và ban hành 38 Nghị quyết để giải quyết các vấn đề trọng tâm, chủ trương, kế hoạch và công tác quản trị của TCT; ngoài ra, HĐQT cũng có các Nghị quyết, quyết định, văn bản để thông qua, chỉ đạo các công việc có tính chất định kỳ trong hoạt động của TCT với tỷ lệ thông qua là 100% để thực hiện chức năng quản trị hoạt động của Tổng Công ty. - Các thành viên HĐQT đều tích cực cập nhật kiến thức về quản trị công ty theo khung quản trị tiên tiến trên thế giới.	

Vững vàng Vườn xa



Báo cáo PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

06

Tổng Quan Báo Cáo Phát Triển Bền Vững	134
Chiến Lược Phát Triển Bền Vững	136
Quản Trị Phát Triển Bền Vững	141
Gắn kết với các bên liên quan	144
Lĩnh Vực Trọng Yếu	146
Chủ Đề Kinh Tế (Gri 200)	148
Chủ Đề Môi Trường (Gri 300)	152
Chủ Đề Xã Hội (Gri 400)	160
Mục lục GRI	165



I. TỔNG QUAN BÁO CÁO PTBV

Báo cáo phát triển bền vững của EVNGENCO3 được lập định kỳ mỗi năm nhằm trình bày và công bố các thông tin chính thức liên quan đến mục tiêu, định hướng và các hoạt động mà Tổng Công ty đã thực hiện trong năm đồng thời giúp EVNGENCO3 cân bằng được các kế hoạch hoạt động ở những niên độ tài chính kế tiếp.

Báo cáo PTBV còn đóng vai trò là cầu nối tin cậy giữa EVNGENCO3 và các bên liên quan thông qua việc báo cáo công khai, minh bạch, giúp gia tăng sự tin nhiệm và cam kết sâu sắc về sự đồng hành bền vững của Tổng Công ty cùng các bên liên quan.

1. TIÊU CHUẨN ÁP DỤNG

Báo cáo Phát triển bền vững năm 2024 của EVNGENCO3 được áp dụng Bộ tiêu chuẩn quốc tế về lập Báo cáo phát triển bền vững (GRI Sustainability Reporting Standards) được phát hành bởi Global Sustainability Standards Board (GSSB) vào năm 2016, điều chỉnh năm 2021. Báo cáo được lập tuân theo Tiêu chuẩn GRI: tùy chọn Cốt lõi.

Ngoài ra, EVNGENCO3 cũng quy chiếu hiệu quả hoạt động của Công ty với 17 Mục tiêu Phát triển bền vững của Liên Hiệp Quốc (Sustainable Development Goals – SDGs) để có cái nhìn tổng quát, toàn diện về những đóng góp của EVNGENCO3 vào tiến trình phát triển bền vững tại Việt Nam.

2. NỘI DUNG BÁO CÁO

Báo cáo Phát triển bền vững của EVNGENCO3 năm 2024 bao gồm các thông tin liên quan đến phương pháp quản lý, hiệu quả hoạt động và các mục tiêu, chiến lược của Tổng Công ty đối với các chủ đề trọng yếu được xác định thông qua quá trình phân tích, đánh giá các tác động trọng yếu dựa trên Tiêu chuẩn GRI 2021; các cam kết, thành tựu và mức độ đáp ứng cam kết của EVNGENCO3 với mối quan tâm của các bên liên quan nhằm khắc họa rõ nét nhất bức tranh toàn cảnh hoạt động của EVNGENCO3 trong năm, từ đó giúp Tổng Công ty đưa ra những chiến lược kinh doanh bền vững trong tương lai.

3. PHẠM VI BÁO CÁO

Báo cáo được thực hiện tại Việt Nam, trong lĩnh vực năng lượng điện, đối với hoạt động của toàn Tổng Công ty Phát điện 3 – CTCP.

4. KỲ BÁO CÁO

Thông tin và dữ liệu trong báo cáo được cập nhật cho năm tài chính 2024 của Tổng Công ty Phát điện 3 – CTCP, bắt đầu từ ngày 01/01/2024 và kết thúc ngày 31/12/2024.

5. ĐẢM BẢO BÁO CÁO BỞI BÊN THỨ BA

Đối với Báo cáo Phát triển bền vững 2024, EVNGENCO3 không tiến hành đảm bảo bên ngoài. Tuy nhiên, thông tin và nội dung báo cáo vẫn đảm bảo tính chính xác, rõ ràng và có thể kiểm chứng thông qua sự xác nhận của các tổ chức trong và ngoài nước như sau:

- Báo cáo tài chính của EVNGENCO3 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam.
- Kết quả quan trắc môi trường, đánh giá sản phẩm và nguyên vật liệu, an toàn lao động, đánh giá tuân thủ luật pháp... đều được thực hiện bởi các cơ quan có đủ năng lực của nhà nước hoặc được các cơ quan quản lý chỉ định và cấp phép, được các cơ quan quản lý kiểm tra định kỳ.
- Các kết quả đánh giá, giải thưởng của EVNGENCO3 được trao bởi các tổ chức uy tín như Top 20 Báo cáo thường niên tốt nhất – nhóm ngành phi tài chính.

6. THÔNG TIN LIÊN HỆ

Mọi ý kiến đóng góp liên quan đến vấn đề phát triển bền vững, vui lòng gửi về địa chỉ website: <https://www.genco3.com/> (Mục liên hệ)



II. CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

1. ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC

Trong suốt quá trình phát triển, EVNGENCO3 luôn đặt mục tiêu phát triển bền vững ở vị trí chiến lược cùng mục tiêu tăng trưởng kinh tế. Chúng tôi khát khao trở thành một đơn vị sản xuất điện đa dạng các loại hình từ năng lượng truyền thống đến năng lượng tái tạo, đem đến và cân bằng hài hoà giữa lợi ích của doanh nghiệp, sự bền vững của môi trường và sự thịnh vượng của cộng đồng, xã hội.

Phát triển bền vững vừa là trọng tâm cũng là thách thức của Tổng Công ty. Chúng tôi xác định phát triển bền vững dựa trên 03 trụ cột chính:

ĐẢM BẢO SẢN XUẤT ĐIỆN AN TOÀN – LIÊN TỤC – KINH TẾ

Duy trì hoạt động sản xuất điện ổn định, góp phần đảm bảo an ninh năng lượng Quốc gia; Phát triển nguồn điện sạch mới theo chương trình chuyển dịch năng lượng của Chính phủ.

PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC BỀN VỮNG

Xây dựng đội ngũ nhân lực với tiêu chí “tâm – trí – lực” đáp ứng yêu cầu phát triển trong tương lai.

TRÁCH NHIỆM BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Tuân thủ các quy định về đảm bảo môi trường.

Theo đó, các hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty được triển khai nhằm đáp ứng chiến lược phát triển bền vững theo các tiêu chí ESG (Environment – Môi trường, Social – Xã hội, Governance – Quản trị doanh nghiệp). Chúng tôi luôn nỗ lực xây dựng môi trường làm việc lý tưởng, nơi mà mỗi nhân viên có thể tìm thấy động lực và tận tâm cống hiến, gắn tăng trưởng kinh tế với phát triển con người, hướng đến các giải pháp dành cho môi trường, quan tâm đến cộng đồng và thực hiện quản trị doanh nghiệp theo những thông lệ quốc tế tốt nhất, đóng góp thiết thực vào tiến trình hội nhập và phát triển của ngành điện và đất nước.

2. CÁC CHỈ SỐ PTBV NỔI BẬT 2024

PHÁT TRIỂN KINH TẾ BỀN VỮNG

Duy trì hoạt động sản xuất điện ổn định, góp phần đảm bảo an ninh năng lượng Quốc gia; Phát triển nguồn điện sạch mới theo chương trình chuyển dịch năng lượng của Chính phủ

Tổng doanh thu 41.158 tỷ đồng	Phục vụ công tác ASXH khoảng 11,4 tỷ đồng
Nộp NSNN 881 tỷ đồng	

HÀNH ĐỘNG VÌ CỘNG ĐỒNG

Thực hiện tài trợ chương trình “Học đường niềm tin” – Hỗ trợ định kỳ hàng tháng cho 44 em học sinh có hoàn cảnh khó khăn, mất cha mẹ vì COVID-19 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Tiếp tục triển khai các hoạt động, hưởng ứng chương trình Tuần lễ hồng, Tháng tri ân khách hàng; hỗ trợ xây dựng, sửa chữa trường học, làm đường giao thông (kết hợp sử dụng tro xỉ của nhà máy),...theo nhu cầu thực tế tại địa phương và chủ trương, tinh thần của EVN/EVNGENCO3.

Chương trình “Thắp sáng đường quê” là hoạt động chủ điểm được Đoàn EVNGENCO3 triển khai tại nhiều địa phương trên cả nước, với mục tiêu cải

MÔI TRƯỜNG LÀM VIỆC HẠNH PHÚC

Xây dựng môi trường làm việc hạnh phúc trên 03 yếu tố: **tâm – trí – lực**

– Duy trì các chính sách, chế độ phúc lợi CBNV: bảo hiểm sức khỏe, bố trí nhà ở/hỗ trợ tiền thuê nhà, hỗ trợ thai sản, nuôi con nhỏ, xe đưa rước, chính sách làm việc linh hoạt...

– Đẩy mạnh đào tạo, nâng cao chất lượng nhân lực: đào tạo kỹ thuật chuyên sâu tại nước ngoài, tăng cường đào tạo nội bộ, xây dựng tổ chức học tập,...

– Tổ chức giải chạy thường niên để gắn kết, nâng cao sức khỏe cho NLĐ, hội thảo cấp TCT, tiếp tục hoạt động các CLB thể thao,...

thiện hệ thống chiếu sáng tại các khu vực nông thôn khó khăn, góp phần đảm bảo an toàn giao thông và nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân. Tổng số lượng đèn năng lượng mặt trời Đoàn cơ sở TCT đã thực hiện trong năm 2024 là 154 đèn với tổng giá trị là hơn 300 triệu đồng tại TP. Hồ Chí Minh, An Giang, Bà Rịa – Vũng Tàu. Các công trình không chỉ giúp chiếu sáng đường đi vào ban đêm, mà còn góp phần bảo đảm an ninh và giảm nguy cơ tai nạn giao thông, tạo điều kiện thuận lợi cho sinh hoạt và phát triển kinh tế tại địa phương.



3. HOẠT ĐỘNG PTBV CỦA TCT VỚI CÁC MỤC TIÊU PTBV CỦA LIÊN HỢP QUỐC

Hướng đến mục tiêu Phát triển bền vững trên mọi mặt của các phương diện về kinh tế, xã hội và môi trường, trong năm 2024, EVNGENCO3 đã phát triển và đạt một số thành tựu gắn liền với mục tiêu cụ thể của Tổng Công ty cũng như 17 mục tiêu Phát triển bền vững của Liên Hợp Quốc như sau:

STT	MỤC TIÊU PTBV CỦA LIÊN HỢP QUỐC	CAM KẾT VÀ THỰC HIỆN CỦA EVNGENCO3 TRONG NĂM 2024
1	 Xoá nghèo	- Đảm bảo việc làm, thu nhập ổn định cho người lao động, hỗ trợ phát triển kinh tế địa phương.
2	 Xoá đói	- Tăng cường chất lượng cuộc sống cho người lao động. - Thực hiện quy trình sản xuất bền vững, hỗ trợ sinh kế cho cộng đồng địa phương. - Tổng kinh phí cho các hoạt động ASXH năm 2024 khoảng 11,4 tỷ đồng.
3	 Sức khỏe tốt và cuộc sống hạnh phúc	- Bảo đảm cuộc sống khỏe mạnh và tăng cường phúc lợi cho tất cả CBCNV trong TCT, xây dựng môi trường làm việc hạnh phúc nơi CBCNV có thể gắn kết, tận tâm cống hiến. - Hàng năm đều tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho CBCNV. Năm 2024, chi phí Bảo hiểm và chăm sóc sức khỏe cho CBCNV là 17,62 tỷ đồng; Chi phí phụ cấp độc hại đối với NLĐ: 1,43 tỷ đồng; Chi phí thực hiện đảm bảo an toàn lao động: 1,09 tỷ đồng.
4	 Giáo dục có chất lượng	- Tập trung đào tạo nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn cao, phẩm chất tốt, đáp ứng nhu cầu ngày càng khắt khe của ngành năng lượng điện trong bối cảnh mới. - Trong năm 2024, cơ quan TCT và các đơn vị trực thuộc thực hiện đào tạo, tập huấn 13.810 lượt với sự tham gia của 2.143 học viên, (đào tạo qua E-learning 82.580 lượt); Đảm bảo tối thiểu 40h đào tạo/ năm/CBCNV.
5	 Bình đẳng giới	- EVNGENCO3 tích cực thực hiện bình đẳng giới Cụ thể: + 100% nữ CBCNV quay lại làm việc sau kỳ nghỉ thai sản. + Không phân biệt giới tính trong việc thực hiện các chế độ chính sách về: tuyển dụng, đào tạo, chi trả lương, bổ nhiệm. + Được nhận Chứng chỉ Bình đẳng giới toàn cầu EDGE.
6	 Nước sạch và vệ sinh	- Sử dụng nguồn nước hiệu quả và có trách nhiệm. - 100% nước thải được xử lý thông qua hệ thống xử lý nước thải đáp ứng quy chuẩn môi trường hiện hành và đảm bảo phù hợp với hệ thống quản lý theo tiêu chuẩn ISO 14001:2015 xả ra nguồn tiếp nhận.
7	 Năng lượng sạch với giá thành hợp lý	- EVNGENCO3 là nhà sản xuất điện quy mô lớn của Việt Nam với tổng công suất đến ngày 31/12/2024 xấp xỉ 6.559 MW với nhiều loại hình phát điện (Nhiệt điện khí, Nhiệt điện than, Thủy điện, Điện mặt trời). - Sản lượng điện (SLĐ) sản xuất năm 2024 của EVNGENCO3 (bao gồm các đơn vị hạch toán phụ thuộc và các đơn vị EVNGENCO3 có cử người đại diện) đạt 26,437 tỷ kWh. - Các NMĐ tham gia chào giá trên thị trường điện cạnh tranh với giá bán điện bình quân năm 2024 của EVNGENCO3 (chỉ bao gồm các NMĐ HTPT, đã bao gồm các loại phí thuế, chưa VAT) là 1.694,95 đồng/kWh.

8	 Việc làm bền vững và tăng trưởng kinh tế	- Doanh thu sản xuất điện (hợp nhất): 40.139 tỷ đồng. - Nộp ngân sách nhà nước (hợp nhất): 881 tỷ đồng. - Đảm bảo việc làm cho người lao động.
9	 Công nghiệp, đổi mới và cơ sở hạ tầng	- Trong giai đoạn 2021-2025, EVNGENCO3 tập trung thực hiện kế hoạch chuyển đổi số trên các lĩnh vực quản trị, quản lý kỹ thuật, đầu tư xây dựng, quản lý dự án, công nghệ thông tin và viễn thông. Tiêu biểu như ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) để khai thác kho dữ liệu tập trung, phân tích trích xuất thông tin tự động; Xây dựng hệ thống quản lý công tác vận hành – sửa chữa các Nhà máy điện trên thiết bị Mobile; Hoàn thiện hệ thống quan trắc thủy văn, kết hợp bản tin dự báo thời tiết các lưu vực và ứng dụng AI phục vụ cho công tác quản lý vận hành các hồ chứa, nhà máy và cảnh báo lũ cho vùng hạ du các Nhà máy Thủy điện. Đồng thời, tăng cường các giải pháp an ninh bảo mật trong điều kiện các hoạt động công tác của Tổng Công ty diễn ra trên môi trường mạng...
10	 Giảm bất bình đẳng	- Không có khiếu nại về bất bình đẳng. - Không có khiếu nại về phân biệt đối xử. - Không lao động cưỡng bức, không lao động trẻ em. - Đảm bảo việc làm, cải thiện điều kiện lao động, nâng cao trình độ nghề nghiệp, chăm sóc sức khỏe, tăng cường phúc lợi cho lao động là nữ giới. - Tăng cường kết nối cộng đồng, tôn trọng quyền của phụ nữ và nhóm người yếu thế; giúp đỡ tất cả mọi người, không phân biệt tuổi tác, giới tính, khuyết tật, chủng tộc, sắc tộc, nguồn gốc, tôn giáo, kinh tế và các tình trạng khác.
11	 Các thành phố và cộng đồng bền vững	- Sở hữu hệ thống nhà máy điện vận hành an toàn, ổn định, đáp ứng nhu cầu điện phục vụ phát triển kinh tế – xã hội của đất nước. - Mỗi năm các nhà máy điện của EVNGENCO3 cung cấp sản lượng điện hàng năm bình quân khoảng 31-32 tỷ kWh trên toàn lãnh thổ Việt Nam. - Không có tác động đáng kể nào ảnh hưởng đến môi trường sống của cộng đồng.
12	 Tiêu dùng và sản xuất có trách nhiệm	- Áp dụng quy trình sản xuất bền vững, tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ, cải tiến kỹ thuật trong sản xuất, kinh doanh. - Tất cả nguồn chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đều được quản lý, thu gom, lưu giữ, xử lý đạt yêu cầu theo các quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về môi trường, các quy định của pháp luật hiện hành.
13	 Ứng phó với biến đổi khí hậu	- EVNGENCO3 đã và đang triển khai thực thi các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường đối với lĩnh vực biến đổi khí hậu, như kiểm soát chặt chẽ và nâng cao chất lượng nhiên liệu đầu vào, thực hiện các giải pháp kỹ thuật để tối ưu hóa các quá trình sản xuất, hạn chế tối đa lưu lượng khói thải phát thải cũng như nồng độ các chất khí gây ô nhiễm, các khí gây hiệu ứng nhà kính. - EVNGENCO3 đã xây dựng định hướng phát triển Sản xuất kinh doanh và Đầu tư xây dựng giai đoạn 2023 – 2030, tầm nhìn đến năm 2045 theo cam kết COP26, lộ trình chuyển dịch cơ cấu nguồn năng lượng, chuyển đổi nhiên liệu vận hành, tham gia đầu tư các dự án thủy điện, năng lượng tái tạo. - EVNGENCO3 đang hoàn chỉnh báo cáo kiểm kê khí nhà kính, bước nền tảng để xây dựng kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và triển khai thực hiện theo lộ trình.

STT	MỤC TIÊU PTBV CỦA LIÊN HỢP QUỐC	CAM KẾT VÀ THỰC HIỆN CỦA EVNGENCO3 TRONG NĂM 2024
14	 Đời sống dưới nước	EVNGENCO3 sử dụng nước biển/nước sông để làm mát máy móc thiết bị, xử lý khói thải và sản xuất nước biển thành nước ngọt để phục vụ vận hành sản xuất điện của NMNĐ Vĩnh Tân 2. Nước làm mát không tiếp xúc trực tiếp với máy móc thiết bị, không sử dụng hóa chất độc hại, sau khi làm mát được đưa trở lại nguồn khai thác. – Chất lượng nước biển tại cầu cảng được kiểm soát định kỳ hàng quý. Hoàn toàn không có việc khai thác nguồn lợi biển. – Trong những năm qua, rất nhiều loài thủy hải sản đã vào khu vực cầu cảng, kênh nước của NMNĐ Vĩnh Tân 2 sinh sống, phát triển; đặc biệt là các loài san hô với nhiều màu sắc sặc sỡ đã sinh sôi, phát triển tại chân cầu cảng Nhà máy. Điều này chứng tỏ chất lượng nước biển tại khu vực này được bảo vệ nghiêm và duy trì tốt.
15	 Đời sống trên cạn	– Tại các nhà máy điện, cảnh quan cây xanh luôn chăm sóc, cải tạo, tăng diện tích phủ xanh và hình thành môi trường xung quanh xanh, sạch, đẹp. – Rừng phòng hộ hoặc rừng nguyên sinh tại khu vực lân cận được bảo vệ tuyệt đối, đảm bảo nguyên trạng. – Không có bất kỳ sự tác động nào làm thay đổi hiện trạng môi trường đất, không khí, hệ sinh thái trên cạn hoặc làm mất đa dạng sinh học.
16	 Hòa bình, công lý và thể chế hiệu quả	– Ban hành Thỏa ước lao động tập thể, định kỳ tổ chức Hội nghị NLĐ nhằm lắng nghe, giải quyết những kiến nghị, tâm tư nguyện vọng chính đáng của NLĐ – Tham gia ủng hộ các chính sách và hoạt động của Chính phủ và các tổ chức có liên quan nhằm thúc đẩy xã hội hòa bình, dân chủ, công bằng, bình đẳng, văn minh vì sự phát triển bền vững – Hỗ trợ và đồng hành cùng Chính phủ hướng đến 17 mục tiêu phát triển bền vững của Liên Hợp Quốc
17	 Hợp tác đạt mục tiêu	Tăng cường quan hệ, hợp tác với nhiều tổ chức trong nước và quốc tế

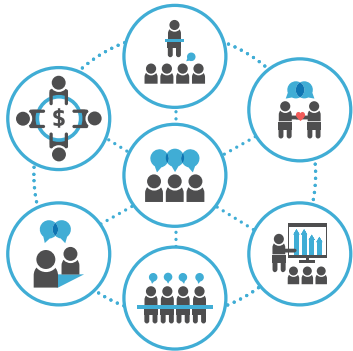
III. QUẢN TRỊ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Quản trị bền vững là được xác định là TRỌNG TÂM trong mọi hoạt động quản trị và vận hành của Tổng Công ty. Trên cơ sở tuân thủ các quy định của Pháp luật có liên quan kết hợp với các thông lệ quốc tế về quản trị doanh nghiệp, EVNGENCO3 ngày càng hoàn thiện cơ cấu quản trị của Tổng

Công ty theo hướng chuyên nghiệp, minh bạch và hiệu quả, đảm bảo được nguyên tắc quản trị cao nhất của Tổng Công ty là mang lại lợi ích của các cổ đông, đồng thời hài hòa được các mục tiêu phát triển và thể hiện trách nhiệm với xã hội và môi trường.

1. CÁC NGUYÊN TẮC QUẢN TRỊ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Mô hình Quản trị Công ty của EVNGENCO3 được thực hiện dựa trên sự kết hợp hài hòa giữa các yếu tố:



Nền tảng cơ cấu quản trị Công ty vững chắc

Cơ cấu quản trị của EVNGENCO3 có đầy đủ các chủ thể quản trị của một công ty niêm yết, bao gồm: Đại hội đồng cổ đông, Ban Kiểm soát, Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc.

Phù hợp thông lệ và Pháp luật Việt Nam

Tổng Công ty tuân thủ đầy đủ các quy định Pháp luật, khuôn khổ pháp lý của Việt Nam và các quy chế quản trị cho Công ty niêm yết.



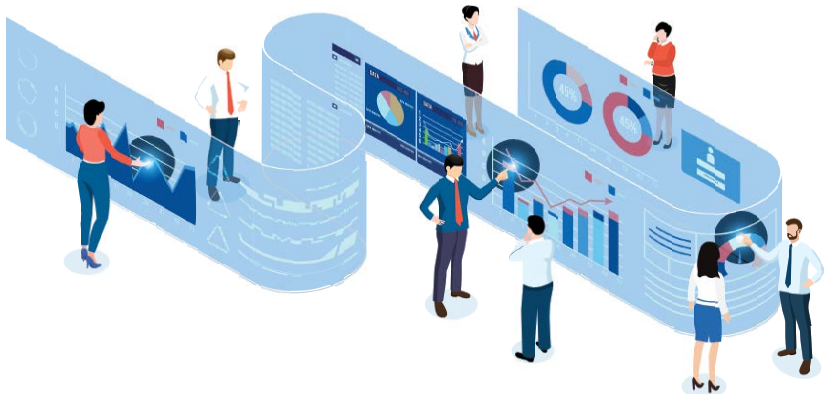
Hướng tới tiệm cận chuẩn mực quốc tế



EVNGENCO3 tuân thủ các khuôn khổ và thông lệ quốc tế về Quản trị Công ty như Nguyên tắc Quản trị Quốc tế của Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD), Thẻ điểm quản trị Công ty khu vực ASEAN và ứng dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại vào quản trị Công ty.

Áp dụng thống nhất trong toàn Tổng Công ty

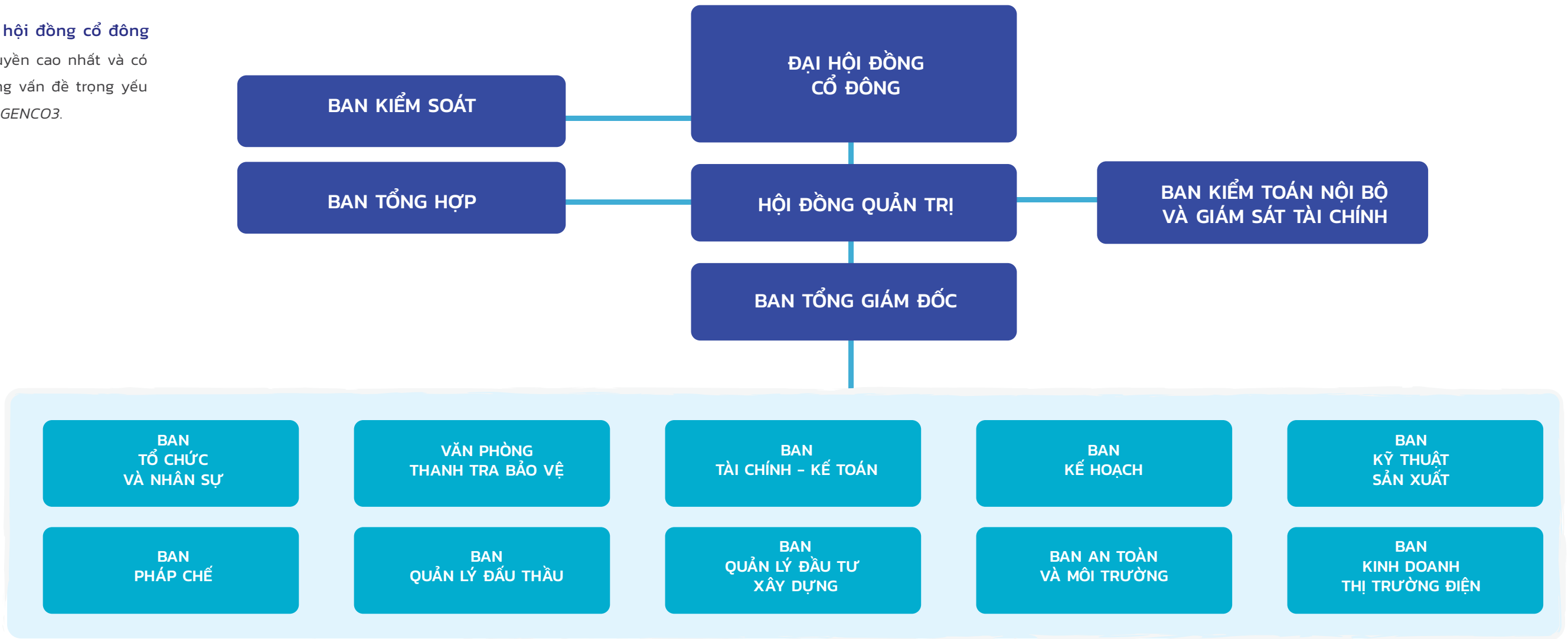
Áp dụng thống nhất các công cụ quản trị doanh nghiệp trong toàn Tổng Công ty.



2. CƠ CẤU QUẢN TRỊ

Trách nhiệm của Đại hội đồng cổ đông

Là cơ quan có thẩm quyền cao nhất và có quyền quyết định những vấn đề trọng yếu và quan trọng của EVNGENCO3.



Hội đồng Quản trị

Là cơ quan quản lý EVNGENCO3, có toàn quyền nhân danh EVNGENCO3 để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của EVNGENCO3, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

Hội đồng Quản trị có vai trò định hướng chiến lược chung và thông qua các mục tiêu chính yếu về kế hoạch phát triển bền vững; cam kết phục vụ vì lợi ích của cổ đông để đạt được sự tăng trưởng bền vững về giá trị công ty. Đồng thời, chịu trách nhiệm toàn bộ về các chính sách và mục tiêu phát triển bền vững của Tổng Công ty.

Ban Tổng Giám đốc

Phụ trách điều hành công việc kinh doanh của Tổng Công ty, chịu sự giám sát của Hội đồng Quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao. Đồng thời, đảm nhiệm vai trò triển khai một cách có hệ thống cả cơ hội và rủi ro của hoạt động kinh doanh trong các chiến lược, quy trình và hệ thống quản lý và đảm bảo các mục tiêu về phát triển bền vững của Tổng Công ty.

Ban Kiểm soát

Thực hiện giám sát Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Tổng Công ty; chịu trách nhiệm trước pháp luật, Đại hội đồng cổ đông và cổ đông của Tổng Công ty về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình.

Đồng thời, Ban Kiểm soát có nhiệm vụ tư vấn cho Hội đồng Quản trị về các chiến lược, mục tiêu kinh doanh và phát triển bền vững.

Truyền thông các mục tiêu, kế hoạch chi tiết cho các Đơn vị thành viên/Ban chức năng và tổ chức triển khai, kiến nghị điều chỉnh để đảm bảo các mục tiêu đã đề ra.

Các đơn vị thành viên và các ban

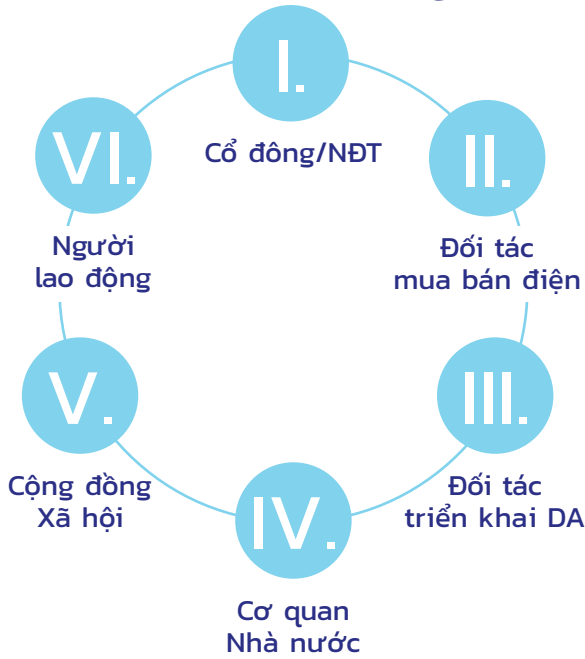
Có nhiệm vụ triển khai thực hiện kế hoạch phát triển bền vững theo định hướng của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị. Đồng thời, có trách nhiệm thường xuyên báo cáo, phân tích các vấn đề phát sinh để đề xuất chương trình, mục tiêu phát triển bền vững phù hợp.

IV. GẮN KẾT VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Việc gắn kết với các bên liên quan được thực hiện hiệu quả sẽ giúp ích cho quá trình hoạt động và phát triển của Tổng Công ty. EVNGENCO3 đảm bảo sự hài hòa lợi ích với các bên liên quan, thượng tôn pháp luật, xây dựng và duy trì mối quan hệ trên tinh thần tôn trọng và hợp tác, thấu hiểu và đồng hành.

Theo đó, các bên liên quan được EVNGENCO3 xác định bao gồm:

Trong tương quan qua lại, mỗi bên liên quan khác nhau có những những vấn đề quan tâm và sự kỳ vọng cũng như mức độ ảnh hưởng khác nhau đến hoạt động của EVNGENCO3; và ngược lại, mức độ ảnh hưởng của Tổng Công ty đến các bên liên quan cũng sẽ có những điểm khác biệt. Do đó, các chiến lược và chính sách của Tổng Công ty được xây dựng không chỉ phù hợp với tình hình thực tế mà còn nhằm thỏa mãn được các mối quan tâm và kỳ vọng của các bên liên quan.



CÁC BÊN LIÊN QUAN	CÁC MỐI QUAN TÂM	PHƯƠNG PHÁP TIẾP CẬN	HÀNH ĐỘNG CỦA EVNGENCO3
Cổ đông – Nhà đầu tư	– Đảm bảo hiệu quả sử dụng vốn đầu tư; – Đảm bảo thông tin công khai, minh bạch và được cung cấp kịp thời; – Ổn định và gia tăng giá trị của doanh nghiệp và giá trị cổ phiếu trên sàn chứng khoán; – Đối xử bình đẳng, đảm bảo quyền lợi cổ đông, nhà đầu tư	– Tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên hoặc bất thường theo luật định. – Tiếp nhận, trao đổi qua email, điện thoại, fax... – Hợp định kỳ hàng năm tổng kết, báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty để cổ đông và nhà đầu tư nắm rõ thông tin. – Công bố thông tin trên website của Tổng Công ty. – Tham gia các diễn đàn, hội thảo nhà đầu tư nhằm chia sẻ thông tin, cơ hội đầu tư	– Luôn ý thức thực hiện đầy đủ các thủ tục công bố thông tin theo quy định của Bộ Tài chính nhằm đảm bảo cung cấp thông tin kịp thời cho cổ đông, nhà đầu tư và tính minh bạch trong hoạt động sản xuất kinh doanh – Chủ động công bố những thông tin quan trọng, có khả năng ảnh hưởng đến quyền lợi cũng như quyết định đầu tư của nhà đầu tư, giúp cổ đông, nhà đầu tư theo sát diễn biến hoạt động của EVNGENCO3 – Việc trao đổi, tiết lộ thông tin được thực hiện công bằng, đảm bảo cơ hội đầu tư ngang bằng cho mọi nhà đầu tư
Đối tác mua điện (Khách hàng)	– Đảm bảo độ khả dụng các tổ máy – Chi phí mua điện cạnh tranh – Chia sẻ rủi ro trong quá trình tham gia thị trường điện	– Đề xuất, thương thảo, đàm phán giá điện và Hợp đồng mua bán điện – Chào giá hợp lý trên thị trường điện	– Tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh, giảm chi phí, giá thành điện, đảm bảo sản lượng theo cam kết – Tuân thủ các quy định trong Hợp đồng mua bán điện và quy định vận hành thị trường điện
Đối tác triển khai dự án	– Hợp tác cùng phát triển – Tiến độ triển khai dự án	– Gặp gỡ và trao đổi trực tiếp – Thông qua thỏa thuận trong hợp đồng hợp tác giữa hai bên để tạo cơ sở xây dựng mối quan hệ gắn bó lâu dài	– Thực hiện trên nguyên tắc kinh doanh công bằng, chính trực, đôi bên cùng có lợi trong mọi hoạt động hợp tác kinh doanh cùng EVNGENCO3 – Thực hiện đối xử công bằng giữa các đối tác trong và ngoài nước

Cơ quan Nhà nước	– Thượng tôn pháp luật; – Triển khai và ủng hộ chủ trương của Nhà nước; – Phát triển kinh tế địa phương và phát triển ngành; – Thực hiện trách nhiệm xã hội doanh nghiệp; – Đóng góp vào ngân sách Nhà nước	– Thực hiện báo cáo theo quy định của pháp luật trong quá trình sản xuất kinh doanh như: Bảo vệ môi trường, PCCC,... – Đóng góp ý kiến về các văn bản, quyết định, luật do các cơ quan Nhà nước ban hành – Phối hợp với các đoàn kiểm tra của các Bộ, Ban, Ngành giải trình về các vấn đề liên quan, khắc phục các tồn tại, hạn chế (nếu có) theo yêu cầu, khuyến nghị của các đoàn kiểm tra – Tham gia hội nghị, hội thảo chuyên ngành do các Bộ, Ban, Ngành tổ chức	– Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của pháp luật về thuế, bảo vệ môi trường, an toàn lao động,... – Chủ động phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương trong công tác xây dựng, sửa chữa các nhà máy điện, hoàn thiện các giai đoạn đúng tiến độ, đóng góp vào ngân sách Nhà nước và giải quyết việc làm cho lao động địa phương – Đưa ra đề xuất điều chỉnh phù hợp đối với các chính sách, quy định còn nhiều bất cập khi đi vào triển khai thực hiện, giúp Chính phủ và chính quyền các cấp ngày càng thực hiện tốt hơn công tác quản lý
Cộng đồng Xã hội	– Thực thi các quy định về môi trường đảm bảo an toàn phòng cháy chữa cháy (PCCC) và an toàn môi trường (ATMT) tại các nhà máy điện; – Hỗ trợ phát triển kinh tế, cơ sở vật chất, y tế, giáo dục,... cho địa phương	– Phối hợp với chính quyền địa phương; – Phổ biến và nâng cao nhận thức về an toàn môi trường; – Trao đổi song phương qua các sự kiện. – Thông qua hoạt động công đoàn qua đoàn thanh niên.	– Thực hiện sản xuất kinh doanh gắn liền với trách nhiệm bảo vệ môi trường, an toàn và an sinh xã hội – Triển khai các chương trình, hoạt động an sinh xã hội hàng năm theo kế hoạch của TCT cho cộng đồng như: Xây dựng nhà tình thương, trường học, tặng học bổng, xây cầu... – Tổ chức các hoạt động chia sẻ, hỗ trợ những hoàn cảnh nghèo, gặp khó khăn do thiên tai, dịch bệnh...
Người lao động	– Đảm bảo nguồn thu nhập, chế độ phúc lợi và an toàn lao động – Môi trường làm việc văn minh, không phân biệt đối xử – Được đào tạo, nâng cao năng lực, tay nghề và có cơ hội phát triển bản thân – Được ghi nhận sự cống hiến, đóng góp	– Hội nghị người lao động hàng năm – Các cuộc họp tổng kết – Tổ chức các lớp đào tạo – Truyền thông nội bộ hiệu quả – Cơ chế trao đổi trực tiếp, giải quyết khiếu nại – Ban hành và thực thi các chính sách – Duy trì và phát huy văn hóa doanh nghiệp thông qua các hoạt động team building	– Thông qua Thỏa ước lao động kết giữa lãnh đạo TCT và đại diện của người lao động – Thành lập các tổ chức Công đoàn, Hội Cựu chiến binh, Đoàn thanh niên, Câu lạc bộ Phụ nữ... – Lấy ý kiến thông qua email, báo cáo khảo sát... – Tổ chức chương trình bình chọn cá nhân, tập thể tiêu biểu – Tổ chức nhiều hoạt động tuyên truyền An toàn – Sức khỏe – Môi trường cho CBCNV – Xây dựng kế hoạch đào tạo, tổ chức các lớp bồi dưỡng kiến thức cho CBCNV – Tổ chức các hoạt động nội bộ Công ty: Văn hóa nghệ thuật, thể thao, du lịch...

IV. LĨNH VỰC TRỌNG YẾU

1. QUY TRÌNH XÁC ĐỊNH CÁC CHỦ ĐỀ TRỌNG YẾU

Thông qua đánh giá tính quan trọng trong mối tương quan giữa mức độ quan tâm của các bên liên quan và mức độ ảnh hưởng tới hoạt động của doanh nghiệp, EVNGENCO3 đã xác định các lĩnh vực trọng yếu trong mối quan hệ giữa kinh tế, môi trường, xã hội và các hoạt động của Tổng Công ty quy chiếu theo GRI Standards. Quy trình xác định các lĩnh vực trọng yếu bao gồm:

01

BƯỚC 1:
Xác định các lĩnh vực liên quan đến phát triển bền vững có thể ảnh hưởng tới EVNGENCO3, cũng như tác động đến mối quan tâm của các bên liên quan

- Nghiên cứu, rà soát các thông tin từ thị trường và ngành điện
- Phân tích thông tin báo chí
- Đánh giá, khảo sát từ khách hàng, đối tác,...
- Thông tin từ các Hiệp hội ngành
- Các thảo luận nội bộ với người lao động buổi tiếp xúc với lãnh đạo địa phương.

02

BƯỚC 2:
Lựa chọn các lĩnh vực trọng yếu được các bên quan tâm

- Sàng lọc các lĩnh vực quan trọng cần được ưu tiên
- Xác thực lĩnh vực trọng yếu từ lãnh đạo cấp cao
- Lựa chọn các lĩnh vực được coi là trọng yếu với EVNGENCO3
- Phân loại các lĩnh vực trọng yếu dựa theo 3 nhóm nội dung: Kinh tế – Xã hội – Môi trường



03

BƯỚC 3:
Xác định và phê duyệt các lĩnh vực trọng yếu trong năm

- Thiết lập ma trận các vấn đề trọng yếu
- Xác định các vấn đề có mức quan tâm và mức độ ảnh hưởng cao
- Sắp xếp mức độ ưu tiên thực hiện các vấn đề trọng yếu

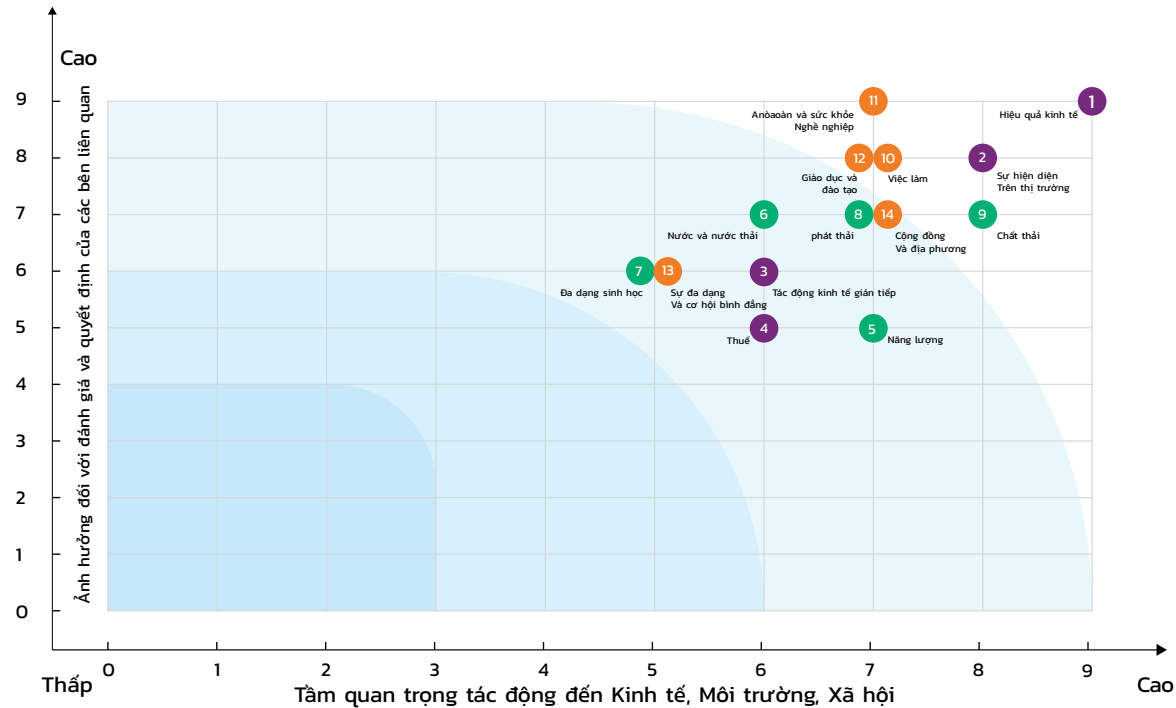
04

BƯỚC 4:
Đánh giá và rà soát lại các lĩnh vực trọng yếu đã thực hiện

- Rà soát kết quả sau khi thực hiện
- Tiếp nhận các đóng góp của các bên liên quan
- Liên tục cải thiện các lĩnh vực trọng yếu trở nên chính xác hơn

2. MA TRẬN TRỌNG YẾU

Thông qua việc đánh giá tầm quan trọng của các lĩnh vực xét trong mối tương quan giữa mức độ quan tâm của các bên và mức độ ảnh hưởng tới hoạt động của doanh nghiệp, EVNGENCO3 xây dựng “Ma trận các lĩnh vực trọng yếu” nhằm xác định mức độ ưu tiên và thực hiện phân bổ nguồn lực hợp lý nhằm đáp ứng tốt nhất các kỳ vọng của các bên liên quan cũng như đảm bảo cho sự phát triển bền vững của EVNGENCO3.



3. DANH SÁCH CÁC CHỦ ĐỀ TRỌNG YẾU

Từ danh sách các tác động đáng kể đến kinh tế, môi trường và xã hội, chúng tôi nhóm các tác động này thành các chủ đề chính và theo đó danh sách chủ đề trọng yếu gồm 22 chủ đề như sau:

KINH TẾ		MÔI TRƯỜNG		XÃ HỘI	
GRI 201	Hiệu quả hoạt động kinh tế	GRI 301	Vật liệu	GRI 401	Việc làm
GRI 202	Sự hiện diện trên thị trường	GRI 302	Năng lượng	GRI 402	Mối quan hệ lao động – quản lý
GRI 203	Tác động kinh tế gián tiếp	GRI 303	Nước và nước thải	GRI 403	An toàn và sức khỏe nghề nghiệp
GRI 205	Chống tham nhũng	GRI 304	Đa dạng sinh học	GRI 404	Giáo dục và đào tạo
GRI 207	Thuế	GRI 305	Phát thải khí	GRI 405	Sự đa dạng và cơ hội bình đẳng
		GRI 306	Chất thải	GRI 406	Không phân biệt đối xử
		GRI 307	Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường	GRI 408	Lao động trẻ em
				GRI 409	Lao động cưỡng bức hoặc bắt buộc
				GRI 413	Cộng đồng Địa phương
				GRI 419	Tuân thủ về kinh tế – xã hội

V. CHỦ ĐỀ KINH TẾ (GRI 200)

1. GRI 201. HIỆU QUẢ KINH TẾ

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH TẾ (GRI 201-1)

Kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2024 của Công ty mẹ

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KH 2024	TH 2024
1	Tổng doanh thu	tỷ đồng	40.384	39.678
2	Tổng chi phí	tỷ đồng	40.187	40.459
3	Lợi nhuận trước thuế	tỷ đồng	197	(781)
Trong đó gồm:				
	- Lợi nhuận (không bao gồm CLTG)	tỷ đồng	197	528
	- Lỗ CLTG	tỷ đồng	-	(1.309)

PHÂN BỐ GIÁ TRỊ KINH TẾ NĂM 2024

100% người lao động được tham gia bảo hiểm xã hội, được khám sức khỏe, được trả lương đầy đủ, đúng hạn. Năm 2024, EVNGENCO3 đã chi trả cổ tức từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối với tỷ lệ là 6,66% vốn điều lệ, tương đương 748,23 tỷ đồng.

ẢNH HƯỞNG ĐẾN KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH, CÁC RỦI RO VÀ CÁC CƠ HỘI KHÁC DO BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU (GRI 201-2)

Biến đổi khí hậu đang ngày càng trở thành thách thức nghiêm trọng nhất trên toàn cầu với những hiện tượng thời tiết ngày càng cực đoan. Các rủi ro và cơ hội phát sinh do biến đổi khí hậu có khả năng tạo ra những thay đổi lớn trong công tác vận hành, hoạt động tài chính tại các nhà máy của EVNGENCO3, có thể làm tăng chi phí đầu vào, gây thiệt hại về tài sản và ảnh hưởng đến an toàn lao động và sức khỏe của CBCNV Tổng Công ty, bao gồm:

RỦI RO	CƠ HỘI	ẢNH HƯỞNG ĐẾN EVNGENCO3
- Ảnh hưởng đến an toàn công trình do mưa lũ - Giảm lưu lượng nước về do ảnh hưởng của hiện tượng thời tiết El Nino	Tăng lưu lượng nước về do hiện tượng La Nina kéo dài	- Diễn biến thời tiết phức tạp đã ảnh hưởng đến công tác dự báo lưu lượng nước về và công tác vận hành của EVNGENCO3 - Đặc biệt những năm thời tiết khô hạn sẽ làm giảm sản lượng điện của các nhà máy

PHƯƠNG ÁN QUẢN LÝ RỦI RO:

► Để vận hành các nhà máy thủy điện an toàn, hiệu quả trong mùa mưa bão, hàng năm, Tổng Công ty lập kế hoạch bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị các tổ máy, trạm điện và đường dây 220kV theo đúng kế hoạch vào thời điểm phù hợp theo thời tiết của khu vực để phát huy tối đa công suất các tổ máy.

► Xây dựng kế hoạch PCTT&TKCN với phương châm “4 tại chỗ” về chỉ huy – lực lượng – phương tiện – vật tư và hậu cần nhằm nâng cao năng lực và trách nhiệm chuyên trách cho công tác đảm bảo an toàn của công trình trong mùa lũ, đưa tiêu chí an toàn lên hàng đầu và xuyên suốt trong hoạt động của Công ty.

► Với từng hồ, cần đánh giá tác động của BĐKH đến tình hình dòng chảy đến hồ trong tương lai và xây dựng quy trình vận hành tối ưu để tận dụng được sự gia tăng lượng nước vào mùa lũ phục vụ phát điện. Có kế hoạch khảo sát đo đạc lại địa hình lòng hồ, đề xuất phương án nạo vét để đảm bảo dung tích hữu ích và dung tích phòng lũ của hồ chứa như thiết kế.

2. GRI 202. SỰ HIỆN DIỆN TRÊN THỊ TRƯỜNG

TỶ LỆ CỦA MỨC LƯƠNG KHỞI ĐIỂM THEO GIỚI TÍNH SO VỚI MỨC LƯƠNG TỐI THIỂU VÙNG (GRI 202-1)

► Tổng Công ty Phát điện 3 – CTCP thực hiện chế độ lương thưởng cho người lao động tương ứng với mức độ, tính chất công việc; đảm bảo trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp được thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật.

► Công ty Thủy điện Buôn Kuốp đã nghiên cứu, đưa vào ứng dụng thành công hệ thống cảnh báo lũ từ xa thay cho việc cảnh báo bằng còi giúp cho người dân vùng hạ du thủy điện tránh được các tai nạn đáng tiếc, hạn chế được thiệt hại khi có bão lũ xảy ra. Để kịp thời thông tin vận hành điều tiết các hồ chứa đến người dân dọc hạ du, Công ty đã [thiết lập 24 trạm cảnh báo lũ](#) dọc hạ du (hồ Buôn Tua Srah: 14 Trạm; hồ Buôn Kuốp 10 trạm) đặt dọc sông vùng hạ du hồ chứa để cảnh báo cho nhân dân biết và chủ động phòng tránh. Đồng thời Công ty đã lập các nhóm Zalo cho 3 hồ chứa với Chính quyền địa phương để thông báo, trao đổi và cung cấp thông tin kịp thời, nhanh chóng giữa các bên liên quan nhằm nâng cao hiệu quả trong công tác ứng phó với mưa lũ.

► Tổng Công ty thực hiện mức lương khởi điểm cho NLĐ đảm bảo không thấp hơn mức lương tối thiểu vùng theo quy định pháp luật và không có sự khác biệt về mức lương theo giới tính.



3. GRI 203. TÁC ĐỘNG KINH TẾ GIÁN TIẾP

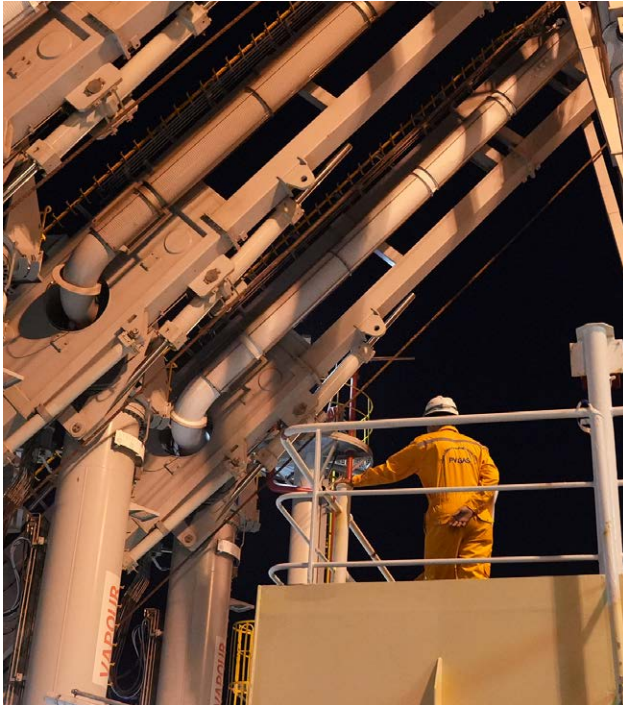
ĐẦU TƯ CƠ SỞ HẠ TẦNG VÀ CÁC DỊCH VỤ ĐƯỢC HỖ TRỢ (GRI 203-1)

► **ĐẦU TƯ VÀO HOẠT ĐỘNG CHÍNH**

Trong công tác đầu tư xây dựng, dựa trên Quy hoạch Điện VIII, Tổng Công ty đã hướng đến đầu tư năng lượng xanh: tìm kiếm cơ hội hợp tác nhiên liệu khí hóa lỏng – LNG cho vận hành các NMD tuabin khí; thực hiện ký kết thỏa thuận hợp tác phát triển điện gió ngoài khơi; chuyển đổi nhiên liệu sinh khối và gia tăng tuổi thọ, thân thiện với môi trường cho các nhà máy điện. Hoàn thành nâng cấp, công bố công suất của cảng than lên 50.000 DWT và cảng dầu lên 3.000 DWT tại NMNĐ Vĩnh Tân 2 góp phần tối ưu chi phí vận chuyển, thời gian bốc dỡ than, tăng khả năng tiêu thụ tro bay.

► **ĐẦU TƯ PHÚC LỢI XÃ HỘI**

Trong năm 2024, EVNGENCO3 tiếp tục đồng hành cùng các địa phương, nơi đóng chân của các nhà máy trong công tác cải thiện cơ sở hạ tầng, nâng cao đời sống của người dân. Tổng kinh phí khoảng 11,4 tỷ đồng.



TÁC ĐỘNG KINH TẾ GIÁN TIẾP TRỌNG YẾU (GRI 203-2)

► **TAO VIỆC LÀM CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG, GÓP PHẦN GIẢM TỶ LỆ ĐÓI NGHÈO**

Nhân lực là nguồn sức mạnh lớn lao để EVNGENCO3 thực hiện thành công các chiến lược quản trị và kinh doanh của Tổng Công ty, đáp ứng nhu cầu sản xuất và phục vụ đời sống nhân dân, giúp phát triển kinh tế đất nước. Đảm bảo việc làm cho người lao động.

► **THÚC ĐẨY AN SINH XÃ HỘI THÔNG QUA CÁC HOẠT ĐỘNG CỘNG ĐỒNG**

Năm 2024, EVNGENCO3 đã hỗ trợ khoảng 11,4 tỷ đồng phục vụ công tác an sinh xã hội, trong đó tập trung chủ yếu vào các hoạt động xây dựng các công trình điện, tài trợ cho các hoàn cảnh khó khăn, nhóm người yếu thế, đồng hành cùng công tác giáo dục, ươm mầm tài năng.

4. GRI 205. CHỐNG THAM NHŨNG

Chống tham nhũng là một trong những mối quan tâm hàng đầu của Tổng Công ty. Minh bạch, chống tham nhũng không chỉ là cơ sở giúp EVNGENCO3 xây dựng và duy trì một môi trường kinh doanh lành mạnh, bền vững mà còn đem lại các tác động tích cực cho doanh nghiệp, đáp ứng đúng theo kỳ vọng của thị trường, quy chuẩn quốc tế và các bên liên quan.

EVNGENCO3 đã và đang tiếp tục hoàn thiện nền tảng quản trị chuyên nghiệp theo thông lệ quốc tế nhằm kiểm soát tốt mọi hoạt động và những mọi rủi ro vận hành, ngăn ngừa tiêu cực trong hoạt động kinh doanh. Việc thực hiện công khai, minh bạch các quy định, quy trình trong quá trình hoạt động của Tổng Công ty cùng các phương thức truyền thông hiệu quả đã góp phần nâng cao ý thức và trách nhiệm của CBCNV trong việc phòng chống tham nhũng. Trong những năm qua chưa hề xảy ra vụ việc tham nhũng nào trong Tổng Công ty.

5. GRI 207. THUẾ

Tổng Công ty thực hiện kê khai và nộp các loại thuế theo quy định như: thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế giá trị gia tăng, thuế môn bài, thuế thu nhập cá nhân và các loại thuế khác theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, từng Công ty con, Công ty liên kết được áp dụng mức thuế riêng do được hưởng ưu đãi từ việc đầu tư, xây dựng các nhà máy điện.

THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP:

Tổng Công ty thực hiện kê khai và nộp thuế theo quy định của Luật thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Nghị định 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, Nghị định 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của luật quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG:

Tổng Công ty thực hiện theo quy định của Luật Thuế Giá trị gia tăng hiện hành 2008 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế Giá trị gia tăng và các văn bản hướng dẫn thi hành.

THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN:

Tổng Công ty thực hiện kê khai, nộp thuế theo quy định hiện hành và thực hiện khấu trừ thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ hoạt động đầu tư cổ phiếu theo các quy định

Tổng số tiền EVNGENCO3 nộp NSNN trong năm 2024 là **881 tỷ đồng**.



VI. CHỦ ĐỀ MÔI TRƯỜNG (GRI 300)

1. GRI 301. VẬT LIỆU

Do đặc thù hoạt động của các nhà máy điện sử dụng nguồn nhiên liệu rất lớn nên EVNGENCO3 luôn chú trọng đầu tư và nâng cao hiệu suất hoạt động của các nhà máy, sử dụng công nghệ tiên tiến hiện đại nhằm đảm bảo việc sử dụng tài nguyên, năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, qua đó góp phần giảm thiểu khí thải nhà kính.

VẬT LIỆU ĐƯỢC SỬ DỤNG THEO TRỌNG LƯỢNG HOẶC KHỐI LƯỢNG (GRI 301-1)

TÊN NHÀ MÁY	CÁC MỐI QUAN TÂM	PHƯƠNG PHÁP TIẾP CẬN	HÀNH ĐỘNG CỦA EVNGENCO3
	THAN (TẤN)	DẦU DO (TẤN)	KHÍ TỰ NHIÊN (TR.M³)
NMNĐ Phú Mỹ	Không áp dụng	109.831	1. 403
NMNĐ Vĩnh Tân 2	3,62	4.854.659	Không áp dụng
NMNĐ Mông Dương	2,94	109.832	Không áp dụng
CTTĐ Buôn Kuốp	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
NMĐMT Vĩnh Tân 2	Nhiên liệu có thể thể tái tạo		
	Bức xạ nhiệt (W/m²)		
	1.543		

VẬT LIỆU TÁI CHẾ ĐÃ ĐƯỢC SỬ DỤNG (GRI 301-2)

Năm 2024, NMNĐ Mông Dương 1 duy trì tỷ lệ tiêu thụ tro, xỉ đạt 100%, đồng thời xử lý thêm 300.000 m³ lưu trữ tại bãi xỉ, đến cuối năm 2024 dung tích chứa khả dụng của bãi xỉ là 0,56 triệu m³.

NMNĐ Vĩnh Tân 2 tiêu thụ phần lớn tro xỉ phát sinh và một phần lưu trữ tại bãi xỉ, đạt tỷ lệ hơn 104%; đã hoàn thành thi công xây lắp và vận hành thử nghiệm dây chuyền phân tách tro xỉ có công suất 500.000 m³/năm. Mục tiêu đưa dây chuyền vào vận hành chính thức trong quý II/2025.



2. GRI 302. NĂNG LƯỢNG

TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG TRONG TỔ CHỨC (GRI 302-1)

TÊN NHÀ MÁY	TỶ LỆ ĐIỆN TỰ DÙNG TIÊU THỤ (%)	TIẾT KIỆM SO VỚI MỨC ĐƯỢC DUYỆT (KWH)
NMNĐ Phú Mỹ	2,31	1,84
NMNĐ Vĩnh Tân	6,95	7,00
NMNĐ Mông Dương	9,30	9,40
CTTĐ Buôn Kuốp	0,49	0,60
NMNĐ Bà Rịa	2,77	2,77
NMNĐ Ninh Bình	9,49	10,00

GIẢM TIÊU HAO NĂNG LƯỢNG (GRI 302-4)

Nhận thức được vai trò của việc tiết kiệm năng lượng trong quá trình sản xuất điện là yếu tố quan trọng trong việc đảm bảo phát triển bền vững, Tổng Công ty Phát điện 3 thực hiện nhiều giải pháp giảm suất hao nhiệt, đẩy mạnh công tác chuyển đổi số, tồn kho nhiên liệu tối ưu. Một số chủ trương tiết kiệm năng lượng đang được EVNGENCO3 tích cực triển khai như sau:



- Tận dụng tối đa ánh sáng và gió tự nhiên, giảm công suất vận hành các nguồn điện không thiết yếu, tránh sử dụng đồng thời các thiết bị có công suất tiêu thụ lớn trong giờ cao điểm.

- Sửa chữa, cải tạo hệ thống chiếu sáng thay thế dần từ bóng sợi đốt sang đèn Led; cải tạo mạch chiếu sáng đơn pha/theo cụm sang dạng phân pha (3 pha) để tăng cường tiết kiệm điện; rà soát, bổ sung hệ thống bật/tắt tự động.

- Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng

3. GRI 303. NƯỚC VÀ NƯỚC THẢI

EVNGENCO3 luôn tuân thủ các quy định của luật pháp Việt Nam về việc khai thác nguồn nước, cũng như áp dụng nhiều biện pháp công nghệ để giảm lượng nước sử dụng, giúp tiết kiệm nguồn nước cho sản xuất và sinh hoạt; bảo vệ nguồn tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường. Các nguồn nước thải được xử lý đạt quy chuẩn cho phép ở mức nghiêm ngặt trước khi tái sử dụng hoặc xả ra nguồn tiếp nhận.

NƯỚC TIÊU THỤ

LƯỢNG NƯỚC ĐẦU VÀO THEO NGUỒN (GRI 303-3)

NƯỚC CHẠY MÁY SẢN XUẤT ĐIỆN TRONG NHÀ MÁY THỦY ĐIỆN CỦA TỔNG CÔNG TY: Được tích trong các hồ chứa phía thượng lưu nhà máy, qua hệ thống tuyến năng lượng dẫn vào tuabin phát điện, sau đó đổ ra hạ lưu nhà máy qua hệ thống kênh dẫn và nhập vào các nhánh sông, suối Vào mùa khô hạn, các nhà máy thủy điện vẫn đảm bảo duy trì dòng chảy tối thiểu nhằm bảo vệ môi sinh thái khu vực.

NƯỚC LÀM MÁT TRONG CÁC NHÀ MÁY NHIỆT ĐIỆN: Được lấy từ sông hoặc biển qua hệ thống kênh dẫn nước vào, đưa vào bình ngưng để trao đổi nhiệt làm mát, sau đó đổ ra lại sông hoặc biển qua hệ thống kênh thoát nước làm mát.

Ngoài ra, các nhà máy nhiệt điện còn sử dụng nước thủy cục (từ đơn vị cung cấp), nước hồ hoặc nước biển để sản xuất nước khử khoáng phục vụ sản xuất điện; nước biển còn được tận dụng để xử lý môi trường đối với khói thải trước khi qua ống khói.

Khối lượng nước khai thác sử dụng tại các nhà máy năm 2024:

CHỈ TIÊU	ĐVT	NMNĐ MÔNG DƯƠNG 1	NMNĐ VĨNH TÂN 2	NMNĐ PHÚ MỸ	NMTĐ BUÔN KUỐP, BUA TUA SRAH VÀ SRÊPỐC 3	NMNĐ BÀ RỊA	NMNĐ NINH BÌNH
Nước sạch tiêu thụ	m³	569.270	800.434	447.638	7.327	34.540	183.016
* Nước sinh hoạt	m³	50.877	23.287		7.327	13.870	6.096
* Nước dùng để sản xuất nước khử khoáng	m³	518.393	777.147		-	20.670	176.920
* Nước chạy máy (thủy điện)	m³	-	-	-	14.328		-
Nước mặt làm mát	m³	656.725.810	1.185.920.000	772.365.185	17.478.284	-	71.433.208

Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: 69,23%; 1.995.501 m³

NƯỚC THẢI

TỔNG LƯỢNG NƯỚC THẢI THEO NGUỒN TIẾP NHẬN (GRI 303-4)

NƯỚC THẢI CÔNG NGHIỆP: nước thải phát sinh trong các hoạt động sản xuất của nhà máy, như nước thải nhiễm dầu, nhiễm than, nhiễm hóa chất, nước thải từ quá trình sản xuất nước sạch... Các nguồn nước thải được đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung, sau khi xử lý đạt yêu cầu được tái sử dụng cho các các mục đích phù hợp hoặc xả ra nguồn tiếp nhận.

NƯỚC THẢI SINH HOẠT: không đáng kể. Nước thải sau khi xử lý đạt yêu cầu được tái sử dụng để tưới cây hoặc xả ra nguồn tiếp nhận.

HỆ THỐNG QUAN TRẮC ONLINE ĐỐI VỚI NƯỚC MẶT, NƯỚC BIỂN VÀ NƯỚC THẢI

- Các NMTĐ đã lắp đặt đầy đủ hệ thống thiết bị quan trắc, giám sát việc khai thác, sử dụng nước hồ và truyền số liệu về cơ quan chức năng theo quy định.
- Đồng thời cũng truyền về trụ sở EVNGENCO3 để phối hợp giám sát, kiểm soát, góp phần cho công tác quản lý môi trường được kịp thời, chính xác và hiệu quả hơn.
- Các NMNĐ đã lắp đặt đầy đủ hệ thống quan trắc online đối với nước mặt, nước biển, nước thải và truyền về Sở TN&MT địa phương theo quy định.

KHỐI LƯỢNG NƯỚC THẢI NĂM 2024



TRONG NĂM 2024, EVNGENCO3 NGHIÊM CHỈNH THỰC HIỆN VIỆC XỬ LÝ NƯỚC THẢI VÀ KHÔNG XẢY RA BẤT KỲ VI PHẠM NÀO LIÊN QUAN ĐẾN XẢ THẢI.

4. GRI 304. ĐA DẠNG SINH HỌC

Trong khuôn viên các NMNĐ được phủ xanh tối đa tại các vị trí đất trống, trừ những khu vực cần phải ngăn ngừa tuyệt đối vấn đề cháy nổ. Đối với các NMNĐ than còn trồng cây xanh tại khu vực xung quanh bãi xỉ.



Đối với các NMTĐ, bên cạnh trồng cây xanh bổ sung phần diện tích xây dựng nhà máy, đơn vị còn thực hiện nghĩa vụ đóng phí dịch vụ môi trường rừng, nộp vào ngân sách nhà nước.



Đối với các nhà máy điện có sử dụng nước mặt để sản xuất điện, làm mát máy móc thiết bị thực hiện nghĩa vụ đóng tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước, thuế tài nguyên nước.



Các nhà máy có phát sinh nước thải sau xử lý xả ra nguồn tiếp nhận đóng phí bảo vệ môi trường đối với nước thải.

5. GRI 305. PHÁT THẢI KHÍ

PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH TRỰC TIẾP VÀ GIÁN TIẾP TỪ NĂNG LƯỢNG (GRI 305-1, GRI 305-2)

Do đặc thù hoạt động của các nhà máy điện sử dụng nguồn nhiên liệu rất lớn nên EVNGENCO3 luôn chú trọng đầu tư và nâng cao hiệu suất hoạt động của các nhà máy, sử dụng công nghệ tiên tiến hiện đại nhằm đảm bảo việc sử dụng tài nguyên, năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, qua đó góp phần giảm thiểu khí thải nhà kính ra môi trường.

Phát thải khí nhà kính hiện nay từ các nhà máy Nhiệt điện của EVNGENCO3 chủ yếu là khí CO₂, SO₂, NO_x với khối lượng năm 2024 là 135.616,345 triệu triệu m³.

Khí thải các NMNĐ khí tương đối sạch do nhiên liệu đầu vào là nhiên liệu sạch, kết hợp sử dụng các vôi đốt có công nghệ tiên tiến giảm phát thải, vì vậy

nồng độ các khí thải có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường như SO_x, NO_x, bụi chỉ ở mức thấp so với giới hạn cho phép. Khí thải sau khi qua khỏi lò thu hồi nhiệt được đưa đến ống khói cao xả ra nguồn tiếp nhận.

Khí thải các NMNĐ than sau khi ra khỏi buồng đốt được dẫn qua lần lượt hệ thống SCR xử lý NO_x, hệ thống FGD xử lý SO_x, hệ thống ESP xử lý bụi, sau đó đưa đến ống khói cao xả ra nguồn tiếp nhận, vì vậy nồng độ các khí thải có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường ở mức thấp, trong ngưỡng giới hạn cho phép.

HỆ THỐNG QUAN TRẮC KHÍ THẢI ONLINE

Các NMNĐ than trong EVNGENCO3 đã lắp đặt đầy đủ hệ thống thiết bị quan trắc khí thải online và truyền về Sở TN&MT địa phương theo quy định.

Đồng thời cũng truyền về trụ sở EVNGENCO3 để phối hợp giám sát, kiểm soát, góp phần cho công tác quản lý môi trường được kịp thời, chính xác và hiệu quả hơn.



CÁC SÁNG KIẾN VÀ BIỆN PHÁP GIẢM THIỂU PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH

Hiện EVNGENCO3 đang triển khai tìm hiểu, nghiên cứu các công nghệ giảm phát thải khí nhà kính để tổ chức áp dụng đạt hiệu quả cao nhất. Tổng Công ty cũng hướng đến đầu tư năng lượng xanh, sử dụng các nguồn NLTT góp phần làm giảm hiệu ứng nhà kính, hỗ trợ Việt Nam tiến dần đến Net Zero năm 2050.

Các biện pháp giảm thiểu khí thải đang được Tổng Công ty áp dụng như sau:



► Nghiên cứu sử dụng nhiên liệu sạch hơn, giảm suất hao nhiệt.



► Sử dụng các tuabin khí công nghệ mới, nhằm nâng cao hiệu suất và giảm thiểu tác động đến môi trường với lượng phát thải cacbon ít hơn.



► Tăng cường ứng dụng công nghệ hiện đại, tuân thủ nghiêm ngặt lịch bảo trì, bảo dưỡng của các nhà máy.

6. GRI 306. CHẤT THẢI

CHẤT THẢI NGUY HẠI

► Phần lớn phát sinh nhiều trong các NMNĐ, chủ yếu là các chất thải sau: Vật liệu mài dạng hạt có thành phần nguy hại (cát, bột mài, ...); Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải; Dầu mỡ thải các loại; Nước lẫn dầu thải từ thiết bị tách dầu/nước; Vật liệu lọc (bao gồm vật liệu lọc dầu) bị nhiễm các thành phần nguy hại; Hóa chất và hỗn hợp hóa chất phòng thí nghiệm thải có thành phần nguy hại; Găng tay, giẻ lau nhiễm dầu thải; Vật liệu lót và chịu lửa có các thành phần nguy hại; Các loại chất oxy hóa thải.

► Chất thải nguy hại được chuyển giao cho đơn vị có chức năng để tiến hành thu gom, vận chuyển, xử lý.

CHẤT THẢI KHÔNG NGUY HẠI

► Chất thải rắn phát sinh trong hoạt động làm việc tại văn phòng và chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trong hoạt động động ăn uống, sinh hoạt thường nhật.

► Chất thải rắn công nghiệp thông thường: vật tư kém, mất phẩm chất.

► Tro xỉ phát sinh trong hoạt động sản xuất điện của NMNĐ than.

► Chất thải không nguy hại được chuyển giao cho đơn vị có chức năng để tiến hành thu gom, vận chuyển, xử lý.

TỔNG LƯỢNG CHẤT THẢI THEO LOẠI VÀ PHƯƠNG PHÁP XỬ LÝ (GRI 306-1, GRI 306-2, GRI 306-3, GRI 306-4, GRI 306-5)

CHỈ TIÊU	THÔNG SỐ NĂM 2024							TỔNG CỘNG
	ĐƠN VỊ ĐO	CTNĐ PHÚ MỸ	CTNĐ VĨNH TÂN	CTNĐ MÔNG DƯƠNG	CTTĐ BUỒN KHUỐP	CTCP NĐ BÀ RỊA	CTCP NĐ NINH BÌNH	
Chất thải rắn thông thường (bao gồm CTRSH và CTRCN)	Tấn	59,290	345,260	55,610	1,75	39,12	112	611
Tro xỉ nhiệt điện than	Tấn	-	1.187.095	1.033.583	-	-	58.084	2.278.762
Chất thải nguy hại	Tấn	139,947	113,910	226,660		8,226	3.450	3.941

PHƯƠNG PHÁP THỰC HIỆN HẠN CHẾ PHÁT SINH CHẤT THẢI

» Thường xuyên tuyên truyền, phổ biến và thực hiện chính sách thực hành tiết kiệm, chống lãng phí tài nguyên hiện có đến từng CBCNV; kết hợp theo dõi, kiểm tra, đôn đốc, nhắc nhở.

» Quan điểm: khai thác, sử dụng tiết kiệm và hiệu quả các nguồn tài nguyên, các nguyên, nhiên, vật liệu, hóa chất, văn phòng phẩm,...; tối ưu trong việc

tận dụng, tái sử dụng, tái chế nguyên nhiên vật liệu, văn phòng phẩm, vật tư, phế liệu kém, mất phẩm chất, hạn chế việc thải bỏ.

» Khai thác tro xỉ như một dạng sản phẩm hàng hóa, có thể trao đổi, buôn bán hoặc sử dụng trong hoạt động xây dựng, làm đường giao thông, san nền...

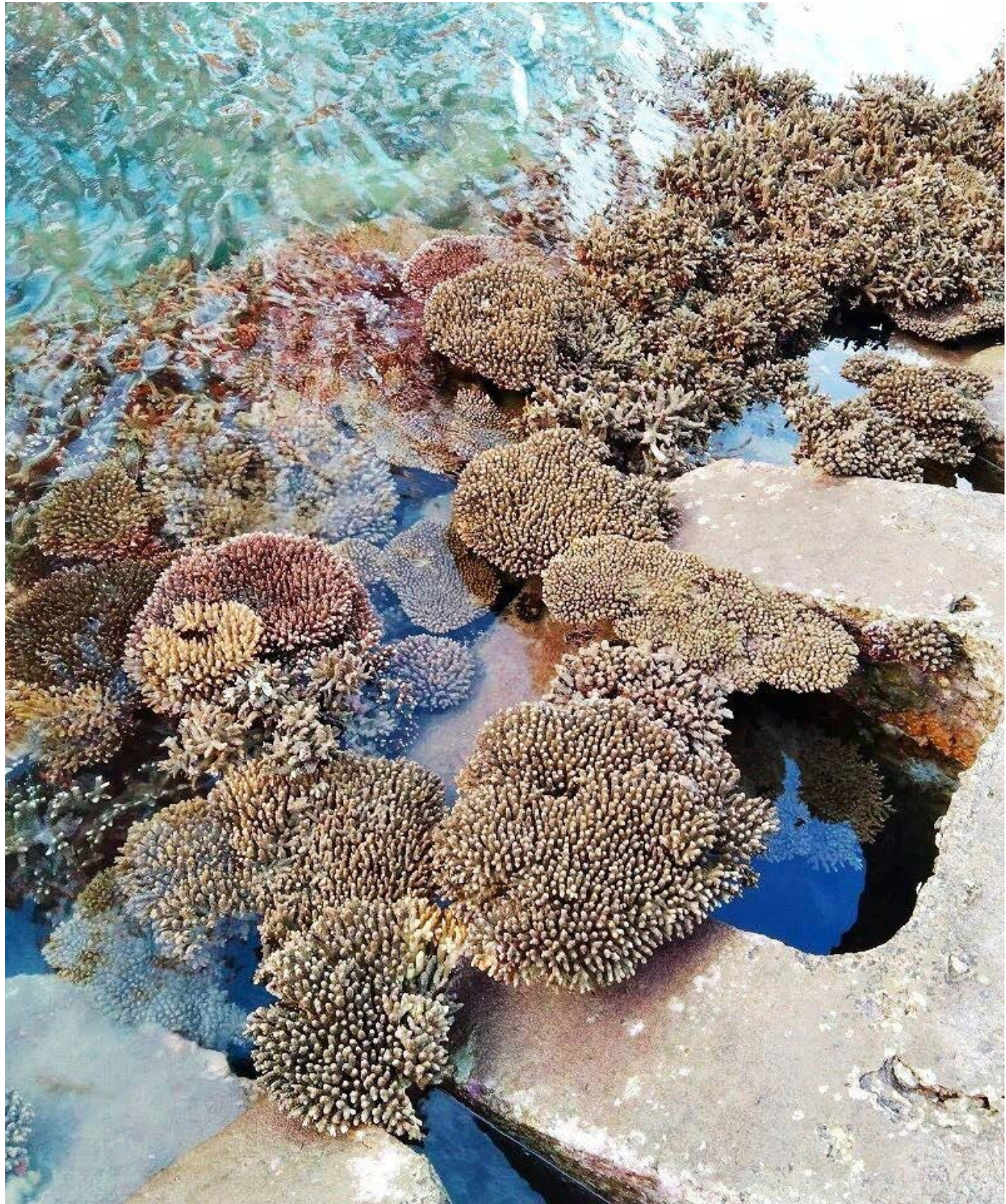
7. GRI 307. TUÂN THỦ VỀ MÔI TRƯỜNG

Tổng Công ty duy trì tính hiệu lực hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn TCVN ISO 14001:2015 đối với các nhà máy điện và không ngừng nâng cao hiệu quả, cải tiến liên tục. Các quy

định liên quan đến lĩnh vực môi trường đều được EVNGENCO3 tuân thủ và triển khai đồng bộ nên không có vi phạm nào liên quan đến lĩnh vực môi trường trong năm 2024.

SỐ LẦN BỊ XỬ PHẠT VI PHẠM DO KHÔNG TUÂN THỦ LUẬT PHÁP VÀ CÁC QUY ĐỊNH VỀ MÔI TRƯỜNG:
KHÔNG

TỔNG SỐ TIỀN DO BỊ XỬ PHẠT VI PHẠM DO KHÔNG TUÂN THỦ LUẬT PHÁP VÀ CÁC QUY ĐỊNH VỀ MÔI TRƯỜNG:
0 VND



San hô ở khu vực Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 2

VII. CHỦ ĐỀ XÃ HỘI (GRI 400)

1. GRI 401. ĐẢM BẢO VIỆC LÀM VÀ THU NHẬP

EVNGENCO3 luôn xem con người là vốn quý nhất, là cốt lõi tạo nên thành công của doanh nghiệp. Các chính sách kinh doanh, quản trị của Công ty hướng đến trọng tâm phát triển nguồn nhân lực hạnh phúc, trong đó mỗi cá nhân hướng tới các giá trị đóng góp tích cực cho sự phát triển của xã hội và cộng đồng. Tổng Công ty chú trọng xây dựng thương hiệu nhà tuyển dụng để thu hút và giữ chân nhân tài, nỗ lực đảm bảo việc làm ổn định và tiền lương, thu nhập cho CBCNV.

TUYỂN DỤNG NHÂN SỰ VÀ THỜI VIỆC TẠI EVNGENCO3 (GRI 401-1)

EVNGENCO3 nỗ lực thu hút tuyển dụng đầy đủ và kịp thời, đồng thời giảm tỷ lệ nghỉ việc, tăng mức độ gắn bó và tính ổn định của nguồn nhân lực. Cán bộ công nhân viên EVNGENCO3 luôn sẵn sàng và đáp ứng với sự phát triển của EVNGENCO3.

EVNGENCO3 có chính sách tuyển dụng và tạo cơ hội việc làm không phân biệt giới tính.

EVNGENCO3 thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của Tổng Công ty đối với lao động nghỉ việc và không có bất kỳ khiếu nại nào từ người lao động.



GRI 401-2 PHÚC LỢI CUNG CẤP CHO NHÂN VIÊN TOÀN THỜI GIAN KHÔNG DÀNH CHO NHÂN VIÊN TẠM THỜI HOẶC BÁN THỜI GIAN

► EVNGENCO3 đảm bảo chế độ đãi ngộ và lương thưởng xứng đáng với từng vị trí công việc; các chế độ phúc lợi như: bảo hiểm chăm sóc sức khỏe; tham quan nghỉ mát; chế độ làm việc linh hoạt; cơ hội học tập và phát triển trong/ngoài nước; không ngừng xây dựng môi trường làm việc bình đẳng, năng động, hấp dẫn – nơi nhân viên có thể tận tâm cống hiến trong sự phát triển bền vững của Tổng Công ty.

► Hằng năm Tổng Công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho tất cả CBCNV theo đúng quy định 01 lần/năm, người làm việc nặng nhọc độc hại được khám 6 tháng/1 lần lao động nữ 02 lần, lao động nữ 02 lần/năm. Hồ sơ sức khỏe cá nhân

được cập nhật trên hệ thống phần mềm HRMS giúp người sử dụng lao động, CBCNV dễ dàng quản lý, theo dõi tình trạng sức khỏe, phân công công tác hợp lý, phù hợp với đặc thù, tính chất công việc.

► EVNGENCO3 cam kết không phân biệt đối xử trên cơ sở chủng tộc, màu da, giới tính, tôn giáo, quan điểm chính trị, nguồn gốc quốc gia hoặc xuất thân xã hội. Không có vụ việc phân biệt đối xử xảy ra tại Tổng Công ty.

► EVNGENCO3 cam kết không sử dụng lao động trẻ em và lao động cưỡng bức, sử dụng lao động đúng theo độ tuổi pháp luật quy định.

GRI 401-3 NGHỈ THAI SẢN

TCT thực hiện chế độ thai sản cho NLĐ theo đúng các quy định pháp luật, người lao động được nghỉ thai sản hưởng chế độ BHXH và các chế độ trợ cấp, hỗ trợ của TCT theo Thỏa ước lao động tập thể. Tổng Công ty đảm bảo 100% nhân viên được quay trở lại làm việc sau khi nghỉ thai sản và không có bất kỳ sự kỳ thị phân biệt nào.

2. GRI 402. MỐI QUAN HỆ LAO ĐỘNG – QUẢN LÝ

Tổng Công ty ban hành Thỏa ước lao động tập thể với 49 điểm có lợi cho NLĐ trên mức quy định của pháp luật lao động nhằm đưa ra thống nhất bằng văn bản thỏa thuận giữa tập thể lao động và người sử dụng lao động với những quyền lợi và nghĩa vụ của hai bên để đảm bảo lợi ích hai bên và duy trì sự gắn bó lâu dài giữa người lao động và doanh nghiệp.

Ngoài ra, Tổng Công ty và Công đoàn còn tổ chức hội nghị người lao động nữ 02 lần/năm. Thông qua các hoạt động này, các cấp lãnh đạo Công đoàn kịp thời giải quyết những kiến nghị, tâm tư nguyện vọng chính đáng của NLĐ.



GRI 402 -1 THỜI HẠN THÔNG BÁO TỐI THIỂU VỀ NHỮNG THAY ĐỔI TRONG HOẠT ĐỘNG

EVNGENCO3 luôn đảm bảo thông tin trao đổi trong Tổng Công ty khi có bất kỳ thay đổi ảnh hưởng tới quyền lợi của người lao động. Cấp quản lý gửi thông báo cho cán bộ nhân viên về nội dung thay đổi trong thời gian tối thiểu trước khi sự thay đổi có hiệu lực.

3. GRI 403. AN TOÀN VÀ SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP

GRI 403-1 HỆ THỐNG QUẢN LÝ AN TOÀN VÀ SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP

Tổng Công ty đã lập hồ sơ quản lý sức khỏe theo đúng quy định và nhập kết quả khám bệnh, theo dõi sức khỏe cá nhân trên hệ thống phần mềm HRMS giúp người sử dụng lao động, CBCNV dễ dàng quản lý theo dõi tình trạng sức khỏe, phân công công tác hợp lý, phù hợp với đặc thù, tính chất công việc.

» Phòng y tế của các đơn vị được trang bị đầy đủ thuốc và các dụng cụ cần thiết; nhân viên y tế được huấn luyện, bồi dưỡng và có chứng nhận đầy đủ, thực hiện tốt việc cấp phát thuốc, săn sóc người lao động những bệnh thông thường và tiến hành sơ cấp cứu ban đầu, theo dõi chuyển bệnh nhân đến các cơ sở y tế có ký hợp đồng khám chữa bệnh ban đầu kịp thời để tiếp tục điều trị có hiệu quả, đảm bảo sức khỏe cho người lao động.

GRI 403-3 DỊCH VỤ SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP

Hàng năm, Tổng Công ty/đơn vị đều tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho tất cả CBCNV theo đúng quy định 01 lần/năm, người làm việc nặng nhọc độc hại được khám 6 tháng/1 lần; tạo điều kiện để người lao động được khám chuyên sâu để phát hiện sớm, hỗ trợ điều trị bệnh theo phác đồ chữa trị. Ngoài ra,

một số đơn vị còn chủ động tổ chức khám bệnh phụ khoa cho người lao động nữ 2 lần/năm.

» Tổng Công ty triển khai mua bảo hiểm chăm sóc sức khỏe hàng năm cho CBCNV.

GRI 403-5 HUẤN LUYỆN SỨC KHỎE VÀ AN TOÀN LAO ĐỘNG

» Tích cực tham gia đầy đủ các khóa bồi dưỡng, huấn luyện chuyên sâu về nghiệp vụ y tế nhằm nâng cao trình độ và tay nghề của đội ngũ y bác sĩ tại các phòng y tế của các đơn vị, đảm bảo có đầy đủ hồ sơ và được cấp Giấy phép hành nghề, giấy chứng nhận tham gia các khóa tập huấn đầy đủ.

» Tổng Công ty đã phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức các đợt tập huấn, nâng cao kiến thức về an toàn vệ sinh lao động, thường xuyên tuyên truyền về công tác an toàn vệ sinh lao động cho toàn thể cán bộ công nhân viên nhằm giảm rủi ro và các yếu tố có hại tại nơi làm việc.

GRI 403-9, 403-10 CÁC CHỈ SỐ VỀ TAI NẠN LAO ĐỘNG VÀ BỆNH NGHỀ NGHIỆP

Trong năm 2024, TCT không ghi nhận bất kỳ vấn đề nào liên quan đến an toàn lao động.

4. GRI 404. GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Đào tạo nguồn nhân lực luôn là một trong những ưu tiên trọng tâm EVNGENCO3 nhằm xây dựng đội ngũ nhân sự giàu năng lực, phẩm chất tốt, đáp ứng nhu cầu có "tâm trí lực" đáp ứng nhu cầu phát triển ngày càng mạnh mẽ của TCT.

**GRI 404-1 SỐ GIỜ ĐÀO TẠO
TRUNG BÌNH MỖI NĂM CHO
NHÂN VIÊN**

Tổng số giờ đào tạo:

105.755 giờ/ năm

Số giờ đào tạo trung bình:

50 giờ / CBCNV/năm

GRI 404-2 CÁC CHƯƠNG TRÌNH NÂNG CAO KỸ NĂNG CHO NHÂN VIÊN

Năm 2024, EVNGENCO3 tiếp tục chú trọng đào tạo gắn liền với nhiệm vụ SXKD, đặc biệt tập trung các chương trình đào tạo nội bộ, chia sẻ kiến thức, đào tạo gắn liền với lộ trình chuyển dịch năng lượng. Ngoài các chương trình đào tạo nâng cao kỹ năng quản trị, chuyên môn nghiệp vụ, EVNGENCO3 cũng triển khai các khóa kỹ năng khác: Kỹ năng thuyết trình, lập kế hoạch, giải quyết vấn đề, ...



5. GRI 405. SỰ ĐA DẠNG VÀ CƠ HỘI BÌNH ĐẲNG

GRI 405-1 SỰ ĐA DẠNG CỦA CẤP QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN



» EVNGENCO3 luôn đảm bảo nguyên tắc tuyển dụng bình đẳng, công bằng. Các chính sách lương thưởng, phúc lợi của CBNV, cơ hội thăng tiến được gắn liền với năng lực, thành tích, đóng góp của mỗi cá nhân trong tương quan hiệu quả chung của bộ phận và của Tổng Công ty, đảm bảo cơ hội bình đẳng cho tất cả nhân sự, không phân biệt giới tính, vùng miền.

» Các chính sách nhân sự của Tổng Công ty luôn đảm bảo sự tham gia đầy đủ, hiệu quả của phụ nữ và cơ hội bình đẳng để lãnh đạo ở tất cả các cấp.

6. GRI 406. KHÔNG PHÂN BIỆT ĐỐI XỬ – GRI 408. LAO ĐỘNG TRẺ EM – GRI 409. LAO ĐỘNG CƯỠNG BỨC HOẶC BẮT BUỘC

GRI 406-1 CÁC VỤ VIỆC PHÂN BIỆT ĐỐI XỬ VÀ CÁC HÀNH ĐỘNG KHẮC PHỤC ĐÃ THỰC HIỆN

Tại EVNGENCO3 tất cả người lao động đều được làm việc trong môi trường bình đẳng, không có quấy rối hoặc kỳ thị. Tất cả các CBNV đều được đối xử công bằng, không phân biệt chủng tộc, tín ngưỡng, chính trị, màu da, giới tính, xuất xứ, tình trạng hôn nhân, tuổi tác, tôn giáo, xu hướng sinh lý, thai sản, tật nguyền hay bất cứ lý do nào khác không liên quan đến công việc. Trong năm 2024, không có trường hợp ghi nhận phân biệt đối xử tại Tổng Công ty.

GRI 408-1 CÁC HOẠT ĐỘNG VÀ NHÀ CUNG CẤP CÓ RỦI RO ĐÁNG KỂ VỀ CÁC VỤ VIỆC LAO ĐỘNG TRẺ EM

EVNGENCO3 tuyệt đối không sử dụng lao động trẻ em, độ tuổi tối thiểu của lao động tại Tổng Công ty là từ 18 tuổi trở lên. Người lao động tại TCT được đảm bảo quyền lợi dựa theo các quy định tại Bộ luật Lao động 2019.

GRI 409-1 CÁC HOẠT ĐỘNG VÀ NHÀ CUNG CẤP CÓ RỦI RO ĐÁNG KỂ VỀ CÁC VỤ VIỆC LAO ĐỘNG CƯỖNG BỨC HOẶC BẮT BUỘC

EVNGENCO3 cam kết không sử dụng lao động bắt buộc hoặc cưỡng bức, mọi CBNV làm việc tại Tổng Công ty đều dựa trên nguyên tắc tự nguyện, thỏa thuận giữa Tổng Công ty và người lao động.



7. GRI 413. CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

EVNGENCO3 luôn tích cực thực thi trách nhiệm xã hội thông qua các chương trình cộng đồng ý nghĩa. Tổng kinh phí ASXH năm 2024 là khoảng 11,4 tỷ đồng.

Hỗ trợ định kỳ hàng tháng cho 44 em học sinh có hoàn cảnh khó khăn, mồ côi cha mẹ do dịch bệnh COVID-19 trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh, đến khi hoàn thành chương trình học lớp 12, mỗi năm tài trợ 1,28 tỷ đồng;

Triển khai chương trình “Sửa học đường” cho các trường tiểu học tại Phú Mỹ và Vĩnh Tân hơn 01 tỷ đồng; trao tặng 50 bộ máy vi tính và dụng cụ học tập cho các trường ở Phú Yên, Bình Định bị ảnh hưởng thiên tai, bão lũ.

Đồng thời, Tổng Công ty, các đơn vị tổ chức thăm hỏi, tặng quà cho buôn kết nghĩa, người dân vùng hạ du, gia đình chính sách, hộ nghèo... trên địa bàn nhân dịp lễ, tết; Các hoạt động hiến máu nhân đạo hưởng ứng tuần lễ Hồng, tháng Tri ân khách hàng; hỗ trợ xây dựng trường học, làm đường giao thông... theo nhu cầu thực tế tại địa phương và chủ trương, tinh thần của EVN/EVNGENCO3.

GRI 419. TUÂN THỦ VỀ KINH TẾ – XÃ HỘI

EVNGENCO3 luôn tuân thủ luật pháp và các quy định trong lĩnh vực kinh tế và xã hội. Tổng Công ty luôn kiên định chủ trương xây dựng vững chắc hệ thống phòng ngừa rủi ro nhằm giảm thiểu đến mức thấp nhất những thiệt hại liên quan đến hoạt động tuân thủ.

Trong năm 2024, không có vi phạm đáng kể nào xảy ra tại EVNGENCO3.

Tổng giá trị bằng tiền của các khoản tiền phạt đáng kể: 0,00 VNĐ

Tổng số hình phạt phi tiền tệ: Không có

Các vụ việc được đưa ra thông qua các cơ chế giải quyết tranh chấp: Không có



MỤC LỤC GRI

TUYÊN BỐ SỬ DỤNG	EVNGENCO3 đã báo cáo theo Tiêu chuẩn GRI 2021 cho giai đoạn 31/12/2023 – 31/12/2024
GRI 1 ĐÃ SỬ DỤNG	GRI 1: Tiêu chuẩn tổng quát 2021
GRI TIÊU CHUẨN	Thông tin không có sẵn

TIÊU CHUẨN GRI		THÔNG TIN CÔNG BỐ	NỘI DUNG TRONG BÁO CÁO (TRANG)
GRI 2: THÔNG TIN CHUNG			
2-1	Thông tin chi tiết về Tổ chức		
2-2	Đơn vị được bao gồm trong Báo cáo Phát triển bền vững		
2-3	Kỳ báo cáo, tần suất và thông tin liên hệ		
2-4	Trình bày lại thông tin		
2-5	Đảm bảo số liệu từ Đơn vị bên ngoài		
2-6	Các hoạt động, chuỗi giá trị và các mối quan hệ kinh doanh khác		
2-7	Nhân viên		
2-8	Người lao động không phải là nhân viên Công ty		
2-9	Cơ cấu và thành phần quản trị		
2-10	Đề cử và lựa chọn cơ quan quản trị cao nhất		
2-11	Chủ tịch cơ quan quản trị cao nhất		
2-12	Vai trò của cơ quan quản trị cao nhất trong việc quản trị/ giám sát hoạt động quản lý các tác động của Công ty		
2-13	Sự phân chia trách nhiệm về việc quản lý các tác động		
2-14	Vai trò của cơ quan quản trị cao nhất trong Báo cáo Phát triển bền vững		
2-15	Xung đột lợi ích		
2-16	Truyền đạt các mối quan tâm chính		
2-17	Kiến thức chung của cơ quan quản trị cao nhất		
2-18	Đánh giá hiệu quả hoạt động của cơ quan trị cao nhất		
2-19	Chính sách thù lao		
2-20	Quy trình xác định thù lao		
2-21	Tỷ lệ tổng thù lao hàng năm		
2-22	Tuyên bố về chiến lược phát triển bền vững		
2-23	Cam kết chính sách		
2-24	Triển khai cam kết chính sách		
2-25	Các quy trình khắc phục tác động tiêu cực		
2-26	Cơ chế tư vấn và báo cáo các quan ngại		
2-27	Tuân thủ luật pháp và quy định		
2-28	Thành viên hiệp hội		
2-29	Phương pháp tiếp cận sự tham gia của các bên liên quan		
2-30	Thỏa ước lao động tập thể		
3-1	Quy trình xác định lĩnh vực trọng yếu		
3-2	Danh sách lĩnh vực trọng yếu		38
3-3	Quản lý lĩnh vực trọng yếu		38 – 79

TIÊU CHUẨN GRI		THÔNG TIN CÔNG BỐ	NỘI DUNG TRONG BÁO CÁO (TRANG)
GRI 200: CHỦ ĐỀ KINH TẾ			
GRI 201: HIỆU QUẢ KINH TẾ			
201-1	Giá trị kinh tế trực tiếp được tạo ra và phân bổ	39 – 40	
GRI 202: SỰ HIỆN DIỆN TRÊN THỊ TRƯỜNG			
202-1	Tỷ lệ của mức lương khởi điểm theo giới tính so với mức lương tối thiểu của vùng	41	
GRI 203: TÁC ĐỘNG KINH TẾ GIÁN TIẾP			
203-1	Đầu tư cơ sở hạ tầng và các dịch vụ được hỗ trợ	42	
203-2	Tác động kinh tế gián tiếp trọng yếu	42	
GRI 205: CHỐNG THAM NHƯNG			
205-3	Các vụ việc tham nhũng đã xác nhận và các biện pháp xử lý	43	
GRI 207: THUẾ			
207-1	Phương pháp tiếp cận thuế	43	
207-2	Quản lý, kiểm soát và quản trị rủi ro về thuế	43	
207-3	Sự tham gia của các bên liên quan và quản lý các mối quan tâm liên quan đến thuế	43	
GRI 300: CHỦ ĐỀ MÔI TRƯỜNG			
GRI 301: VẬT LIỆU			
301-1	Vật liệu đã được sử dụng theo trọng lượng hoặc khối lượng	44 – 45	
301-2	Vật liệu tái chế được sử dụng	45	
GRI 302: NĂNG LƯỢNG			
302-1	Tiêu thụ năng lượng trong tổ chức	45 – 46	
302-2	Tiêu thụ năng lượng ngoài tổ chức	-	
302-3	Cường độ sử dụng năng lượng	46	
302-4	Giảm tiêu hao năng lượng	47	
302-5	Giảm nhu cầu năng lượng	-	
GRI 303: NƯỚC VÀ NƯỚC THẢI			
303-3	Nước đầu vào	47	
303-4	Nước thải	48 – 51	
303-5	Nước tiêu thụ	51 – 52	
GRI 305: PHÁT THẢI			
305-1	Phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp (Phạm vi 1)	52 – 57	
305-2	Phát thải khí nhà kính (GHG) gián tiếp từ năng lượng (Phạm vi 2)	52 – 57	
GRI 306: CHẤT THẢI			
306-1	Phát sinh chất thải và tác động đáng kể liên quan đến chất thải	58 – 59	
306-2	Quản lý tác động liên quan đến chất thải	58 – 59	
306-3	Chất thải phát sinh	58 – 59	
306-4	Chất thải được chuyển hướng khỏi việc thải bỏ	58 – 59	
306-5	Chất thải được xử lý	58 – 59	
GRI 307: TUÂN THỦ VỀ MÔI TRƯỜNG			
307-1	Không tuân thủ pháp luật và các quy định về môi trường	60	
GRI 400: CHỦ ĐỀ XÃ HỘI			

TIÊU CHUẨN GRI		THÔNG TIN CÔNG BỐ	NỘI DUNG TRONG BÁO CÁO (TRANG)
GRI 401: VIỆC LÀM			
401-1	Số lượng nhân viên thuê mới và tỷ lệ thôi việc		
401-2	Phúc lợi cung cấp cho nhân viên toàn thời gian không dành cho nhân viên tạm thời hoặc bán thời gian		
401-3	Nghỉ thai sản		
GRI 402: MỐI QUAN HỆ LAO ĐỘNG – QUẢN LÝ			
402-1	Thời hạn thông báo tối thiểu về những thay đổi trong hoạt động		
GRI 403: AN TOÀN VÀ SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP			
403-1	Hệ thống quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp		
403-2	Xác định nguy cơ, đánh giá rủi ro và điều tra sự cố		
403-3	Dịch vụ sức khỏe nghề nghiệp		
403-4	Tham gia, tư vấn và truyền thông về sức khỏe và an toàn lao động		
403-5	Huấn luyện cho công nhân về sức khỏe và an toàn nghề nghiệp		
403-6	Nâng cao sức khỏe người lao động		
403-7	Phòng ngừa và giảm thiểu tác động đến sức khỏe và an toàn nghề nghiệp được liên kết trực tiếp bởi các mối quan hệ kinh doanh		
403-9	Thương tật liên quan đến công việc		
403-10	Sức khỏe kém liên quan đến công việc		
GRI 404: GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO			
404-1	Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm cho nhân viên		
404-2	Các chương trình nâng cao kỹ năng cho nhân viên và chương trình hỗ trợ chuyển tiếp		
GRI 405: SỰ ĐA DẠNG VÀ CƠ HỘI BÌNH ĐẲNG			
405-1	Sự đa dạng của cấp quản lý và nhân viên		
GRI 406: KHÔNG PHÂN BIỆT ĐỐI XỬ			
406-1	Các vụ việc phân biệt đối xử và các hành động khắc phục đã thực hiện		
GRI 408: LAO ĐỘNG TRẺ EM			
408-1	Các hoạt động và nhà cung cấp có rủi ro đáng kể về các vụ việc lao động trẻ em		
GRI 409: LAO ĐỘNG CƯỠNG BỨC HOẶC BẮT BUỘC			
409-1	Các hoạt động và nhà cung cấp có rủi ro đáng kể về các vụ việc lao động cưỡng bức hoặc bắt buộc		
GRI 413: CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG			
413-1	Những hoạt động có sự tham gia của cộng đồng địa phương, đánh giá tác động và các chương trình phát triển		
GRI 419: TUÂN THỦ VỀ KINH TẾ - XÃ HỘI			
419-1	Không tuân thủ luật pháp và các quy định trong lĩnh vực kinh tế và xã hội		

Đồng lòng
Vượt khó

Báo cáo TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

07

Báo Cáo Của Ban Tổng Giám Đốc	172
Báo Cáo Kiểm Toán Độc Lập	174
Bảng Cân Đối Kế Toán Hợp Nhất	176
Báo Cáo Kết Quả Hoạt Động Kinh Doanh Hợp Nhất	178
Báo Cáo Lưu Chuyển Tiền Tệ Hợp Nhất	179
Thuyết Minh Báo Cáo Tài Chính Hợp Nhất	180

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty Cổ phần (gọi tắt là “Công ty mẹ”) và các Công ty con (Công ty mẹ và các Công ty con sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát của Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Đinh Quốc Lâm	Chủ tịch
Ông Lê Văn Danh	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Hải Yến	Thành viên
Ông Nguyễn Minh Khoa	Thành viên
Ông Đỗ Mộng Hùng	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông Lê Văn Danh	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Trùng Dương	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Võ Minh Thắng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Đình Ân	Phó Tổng Giám đốc

BAN KIỂM SOÁT

Ông Phạm Hùng Minh	Trưởng Ban Kiểm soát
Bà Vũ Hải Ngọc	Kiểm soát viên
Ông Đậu Đức Chiến	Kiểm soát viên

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập trên cơ sở chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Thị Thanh Hương
Phó Tổng Giám đốc
Người được Người đại diện theo pháp luật ủy quyền
Ngày 31 tháng 3 năm 2025

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các cổ đông**
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Phát Điện 3 – Công ty Cổ phần

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty Cổ phần (gọi tắt là “Công ty mẹ”) và các Công ty con (Công ty mẹ và các Công ty con sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”), được lập ngày 31 tháng 3 năm 2025, từ trang 5 đến trang 39 bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Nguyễn Quang Trung
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0733-2023-001-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 31 tháng 3 năm 2025

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Nguyễn Đỗ Đức Trung
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 5519-2025-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		16.821.305.298.169	16.976.944.445.030
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	618.781.821.094	510.183.037.967
1. Tiền	111		370.781.821.094	389.183.037.967
2. Các khoản tương đương tiền	112		248.000.000.000	121.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		2.880.000.000.000	2.935.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	2.880.000.000.000	2.935.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		10.330.733.524.343	9.976.743.487.170
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	9.421.767.236.215	9.117.941.918.690
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		65.362.247.545	127.210.316.614
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	815.598.708.750	731.591.251.866
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(7.142.750.900)	-
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		35.148.082.733	-
IV. Hàng tồn kho	140	8	2.454.314.956.129	3.095.495.426.093
1. Hàng tồn kho	141		2.454.368.974.964	3.095.524.251.690
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(54.018.835)	(28.825.597)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		537.474.996.603	459.522.493.800
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		24.108.255.288	23.144.263.206
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		432.493.474.949	354.625.555.113
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	14	80.873.266.366	81.752.675.481
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		38.445.643.521.472	41.864.154.683.090
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		3.655.246.000	3.575.246.000
1. Phải thu dài hạn khác	216		3.655.246.000	3.575.246.000
II. Tài sản cố định	220		33.014.635.888.534	37.112.875.018.352
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	32.424.583.190.760	36.521.061.737.923
- Nguyên giá	222		115.437.074.131.501	115.047.665.197.701
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(83.012.490.940.741)	(78.526.603.459.778)
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	590.052.697.774	591.813.280.429
- Nguyên giá	228		672.522.668.546	658.826.984.717
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(82.469.970.772)	(67.013.704.288)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		612.565.147.272	25.114.185.858
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	11	612.565.147.272	25.114.185.858
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5	2.546.895.008.122	2.520.778.118.642
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252		2.009.985.634.734	1.984.832.768.300
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		536.909.373.388	536.909.373.388
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	(964.023.046)
V. Tài sản dài hạn khác	260		2.267.892.231.544	2.201.812.114.238
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	260.051.045.227	266.014.286.243
2. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		2.007.841.186.317	1.935.797.827.995
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		55.266.948.819.641	58.841.099.128.120

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		40.697.274.536.860	43.069.973.348.059
I. Nợ ngắn hạn	310		13.814.064.825.171	11.479.894.580.236
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	5.610.052.996.993	4.101.442.666.053
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	1.643.320
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	100.737.207.559	85.286.522.228
4. Phải trả người lao động	314		485.165.926.727	394.699.603.112
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	15	442.854.951.127	216.131.971.344
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	16	42.103.614.540	42.107.962.265
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	17	787.680.771.122	892.833.495.455
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	18	5.884.796.778.867	5.334.832.667.958
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	20	460.672.578.236	412.558.048.501
II. Nợ dài hạn	330		26.883.209.711.689	31.590.078.767.823
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	16	873.284.205.371	914.511.753.335
2. Phải trả dài hạn khác	337		174.529.373	109.785.989
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	19	26.009.750.976.945	30.675.457.228.499
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		14.569.674.282.781	15.771.125.780.061
I. Vốn chủ sở hữu	410	21	14.569.674.282.781	15.771.125.780.061
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		11.234.680.460.000	11.234.680.460.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		11.234.680.460.000	11.234.680.460.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		66.287.861.768	65.840.801.128
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.180.310.716.833	912.243.833.241
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		15.748.025.022	15.748.025.022
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.752.179.202.710	3.184.022.130.153
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		2.630.568.058.655	2.890.215.947.923
- (Lỗ)/Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		(878.388.855.945)	293.806.182.230
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		320.468.016.448	358.590.530.517
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		55.266.948.819.641	58.841.099.128.120

Trần Nguyễn Khánh Linh
Người lập biểu

Vũ Phương Thảo
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thanh Hương
Phó Tổng Giám đốc
Ngày 31 tháng 3 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		40.690.149.938.010	45.862.195.704.877
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)	10	23	40.690.149.938.010	45.862.195.704.877
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	24	37.710.483.019.399	41.344.150.280.929
4. Lợi nhuận gộp (20=10-11)	20		2.979.666.918.611	4.518.045.423.948
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	245.998.048.606	339.183.947.661
6. Chi phí tài chính	22	26	3.607.066.345.676	3.331.970.808.327
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.261.331.784.676	2.468.022.741.831
7. Phần lãi trong công ty liên kết	24	5	207.500.439.934	375.725.222.863
8. Chi phí bán hàng	25		156.601.137	200.810.470
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	671.801.325.035	651.321.108.993
10. (Lỗ)/Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)+24-(25+26))	30		(845.858.864.697)	1.249.461.866.682
11. Thu nhập khác	31		14.688.524.619	6.715.308.526
12. Chi phí khác	32		39.347.135.741	15.466.891.896
13. Lỗ khác (40=31-32)	40		(24.658.611.122)	(8.751.583.370)
14. Tổng (lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(870.517.475.819)	1.240.710.283.312
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	29	5.050.529.429	156.986.975.976
16. (Lỗ)/Lợi nhuận sau thuế (60=50-51)	60		(875.568.005.248)	1.083.723.307.336
17. (Lỗ)/Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		(878.388.855.945)	1.065.134.625.680
18. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		2.820.850.697	18.588.681.656
19. (Lỗ)/Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	(782)	783

Trần Nguyễn Khánh Linh
Người lập biểu

Vũ Phương Thảo
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thanh Hương
Phó Tổng Giám đốc
Ngày 31 tháng 3 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. (Lỗ)/Lợi nhuận trước thuế	01	(870.517.475.819)	1.240.710.283.312
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	4.508.736.320.254	4.518.775.545.796
Các khoản dự phòng	03	6.203.921.092	(6.729.265.547)
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	1.129.011.709.638	844.798.129.711
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(399.520.416.004)	(800.479.986.974)
Chi phí lãi vay	06	2.261.331.784.676	2.468.022.741.831
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	6.635.245.843.837	8.265.097.448.129
Thay đổi các khoản phải thu	09	(8.158.171.265.594)	(7.952.608.502.852)
Thay đổi hàng tồn kho	10	569.111.918.404	(1.107.805.590.729)
Thay đổi các khoản phải trả	11	1.536.518.777.805	(26.847.667.323)
Thay đổi chi phí trả trước	12	4.999.248.934	29.252.244.222
Tiền lãi vay đã trả	14	(75.002.335.969)	(137.311.614.606)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(17.564.304.121)	(444.966.561.311)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	839.444.000	347.840.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(145.201.619.740)	(110.080.458.665)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	350.775.707.556	(1.484.922.863.135)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(421.783.005.035)	(372.222.053.771)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	167.835.657	486.264.858
3. Tiền chi cho các khoản tiền gửi ngân hàng	23	(3.465.000.000.000)	(2.794.000.000.000)
4. Tiền thu từ các khoản tiền gửi ngân hàng	24	3.520.000.000.000	3.754.650.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(90.000.000.000)
6. Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	602.386.987.286	523.274.174.293
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	235.771.817.908	1.022.188.385.380
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	2.188.554.652.649	423.951.363.317
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(2.615.841.280.491)	(1.138.669.012.599)
3. Tiền chi trả cổ tức	36	(50.662.114.495)	(40.056.165.815)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(477.948.742.337)	(754.773.815.097)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	108.598.783.127	(1.217.508.292.852)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	510.183.037.967	1.727.691.330.819
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)	70	618.781.821.094	510.183.037.967

Trần Nguyễn Khánh Linh
Người lập biểu

Vũ Phương Thảo
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thanh Hương
Phó Tổng Giám đốc
Ngày 31 tháng 3 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Cấu trúc của Tổng Công ty bao gồm Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty Cổ phần (“Công ty mẹ”), hai công ty con và bốn công ty liên kết. Thông tin về các công ty trong Tổng Công ty cụ thể như sau:

Công ty mẹ

Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty Cổ phần là một công ty cổ phần được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty mẹ – Tổng Công ty Phát điện 3 theo Quyết định số 9494/QĐ–BCT ngày 22 tháng 10 năm 2014 của Bộ Công thương và được phê duyệt quyết toán cổ phần hóa theo Quyết định số 673/QĐ–UBQLV ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

Công ty mẹ hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3502208399 đăng ký lần đầu do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 26 tháng 11 năm 2012 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi gần nhất, lần thứ 9, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 5 tháng 10 năm 2021.

Cổ phiếu của Công ty mẹ được niêm yết và giao dịch trên thị trường UPCoM từ ngày 14 tháng 3 năm 2018 với mã giao dịch cổ phiếu là “PGV” theo Quyết định số 114/QĐ–SGDHN ngày 14 tháng 3 năm 2018 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và được chấp thuận niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 731/QĐ–SGDHCM ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày chính thức giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là ngày 10 tháng 02 năm 2022.

Trụ sở chính của Công ty mẹ đặt tại số 60–66 đường Nguyễn Cơ Thạch, Khu đô thị Sala, Phường An Lợi Đông, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty mẹ và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 2.740 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 2.711 người).

Các chi nhánh hạch toán phụ thuộc Công ty mẹ, gồm:

- Công ty Thủy điện Buôn Kuốp tại Số 22, Đường Mai Xuân Thưởng, Phường Thành Nhất, Thành phố Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam;
- Công ty Nhiệt điện Mông Dương tại Khu 8, Phường Mông Dương, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam;
- Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ tại Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, Phường Phú Mỹ, Thành phố Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam;
- Công ty Nhiệt điện Vĩnh Tân tại Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 2, Thôn Vĩnh Phúc, Xã Vĩnh Tân, Huyện Tuy Phong, Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam;
- Công ty Dịch vụ Sửa chữa các Nhà máy điện EVNGENCO3 tại Số 1228 Độc Lập, Phường Phú Mỹ, Thành phố Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam;

Ban Quản lý Dự án Nhiệt điện Vĩnh Tân tại Đại lộ Hùng Vương, Khu phố 5, Phường Phú Thủy, Thành phố Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam;

► Ban Quản lý Dự án Nhiệt điện 1 tại Khu 8, Phường Mông Dương, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam. Tổng Công ty đã chấm dứt hoạt động chi nhánh này từ ngày 11 tháng 02 năm 2025;

Ban Quản lý Dự án Nhiệt điện Thái Bình tại Xã Mỹ Lộc, Huyện Thái Thụy, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam.

Các công ty con và công ty liên kết của Công ty mẹ bao gồm:

TÊN CÔNG TY	NƠI THÀNH LẬP VÀ ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG	TỶ LỆ PHẦN SỞ HỮU	TỶ LỆ QUYỀN BIỂU QUYẾT NẮM GIỮ	HOẠT ĐỘNG CHÍNH
		%	%	
Công ty con				
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa	Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	79,56	79,56	Sản xuất và kinh doanh điện năng
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình	Tỉnh Ninh Bình	54,76	54,76	Sản xuất và kinh doanh điện năng
Công ty liên kết				
Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà	Tỉnh Yên Bái	30,00	30,00	Sản xuất và kinh doanh điện năng
Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh	Tỉnh Bình Định	30,55	30,55	Sản xuất và kinh doanh điện năng
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Sê San 3A	Tỉnh Gia Lai	30,00	30,00	Sản xuất và kinh doanh điện năng
Công ty Cổ phần Simacai	Tỉnh Lào Cai	28,64	36,00	Sản xuất điện

Các công ty con

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 2744/QĐ–BC ngày 26 tháng 8 năm 2005 của Bộ Công thương và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3500701305 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 01 tháng 11 năm 2007. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa là sản xuất và kinh doanh điện năng.

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Nhiệt điện Ninh Bình theo Quyết định số 0421/QĐ–BCT ngày 31 tháng 8 năm 2007 của Bộ Công thương và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2700283389 đăng ký lần đầu ngày 31 tháng 12 năm 2007. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình là sản xuất và kinh doanh điện năng.

Các công ty liên kết

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5200240495 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Yên Bái cấp lần đầu ngày 31 tháng 3 năm 2006. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà là sản xuất và kinh doanh điện năng.

Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước – Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh, là một đơn vị hạch toán phụ thuộc của Tập đoàn Điện lực Việt Nam (“EVN”). Nhà máy chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3503000058 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Định cấp ngày 04 tháng 5 năm 2005. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh là sản xuất và kinh doanh điện năng.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Sê San 3A chính thức đi vào hoạt động ngày 01 tháng 11 năm 2003 theo Công văn số 1391/CP–CN ngày 10 tháng 10 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5900308540 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp ngày 01 tháng 9 năm 2003. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Sê San 3A là sản xuất và kinh doanh điện năng.

Công ty Cổ phần Simacai thành lập ngày 08 tháng 8 năm 2018 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5300755744 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Lào Cai cấp. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Simacai là đầu tư, xây dựng, quản lý và vận hành công trình thủy điện.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động chính của Tổng Công ty là sản xuất, kinh doanh điện năng; quản lý vận hành sửa chữa bảo dưỡng, đại tu, cải tạo, nâng cấp thiết bị điện, công trình điện. Ngoài ra, Tổng Công ty còn hoạt động trong một số lĩnh vực khoa học, công nghệ, nghiên cứu triển khai, đào tạo phục vụ cho hoạt động chính.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Thuyết minh về thông tin so sánh trên báo cáo tài chính hợp nhất

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất số liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ và báo cáo tài chính của các công ty con của Tổng Công ty.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập trình bày báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Tổng Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty mẹ và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa Công ty mẹ với các công ty con và giữa các công ty con với nhau được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Tổng Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty trong Tổng Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết của Tổng Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Tổng Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, và các khoản đầu tư ngắn hạn (không quá 3 tháng), có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chỉ bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng tổn thất đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn. Dự phòng của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo giá gốc trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư (nếu có). Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho chủ yếu bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất khi có bằng chứng tin cậy giá ghi sổ của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 50
Máy móc, thiết bị	05 – 20
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	06 – 30
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 10
Tài sản cố định khác	05 – 10

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu phát sinh trong quá trình đàm phán ký hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận vào chi phí trong kỳ khi phát sinh hoặc phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê phù hợp với việc ghi nhận doanh thu cho thuê hoạt động.

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình bao gồm giá trị quyền sử dụng đất (kể cả các chi phí bỏ ra để có được quyền sử dụng đất), phần mềm máy tính và bản quyền chuyển giao công nghệ.

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, như sau:

	Số năm
Phần mềm máy tính	03 – 10
Giá trị quyền sử dụng đất có thời hạn	42 – 50
Bản quyền, bằng sáng chế	03 – 10
Tài sản cố định vô hình khác	03 – 10

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang là giá trị mua sắm tài sản cố định chưa nghiệm thu đưa vào sử dụng, các công trình đầu tư xây dựng và sửa chữa lớn dở dang tại các đơn vị trong Tổng Công ty, được xác định trên cơ sở chi phí thực tế phát sinh đối với các công trình tự làm hoặc theo khối lượng thực tế thanh toán với bên thi công trên cơ sở phiếu giá, hóa đơn cho khối lượng hoàn thành hoặc hạng mục bàn giao đối với các công trình thuê bên ngoài thực hiện, bao gồm chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (trong trường hợp chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản này được bàn giao đưa vào sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Các khoản trả trước bao gồm chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn.

Chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm khoản chi phí bảo hiểm, và các chi phí khác.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí liên quan đến đất thuê và các chi phí khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng theo các quy định hiện hành.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn

Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn phản ánh giá trị thuần của thiết bị, vật tư, phụ tùng dùng để dự trữ, thay thế, phòng ngừa hư hỏng của tài sản nhưng không đủ tiêu chuẩn để phân loại là tài sản cố định và có thời gian dự trữ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường.

Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là khoản doanh thu nhận trước liên quan đến một hay nhiều niên độ kế toán về cho thuê tài sản. Tổng Công ty ghi nhận các khoản doanh thu chưa thực hiện tương ứng với phần nghĩa vụ mà Tổng Công ty sẽ phải thực hiện trong tương lai. Khi các điều kiện ghi nhận doanh thu được thỏa mãn, doanh thu chưa thực hiện sẽ được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm tương ứng với phần thỏa mãn điều kiện ghi nhận doanh thu đó.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của Tổng Công ty chủ yếu là Doanh thu bán điện. Doanh thu bán điện được xác định dựa trên Tổng sản lượng điện phát và giá bán điện được quy định tại từng hợp đồng mua bán điện của mỗi nhà máy điện.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ (không bao gồm các khoản công nợ nội bộ có gốc ngoại tệ) tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm trừ vào chi phí đi vay phát sinh khi vốn hoá. Đối với khoản vay phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Chi phí sửa chữa lớn

Tổng Công ty hạch toán chi phí sửa chữa lớn vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm khi công trình sửa chữa lớn hoàn thành. Nếu công trình có nhiều hạng mục:

- Trường hợp các hạng mục có thể hoạt động độc lập, Tổng Công ty hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính tương ứng với thời điểm từng hạng mục sửa chữa lớn hoàn thành, nghiệm thu đưa vào sử dụng.
- Trường hợp các hạng mục thuộc công trình sửa chữa lớn không hoạt động độc lập với nhau, Tổng Công ty hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính tương ứng khi thời điểm toàn bộ công trình sửa chữa lớn hoàn thành, nghiệm thu đưa vào sử dụng.

Các chi phí liên quan đến quá trình chuẩn bị công tác sửa chữa (chi phí tư vấn, khảo sát, thẩm định...) công trình, hạng mục sửa chữa lớn: Tổng Công ty hạch toán chi phí đồng bộ với thời điểm hạch toán chi phí sản xuất kinh doanh khi công trình, hạng mục sửa chữa lớn hoàn thành, nghiệm thu đưa vào sử dụng như nêu trên.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập tính thuế trong năm. Thu nhập tính thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	SỐ CUỐI NĂM VND	SỐ ĐẦU NĂM VND
Tiền mặt	2.309.858.355	3.719.392.191
Tiền gửi ngân hàng	368.471.962.739	385.463.645.776
Các khoản tương đương tiền (*)	248.000.000.000	121.000.000.000
	618.781.821.094	510.183.037.967

(*) Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam tại các ngân hàng thương mại với kỳ hạn gốc không quá 3 tháng, hưởng lãi suất theo quy định tại từng hợp đồng tiền gửi.

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a. Đầu tư tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn

	SỐ CUỐI NĂM GIÁ GỐC VÀ GIÁ TRỊ GHI SỔ VND	SỐ ĐẦU NĂM GIÁ GỐC VÀ GIÁ TRỊ GHI SỔ VND
Ngắn hạn		
Tiền gửi có kỳ hạn	2.880.000.000.000	2.935.000.000.000

Khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn từ 6 tháng đến 12 tháng được hưởng lãi suất theo quy định tại hợp đồng tiền gửi.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, khoản tiền gửi có kỳ hạn với giá trị 900 tỷ đồng đang được sử dụng để làm tài sản đảm bảo cho các thư tín dụng, thư bảo lãnh được phát hành theo Hợp đồng hạn mức tín dụng của Tổng Công ty với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 625,2 tỷ đồng).

b. Đầu tư vào công ty liên kết

Giá trị ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu của các khoản đầu tư vào công ty liên kết tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	SỐ CUỐI NĂM VND	SỐ ĐẦU NĂM VND
Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh	1.430.748.282.125	1.406.121.780.238
Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà	322.819.661.238	319.362.809.598
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Sê San 3A	166.417.691.371	169.348.178.464
Công ty Cổ phần Simacai	90.000.000.000	90.000.000.000
	2.009.985.634.734	1.984.832.768.300

Giá trị các khoản đầu tư vào công ty liên kết biến động trong năm như sau:

	NĂM NAY VND	NĂM TRƯỚC VND
Số dư đầu năm	1.984.832.768.300	2.026.710.839.437
Tăng trong năm	–	90.000.000.000
Phản lãi trong công ty liên kết	207.500.439.934	375.725.222.863
Cổ tức đã chia	(182.347.573.500)	(507.603.294.000)
Số dư cuối năm	2.009.985.634.734	1.984.832.768.300

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

(c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

TỶ LỆ SỞ HỮU		SỐ CUỐI NĂM		SỐ ĐẦU NĂM	
		%	GIÁ TRỊ GHI SỔ VND	GIÁ TRỊ HỢP LÝ (**) VND	DỰ PHÒNG VND
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	1,99		114.770.927.800	146.566.804.743	-
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng	1,60		108.730.000.000	130.733.333.333	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn	19,89		83.750.000.000	371.085.420.167	-
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	2,47		83.094.784.000	149.204.224.000	-
Công ty TNHH Dịch vụ Năng lượng GE PMTP	15,00		74.463.661.588	(*)	-
Công ty Cổ phần Phú Thạnh Mỹ	6,43		50.000.000.000	(*)	-
Công ty Cổ phần Điện Việt Lào	0,45		19.600.000.000	(*)	-
Công ty Cổ phần dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện Miền Bắc	1,14		2.500.000.000	(*)	-
			536.909.373.388	536.909.373.388	(964.023.046)

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tổng Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính để thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất vì khoản đầu tư này không có giá niêm yết trên thị trường. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(**) Đối với các khoản đầu tư có cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“HoSE”) hoặc Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hà Nội (“HNX”), giá trị hợp lý của các cổ phiếu này được xác định bằng cách tham khảo giá đóng cửa trên thị trường chứng khoán tại ngày kết thúc năm tài chính. Đối với các khoản đầu tư có cổ phiếu được giao dịch trên thị trường của những công ty đại chúng chưa niêm yết (“UPCoM”), giá trị hợp lý của các cổ phiếu này được xác định bằng cách tham khảo giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5700434869 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 16 tháng 12 năm 2002. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh là sản xuất và kinh doanh điện năng.

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200493225 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp ngày 17 tháng 9 năm 2002. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng là sản xuất và kinh doanh điện năng.

Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6000884487 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 20 tháng 5 năm 2009. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn là sản xuất và kinh doanh điện năng.

Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4703000396 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp ngày 20 tháng 6 năm 2007. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 là sản xuất và kinh doanh điện năng.

Công ty TNHH Dịch vụ Năng lượng GE PMTP được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3502208825 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 05 tháng 10 năm 2012. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty TNHH Dịch vụ Năng lượng GE PMTP là sửa chữa máy móc thiết bị.

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Công ty Cổ phần Phú Thạnh Mỹ được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4000455251 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Nam cấp ngày 17 tháng 01 năm 2007. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Phú Thạnh Mỹ là sản xuất và kinh doanh điện năng.

Công ty Cổ phần Điện Việt Lào được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0103002575 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 11 tháng 7 năm 2003. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Điện Việt Lào là sản xuất và kinh doanh điện năng.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện Miền Bắc được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0800383471 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hải Dương cấp ngày 17 tháng 7 năm 2007. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện Miền Bắc là sửa chữa, bảo dưỡng, thí nghiệm, hiệu chỉnh các thiết bị nhà máy điện và các thiết bị công nghiệp khác tương đương.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	SỐ CUỐI NĂM VND	SỐ ĐẦU NĂM VND
Các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 33)	9.361.013.625.554	9.061.184.424.889
Các bên thứ ba	60.753.610.661	56.757.493.801
	9.421.767.236.215	9.117.941.918.690

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	SỐ CUỐI NĂM VND	SỐ ĐẦU NĂM VND
Phải thu về chi hộ	436.802.257.044	214.521.297.043
Thuế giá trị gia tăng đầu vào chưa kê khai	191.754.421.419	85.235.880.603
Lãi tiền gửi dự thu	60.846.034.404	100.469.931.370
Phải thu về cổ tức	58.964.851.500	247.360.392.250
Khác	67.231.144.383	84.003.750.600
	815.598.708.750	731.591.251.866
Trong đó:		
Phải thu khác từ bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 33)	499.834.558.112	463.072.961.659

8. HÀNG TỒN KHO

	SỐ CUỐI NĂM VND	SỐ ĐẦU NĂM VND
Hàng mua đang đi đường	32.647.860.158	96.822.955.154
Nguyên liệu, vật liệu	2.255.229.845.665	2.813.903.126.870
Công cụ, dụng cụ	120.351.901.519	139.177.253.796
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	45.828.244.555	45.237.312.247
Thành phẩm	311.123.067	383.603.623
	2.454.368.974.964	3.095.524.251.690
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(54.018.835)	(28.825.597)
	2.454.314.956.129	3.095.495.426.093

Trong năm, Tổng Công ty trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là 25.193.238 đồng (năm 2023, Tổng Công ty hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho là 2.295.643.053 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

9. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

NGUYÊN GIÁ		NHÀ CỬA, VẬT KIẾN TRÚC	MÁY MÓC, THIẾT BỊ	PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI, THIẾT BỊ TRUYỀN DẪN	THIẾT BỊ DÙNG CỤ QUẢN LÝ	KHÁC	TỔNG CỘNG
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm	20.710.192.265.739		87.109.128.712.739	6.791.093.814.186	397.641.212.124	39.609.192.913	115.047.665.197.701
Tăng trong năm	6.076.041.715		335.365.711.162	25.795.310.371	37.373.161.977	-	404.610.225.225
Đầu tư xây dựng bàn giao	1.974.574.344		35.256.256	-	-	-	2.009.830.600
Mua sắm mới	123.006.048		335.141.125.699	25.358.768.509	36.863.983.797	-	397.486.884.053
Phân loại lại	-		35.024.400	-	509.178.180	-	544.202.580
Lý do khác	3.978.461.323		154.304.807	436.541.862	-	-	4.569.307.992
Giảm trong năm	35.024.400		9.404.288.387	1.764.801.483	3.924.313.519	72.863.636	15.201.291.425
Thanh lý, nhượng bán	-		3.863.085.109	1.764.801.483	3.924.313.519	72.863.636	9.625.063.747
Phân loại lại	35.024.400		509.178.180	-	-	-	544.202.580
Lý do khác	-		5.032.025.098	-	-	-	5.032.025.098
Số dư cuối năm	20.716.233.283.054		87.435.090.135.514	6.815.124.323.074	431.090.060.582	39.536.329.277	115.437.074.131.501
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ							
Số dư đầu năm	9.859.792.278.594		63.847.436.755.979	4.518.028.625.125	278.630.317.123	22.715.482.957	78.526.603.459.778
Tăng trong năm	698.732.304.553		3.431.159.188.124	313.379.845.542	47.391.759.927	4.850.921.724	4.495.514.019.870
Trích khấu hao	697.801.328.462		3.431.023.108.472	313.379.845.542	47.388.329.359	4.850.921.724	4.494.443.533.559
Tính hao mòn	930.976.091		136.079.652	-	3.430.568	-	1.070.486.311
Giảm trong năm	-		3.864.560.269	1.764.801.483	3.924.313.519	72.863.636	9.626.538.907
Thanh lý, nhượng bán	-		3.863.085.109	1.764.801.483	3.924.313.519	72.863.636	9.625.063.747
Lý do khác	-		1.475.160	-	-	-	1.475.160
Số dư cuối năm	10.558.524.583.147		67.274.731.383.834	4.829.643.669.184	322.097.763.531	27.493.541.045	83.012.490.940.741
GIÁ TRỊ CÒN LẠI							
Tại ngày đầu năm	10.850.399.987.145		23.261.691.956.760	2.273.065.189.061	119.010.895.001	16.893.709.956	36.521.061.737.923
Tại ngày cuối năm	10.157.708.699.907		20.160.358.751.680	1.985.480.653.890	108.992.297.051	12.042.788.232	32.424.583.190.760

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình của Tổng Công ty đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 38.070 tỷ đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 37.861 tỷ đồng).

Như trình bày tại Thuyết minh số 19, Tổng Công ty đã thế chấp một số tài sản để đảm bảo cho các khoản tiền vay dài hạn từ các ngân hàng. Giá trị còn lại của tài sản này tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 13.976 tỷ đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 15.967 tỷ đồng).

10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT	PHẦN MỀM MÁY TÍNH	BẢN QUYỀN BẢNG SÁNG CHẾ	KHÁC	TỔNG CỘNG
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	549.142.352.328	76.720.163.898	17.418.486.148	15.545.982.343	658.826.984.717
Mua sắm mới	-	2.398.383.952	-	11.434.500.000	13.832.883.952
Thanh lý nhượng bán	-	(137.200.123)	-	-	(137.200.123)
Số dư cuối năm	549.142.352.328	78.981.347.727	17.418.486.148	26.980.482.343	672.522.668.546
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu năm	9.952.807.285	39.591.221.859	14.485.973.501	2.983.701.643	67.013.704.288
Trích khấu hao	1.041.018.444	9.806.728.249	2.793.618.375	1.912.252.591	15.553.617.659
Thanh lý nhượng bán	-	(97.351.175)	-	-	(97.351.175)
Số dư cuối năm	10.993.825.729	49.300.598.933	17.279.591.876	4.895.954.234	82.469.970.772
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu năm	539.189.545.043	37.128.942.039	2.932.512.647	12.562.280.700	591.813.280.429
Tại ngày cuối năm	538.148.526.599	29.680.748.794	138.894.272	22.084.528.109	590.052.697.774

Nguyên giá tài sản cố định vô hình của Tổng Công ty đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 34,1 tỷ đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 26,5 tỷ đồng).

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
	VND	VND
Sửa chữa lớn tài sản cố định dở dang	415.392.700.541	3.905.884.878
Mua sắm tài sản cố định chưa nghiệm thu đưa vào sử dụng	150.325.066.396	16.388.457.300
Khác	46.847.380.335	4.819.843.680
	612.565.147.272	25.114.185.858

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
	VND	VND
Chi phí liên quan đến đất thuê	205.514.112.469	212.957.279.965
Chi phí trả trước khác	54.536.932.758	53.057.006.278
	260.051.045.227	266.014.286.243

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	SỐ CUỐI NĂM VND	SỐ ĐẦU NĂM VND
Phải trả người bán là bên thứ ba	5.601.238.426.363	4.083.730.471.492
Công ty Vận chuyển khí Đông Nam Bộ	2.381.265.710.286	1.903.565.681.722
Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam	1.676.034.331.355	1.017.969.878.853
Tổng Công ty Đông Bắc	898.484.550.778	374.868.084.314
Khác	645.453.833.944	787.326.826.603
Phải trả người bán là bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 33)	8.814.570.630	17.712.194.561
	5.610.052.996.993	4.101.442.666.053

Tất cả các khoản nợ phải trả người bán ngắn hạn đều có thể được Tổng Công ty chi trả khi đến hạn.

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

MẪU SỐ B 09-DN/HN

	SỐ ĐẦU NĂM VND	SỐ PHẢI NỘP TRONG NĂM VND	SỐ ĐÃ NỘP TRONG NĂM VND	PHÂN LOẠI LẠI VND	SỐ CUỐI NĂM VND
a. Thuế và các khoản phải thu nhà nước					
Thuế giá trị gia tăng	8.255.137.460	-	-	(6.407.954.355)	1.847.183.105
Thuế thu nhập doanh nghiệp	65.904.635.670	-	-	11.517.578.259	77.422.213.929
Thuế thu nhập cá nhân	3.094.139.232	-	-	(1.885.542.735)	1.208.596.497
Thuế nhà đất, tiền thuế đất	4.498.763.119	-	-	(4.103.490.284)	395.272.835
	81.752.675.481	-	-	(879.409.115)	80.873.266.366

	SỐ ĐẦU NĂM VND	SỐ PHẢI NỘP TRONG NĂM VND	SỐ ĐÃ NỘP TRONG NĂM VND	PHÂN LOẠI LẠI VND	SỐ CUỐI NĂM VND
b. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước					
Thuế giá trị gia tăng	13.359.342.437	266.647.843.525	249.957.543.482	(6.407.954.355)	23.641.688.125
Thuế nhập khẩu	-	17.146.915.965	17.146.915.965	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.002.822.526	5.050.529.429	17.564.304.121	11.517.578.259	1.006.626.093
Thuế thu nhập cá nhân	2.767.578.381	45.117.135.428	39.190.415.685	(1.885.542.735)	6.808.755.389
Thuế tài nguyên	29.443.377.083	359.456.045.640	355.229.072.311	-	33.670.350.412
Thuế nhà đất, tiền thuế đất	-	27.644.512.804	23.541.022.520	(4.103.490.284)	-
Phí dịch vụ môi trường rừng	35.402.619.852	92.129.594.274	95.234.887.128	-	32.297.326.998
Các khoản phí, lệ phí và thuế khác	2.310.781.949	84.194.518.728	83.192.840.135	-	3.312.460.542
	85.286.522.228	897.387.095.793	881.057.001.347	(879.409.115)	100.737.207.559

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	SỐ CUỐI NĂM VND	SỐ ĐẦU NĂM VND
Chi phí nhiên liệu	363.093.629.124	187.800.622.455
Chi phí lãi vay phải trả	57.187.401.603	14.809.462.325
Chi phí phải trả khác	22.573.920.400	13.521.886.564
	442.854.951.127	216.131.971.344

16. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023, doanh thu chưa thực hiện chủ yếu là khoản doanh thu cung cấp dịch vụ công trình cơ sở hạ tầng dùng chung tại Trung tâm Điện lực Vĩnh Tân nhận trước từ các khách hàng, trong đó có bên liên quan là Nhà máy điện Vĩnh Tân 4 (Chi tiết tại Thuyết minh số 33).

17. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	SỐ CUỐI NĂM VND	SỐ ĐẦU NĂM VND
Phải trả về lãi vay, phí vay lại của EVN	453.367.476.463	668.111.256.215
Phải trả khác cho EVN	113.640.810.866	-
Phải trả EVN về lợi nhuận giai đoạn TNHH MTV	105.309.770.614	154.148.830.896
Phải trả từ bán cổ phần	29.428.264.877	29.428.264.877
Phải trả khác về chi phí nhiên liệu	28.661.320.770	-
Cổ tức phải trả	9.509.543.622	22.746.804.061
Khác	47.763.583.910	18.398.339.406
	787.680.771.122	892.833.495.455
Trong đó:		
Bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 33)	687.029.701.038	696.060.159.749

18. VAY NGẮN HẠN

	SỐ ĐẦU NĂM VND	TĂNG TRONG NĂM VND	GIẢM TRONG NĂM VND	PHẦN LOẠI LẠI TRONG NĂM VND	ĐÁNH GIÁ LẠI GỐC NGOẠI TỆ CUỐI NĂM VND	SỐ CUỐI NĂM VND
Vay ngắn hạn	49.816.779.550	683.576.388.635	(733.393.168.185)	-	-	-
Vay ngắn hạn	49.816.779.550	683.576.388.635	(733.393.168.185)	-	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả (Chi tiết tại Thuyết minh số 19)	5.285.015.888.408	-	(5.791.977.550.462)	6.190.605.386.989	201.153.053.932	5.884.796.778.867
Vay ngắn hạn	418.002.305.412	-	(427.351.555.922)	235.660.802.871	-	226.311.552.361
Vay bên liên quan	4.867.013.582.996	-	(5.364.625.994.540)	5.954.944.584.118	201.153.053.932	5.658.485.226.506
	5.334.832.667.958	683.576.388.635	(6.525.370.718.647)	6.190.605.386.989	201.153.053.932	5.884.796.778.867

Tổng Công ty có các Hợp đồng hạn mức tín dụng với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam với tổng hạn mức tín dụng 2.550.000.000.000 đồng để đảm bảo phát hành L/C, bảo lãnh và tài trợ vốn lưu động. Lãi suất của các khoản vay được xác định theo từng lần giải ngân. Tổng Công ty sử dụng các Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn để đảm bảo cho các Thư tín dụng. Thư bảo lãnh được phát hành theo Hợp đồng hạn mức tín dụng của Tổng Công ty với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (xem Thuyết minh số 5).

19. VAY DÀI HẠN

	SỐ ĐẦU NĂM VND	TĂNG TRONG NĂM VND	GIẢM TRONG NĂM VND	PHẦN LOẠI LẠI TRONG NĂM VND	ĐÁNH GIÁ LẠI GỐC NGOẠI TỆ CUỐI NĂM VND	SỐ CUỐI NĂM VND
Vay ngân hàng (*)	469.171.647.882	2.089.210.045.766	-	(235.660.802.871)	-	2.322.720.890.777
Vay bên liên quan (**)	30.206.285.580.617	-	(1.492.837.237.075)	(5.954.944.584.118)	928.526.326.744	23.687.030.086.168
	30.675.457.228.499	2.089.210.045.766	(1.492.837.237.075)	(6.190.605.386.989)	928.526.326.744	26.009.750.976.945

Tổng Công ty đã thực hiện tái tài trợ một phần khoản vay Ngân hàng Xuất nhập khẩu Hàn Quốc với số tiền 81.508.994,62 Đô la Mỹ từ Hợp đồng vay số 01/2024/HĐTH/EVNGENCO3-VCB ký ngày 11 tháng 6 năm 2024 với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam với giá trị giải ngân là 2.075 tỷ đồng. Theo đó, Tổng Công ty đã trả nợ khoản vay Ngân hàng Xuất nhập khẩu Hàn Quốc với số tiền là 1.990 tỷ đồng.

Tại ngày 16 tháng 12 năm 2024, Tổng Công ty đã thông qua việc thực hiện tái cấu trúc một phần khoản vay Ngân hàng Xuất nhập khẩu Hàn Quốc từ Hợp đồng vay vốn với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội. Ngày 18 tháng 02 năm 2025, Tổng Công ty đã giải ngân 1.047 tỷ đồng (tương đương 40.754.497,26 Đô la Mỹ) từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội để thanh toán khoản vay Ngân hàng Xuất nhập khẩu Hàn Quốc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

(*) Chi tiết số dư của các khoản vay ngân hàng như sau:

	NGUYÊN TỆ	NĂM ĐÁO HẠN	SỐ CUỐI NĂM VND	SỐ ĐẦU NĂM VND
Dự án Nhà máy Nhiệt điện Mông Dương 1				
Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam	VND	2024	–	24.225.127.186
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	VND	2028	2.074.055.985.036	–
Dự án Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 2				
Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Sở giao dịch I	VND	2024	–	94.000.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	VND	2025	168.521.659.488	393.217.205.472
Dự án Nhà máy Thủy điện Buôn Kuốp				
Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội	VND	2025	10.000.000.000	50.000.000.000
Dự án Nhà máy Điện mặt trời Vĩnh Tân 2				
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	VND	2031	282.300.737.884	325.731.620.636
Dự án Đầu tư Mở rộng mái che kho than Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 2 – Giai đoạn 2				
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	VND	2029	14.154.060.730	–
			2.549.032.443.138	887.173.953.294
Trừ: Vay dài hạn đến hạn trả			(226.311.552.361)	(418.002.305.412)
Số phải trả sau 12 tháng			2.322.720.890.777	469.171.647.882

Tài sản thế chấp cho khoản vay của Dự án Nhiệt điện Mông Dương 1 từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam là máy móc thiết bị thuộc Nhà máy Nhiệt điện Phú Mỹ 4 (xem Thuyết minh số 9).

Tài sản thế chấp cho khoản vay của Dự án Nhà máy Điện mặt trời Vĩnh Tân 2 gồm máy móc thiết bị của Nhà máy Điện mặt trời Vĩnh Tân 2 (xem Thuyết minh số 9); quyền đòi nợ phát sinh từ hợp đồng mua bán điện Nhà máy Điện mặt trời Vĩnh Tân 2 ký giữa Tổng Công ty và Tập đoàn Điện lực Việt Nam; các khoản thu được từ khu đất của Nhà máy Điện mặt trời Vĩnh Tân 2 tại xã Vĩnh Tân, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận.

Các khoản vay còn lại được đảm bảo thanh toán bởi Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

Lãi suất các khoản vay ngân hàng này được xác định theo thông báo của ngân hàng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, các khoản vay ngân hàng nêu trên có lãi suất từ 6,53%/năm đến 7,60%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 6,9%/năm đến 9,2%/năm).

(**) Chi tiết số dư của các khoản vay lại từ EVN như sau:

	NGUYÊN TỆ	NĂM ĐÁO HẠN	SỐ CUỐI NĂM VND	SỐ ĐẦU NĂM VND
Dự án Nhà máy Nhiệt điện Mông Dương 1				
Ngân hàng Phát triển Châu Á	USD	2032	346.246.097.465	359.473.237.108
Ngân hàng Phát triển Châu Á	USD	2034	16.649.375.325.083	16.807.208.953.946
Ngân hàng Xuất nhập khẩu Hàn Quốc	USD	2025	1.561.977.239.235	4.478.511.706.343
Dự án Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 2				
Ngân hàng Xuất nhập khẩu Trung Quốc	USD	2027	2.299.511.789.667	2.930.300.334.898
Ngân hàng Xuất nhập khẩu Trung Quốc	CNY	2027	531.945.698.813	731.468.118.816
Ngân hàng Xuất nhập khẩu Trung Quốc	USD	2028	6.477.111.189.979	7.738.007.052.217
Dự án Nhà máy Thủy điện Buôn Kuốp				
Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản	JPY	2026	17.507.801.934	27.796.744.033
Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản	JPY	2028	19.424.424.391	26.434.048.170
Dự án Nhà máy Nhiệt điện Phú Mỹ 1				
Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản	JPY	2028	1.306.949.807.699	1.778.584.210.206
Dự án đuôi hơi 306–2 Nhà máy Điện Bà Rịa				
Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Bà Rịa – Vũng Tàu	KWR	2027	135.465.938.408	195.514.757.876
			29.345.515.312.674	35.073.299.163.613
Trừ: Vay dài hạn đến hạn trả			(5.658.485.226.506)	(4.867.013.582.996)
Số phải trả sau 12 tháng			23.687.030.086.168	30.206.285.580.617

Tài sản thế chấp cho khoản vay của Dự án Nhà máy Nhiệt điện Mông Dương 1 là toàn bộ giá trị công trình xây dựng của Nhà máy Nhiệt điện Mông Dương 1 (xem Thuyết minh số 9).

Lãi suất các khoản vay lại từ EVN bằng đồng Đô la Mỹ được xác định theo thông báo của ngân hàng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, các khoản vay này có lãi suất từ 3,45%/năm đến 9,26%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: từ 3,45%/năm đến 10,41%/năm).

Các khoản vay lại khác từ EVN có lãi suất cố định theo quy định của từng hợp đồng vay với lãi suất từ 1,15%/năm đến 3,45%/năm.

Các khoản vay được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	SỐ CUỐI NĂM VND	SỐ ĐẦU NĂM VND
Trong vòng một năm	5.884.796.778.867	5.285.015.888.408
Trong năm thứ hai	4.771.026.229.668	5.191.883.242.109
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	10.712.886.608.205	13.873.386.659.397
Sau năm năm	10.525.838.139.072	11.610.187.326.993
	31.894.547.755.812	35.960.473.116.907
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (Chi tiết tại Thuyết minh số 18)	(5.884.796.778.867)	(5.285.015.888.408)
Số phải trả sau 12 tháng	26.009.750.976.945	30.675.457.228.499

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

20. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	SỐ CUỐI NĂM VND	SỐ ĐẦU NĂM VND
Quỹ khen thưởng	212.774.445.593	174.971.433.817
Quỹ phúc lợi	240.269.757.082	232.268.389.568
Quỹ phúc lợi đã hình thành tài sản cố định	7.210.255.756	4.228.084.744
Quỹ thưởng Ban quản lý điều hành	418.119.805	1.090.140.372
	460.672.578.236	412.558.048.501

Thay đổi trong Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	NĂM NAY VND	NĂM TRƯỚC VND
Số dư đầu năm	412.558.048.501	316.327.466.686
Trích quỹ từ lợi nhuận	189.490.999.881	206.751.888.492
Tăng khác	839.444.000	347.840.000
Sử dụng trong năm	(141.145.427.835)	(110.080.458.665)
Khấu hao tài sản cố định hình thành từ quỹ phúc lợi	(1.070.486.311)	(788.688.012)
Số dư cuối năm	460.672.578.236	412.558.048.501

21. VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, vốn điều lệ của Công ty mẹ là 11.234.680.460.000 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 11.234.680.460.000 đồng). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ.

Số lượng cổ phiếu

	SỐ CUỐI NĂM SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU	SỐ ĐẦU NĂM SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU
Cổ phiếu đã phát hành và đang lưu hành	1.123.468.046	1.123.468.046

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu. Công ty mẹ chỉ có một loại cổ phiếu phổ thông không hưởng cổ tức cố định. Cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỷ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phiếu sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty mẹ. Tất cả các cổ phiếu đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Công ty mẹ.

Chi tiết các cổ đông tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

TẠI NGÀY ĐẦU NĂM VÀ CUỐI NĂM CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG			%
EVN	1.114.422.994		99,19
Các cổ đông khác	9.045.052		0,81
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	1.123.468.046		100

MẪU SỐ B 09–DN/HN

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu:

	VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU		THẶNG DƯ VỐN CỔ PHẦN	VỐN KHÁC CỦA CHỦ SỞ HỮU	QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	QUỸ KHÁC THUỘC VỐN CHỦ SỞ HỮU	LỢI NHUẬN SAU THUẾ CHƯA PHÂN PHỐI	LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT		TỔNG CỘNG
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	11.234.680.460.000	6.014.917.945	50.811.630.001	-	1.315.934.828.273	15.748.025.022	4.599.491.275.047	374.041.938.908	17.596.723.075.196	
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	1.065.134.625.680	18.588.681.656	1.083.723.307.336	
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(201.048.527.460)	(5.703.361.032)	(206.751.888.492)	
Sử dụng quỹ đầu tư phát triển	-	-	9.014.253.182	(13.886.160.849)	-	-	-	-	(4.871.907.667)	
Hoàn nhập quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	(389.804.834.183)	-	-	389.804.834.183	-	-	
Chia cổ tức năm 2022	-	-	-	-	-	-	(1605.929.941.888)	(22.402.365.828)	(1.628.332.307.716)	
Chi cổ tức từ nguồn hoàn nhập quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	-	-	(292.101.691.960)	-	(292.101.691.960)	
Tạm ứng cổ tức năm 2023	-	-	-	-	-	-	(771.328.443.449)	(5.934.363.187)	(777.262.806.636)	
Điều chỉnh khác	-	(6.014.917.945)	6.014.917.945	-	-	-	-	-	-	
Số dư đầu năm (Lỗ)/Lợi nhuận trong năm	11.234.680.460.000	-	65.840.801.128	-	912.243.833.241	15.748.025.022	3.184.022.130.153	358.590.530.517	15.771.125.780.061	
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	-	-	-	-	-	(878.388.855.945)	2.820.850.697	(875.568.005.248)	
Trích quỹ đầu tư phát triển (*)	-	-	-	-	-	-	(185.972.489.171)	(3.518.510.710)	(189.490.999.881)	
Chia cổ tức (**)	-	-	-	-	262.171.811.713	-	(262.171.811.713)	-	-	
Kết chuyển lợi nhuận (***)	-	-	-	-	-	-	-	(37.424.854.056)	(37.424.854.056)	
Sử dụng quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	(447.060.640)	-	(105.309.770.614)	-	(105.309.770.614)	
Điều chỉnh khác	-	-	-	-	6.342.132.519	-	-	-	-	
Số dư cuối năm	11.234.680.460.000	-	66.287.861.768	-	1.180.310.716.833	15.748.025.022	1.752.179.202.710	320.468.016.448	14.569.674.282.781	

(*) Căn cứ Nghị quyết số 45/NQ-ĐHĐCĐ ngày 13 tháng 6 năm 2024, Nghị quyết số 519/NQ-NĐBR ngày 14 tháng 5 năm 2024 và Nghị quyết số 304/NQ-ĐHĐCĐ-NBTPC ngày 07 tháng 6 năm 2024 của Đại hội đồng cổ đông thường niên, Công ty mẹ và các Công ty con đã trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ đầu tư phát triển từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2023.

(**) Căn cứ Nghị quyết số 193/NQ-NĐBR ngày 26 tháng 02 năm 2024 và Nghị quyết số 998/NQ-NĐBR ngày 20 tháng 9 năm 2024 của Hội đồng Quản trị, Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa đã chi trả cổ tức bằng tiền theo tỷ lệ là 26,47% vốn điều lệ tương ứng với số tiền là 160.105.383.200 đồng từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được hoàn nhập từ quỹ đầu tư phát triển và lợi nhuận còn lại các năm trước và tỷ lệ 1,45% vốn điều lệ tương ứng với số tiền là 8.770.412.000 đồng từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2023.

Căn cứ Nghị quyết số 304/NQ-ĐHĐCĐ-NBTPC ngày 07 tháng 6 năm 2024 của Đại hội đồng Cổ đông thường niên, Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình đã chia cổ tức bằng tiền theo tỷ lệ là 5% vốn điều lệ, tương ứng với số tiền là 6.432.750.000 đồng từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2023.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

(***) Thực hiện theo Văn bản số 2038/EVN–TCKT ngày 31 tháng 3 năm 2025 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam về việc hạch toán cổ tức có nguồn gốc từ kết quả sản xuất kinh doanh trước thời điểm chuyển thành công ty cổ phần, căn cứ Quyết định số 673/QĐ–UBQLV ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

22. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Tổng Công ty là sản xuất, kinh doanh điện năng trong nước. Hoạt động sản xuất kinh doanh khác của Tổng Công ty chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Tổng Công ty trong năm cũng như các năm tài chính trước. Ban Tổng Giám đốc nhận định rằng, rủi ro kinh doanh và tỷ suất sinh lời của Tổng Công ty không bị tác động bởi những khác biệt về lĩnh vực kinh doanh mà Tổng Công ty cung cấp và khu vực địa lý mà Tổng Công ty hoạt động. Do đó, Tổng Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

23. DOANH THU THUẦN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	NĂM NAY VND	NĂM TRƯỚC VND
Doanh thu thuần về bán điện	40.139.424.427.714	45.498.959.954.021
Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh khác	550.725.510.296	363.235.750.856
	40.690.149.938.010	45.862.195.704.877

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	NĂM NAY VND	NĂM TRƯỚC VND
Giá vốn bán điện	37.231.926.010.474	41.021.367.998.363
Giá vốn về hoạt động kinh doanh khác	478.557.008.925	322.782.282.566
	37.710.483.019.399	41.344.150.280.929

25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	NĂM NAY VND	NĂM TRƯỚC VND
Lãi tiền gửi	134.128.409.820	197.911.669.544
Cổ tức, lợi nhuận được chia	57.891.566.250	91.694.933.915
Lãi chênh lệch tỷ giá	53.978.072.536	45.575.723.821
Khác	–	4.001.620.381
	245.998.048.606	339.183.947.661

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	NĂM NAY VND	NĂM TRƯỚC VND
Chi phí lãi vay	2.261.331.784.676	2.468.022.741.831
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.346.698.584.046	868.381.688.990
Hoàn nhập dự phòng	(964.023.046)	(4.433.622.494)
	3.607.066.345.676	3.331.970.808.327

27. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	NĂM NAY VND	NĂM TRƯỚC VND
Chi phí nhân viên	322.135.251.085	324.192.281.257
Chi phí khấu hao tài sản cố định	69.203.476.844	68.138.203.324
Chi phí dịch vụ mua ngoài (*)	58.063.149.671	45.708.054.993
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	12.255.515.658	14.891.270.794
Chi phí khác	210.143.931.777	198.391.298.625
	671.801.325.035	651.321.108.993

(*) Phí dịch vụ cho công ty kiểm toán bao gồm: Phí dịch vụ soát xét và kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 1.600.000.000 đồng.

28. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	NĂM NAY VND	NĂM TRƯỚC VND
Chi phí nguyên vật liệu	30.620.065.451.300	33.863.343.129.334
Chi phí nhân viên	1.217.997.669.763	1.154.647.795.384
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.497.836.192.331	4.503.934.254.192
Chi phí dịch vụ mua ngoài	538.407.134.860	544.222.476.087
Chi phí sửa chữa lớn	500.964.353.828	996.979.003.379
Chi phí khác	1.007.170.143.489	932.545.542.016
	38.382.440.945.571	41.995.672.200.392

29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	NĂM NAY VND	NĂM TRƯỚC VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	5.050.529.429	157.607.434.862
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	–	(620.458.886)
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	5.050.529.429	156.986.975.976

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm tài chính được tính như sau:

	NĂM NAY VND	NĂM TRƯỚC VND
(Lỗ)/Lợi nhuận trước thuế	(870.517.475.819)	1.240.710.283.312
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(265.413.022.547)	(467.561.911.192)
Cộng: Các khoản chi phí không được trừ (*)	426.397.814.767	14.888.802.190
Thu nhập chịu thuế năm hiện hành	(709.532.683.599)	788.037.174.310
Lỗ phát sinh trong năm	(734.785.330.744)	–
Thu nhập tính thuế phát sinh trong năm	25.252.647.145	788.037.174.310
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	5.050.529.429	157.607.434.862

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% trên thu nhập chịu thuế.

(*) Các khoản chi phí không được trừ của Tổng Công ty bao gồm khoản chi phí lãi vay không được trừ khi xác định thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 132/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ với số tiền là 389.008.740.256 đồng, khoản chi phí lãi vay này được chuyển sang kỳ tính thuế tiếp theo khi xác định tổng chi phí lãi vay được trừ trong 5 năm tiếp theo.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Tổng Công ty có khoản lỗ tính thuế là 734.785.330.744 đồng, được chuyển sang để trừ vào thu nhập chịu thuế năm sau trong thời hạn tối đa là 5 năm kể từ năm phát sinh lỗ. Tổng Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho các khoản lỗ này vì Tổng Công ty không chắc chắn có đủ thu nhập tính thuế trong tương lai để sử dụng.

30. (LỖ)/LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	NĂM NAY VND	NĂM TRƯỚC (TRÌNH BÀY LẠI) VND
(Lỗ)/Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(878.388.855.945)	1.065.134.625.680
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	(185.972.489.171)
(Lỗ)/Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(878.388.855.945)	879.162.136.509
Số cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành trong năm (cổ phiếu)	1.123.468.046	1.123.468.046
(Lỗ)/Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	(782)	783

(*) Như đã trình bày tại thuyết minh số 21, Tổng Công ty đã thông qua phương án trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2023. Theo đó, Tổng Công ty trình bày lại lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, cụ thể như sau:

	SỐ ĐÃ BÁO CÁO	NĂM TRƯỚC (TRÌNH BÀY LẠI)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.065.134.625.680	1.065.134.625.680
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông (VND)	-	(185.972.489.171)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	1.065.134.625.680	879.162.136.509
Số cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành trong năm (cổ phiếu)	1.123.468.046	1.123.468.046
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	948	783

31. NGHĨA VỤ HOÀN NGUYÊN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng Tổng Công ty có nghĩa vụ thu dọn, khôi phục và hoàn trả mặt bằng vào cuối thời hạn thuê hoặc thời hạn kết thúc dự án của các nhà máy điện. Theo các quy định có liên quan việc trích trước chi phí hoàn nguyên môi trường phải được thực hiện theo cơ chế chính sách áp dụng cho từng ngành nghề, từng đơn vị. Tổng Công ty chưa ước tính giá trị của nghĩa vụ hoàn nguyên này vì đây là lĩnh vực kỹ thuật phức tạp và liên quan đến tính toán giá thành điện. Theo đó Tổng Công ty đang trao đổi với EVN để có hướng dẫn cụ thể hơn; đồng thời theo dõi các cập nhật về cơ chế chính sách về dự phòng hoàn nguyên áp dụng cho lĩnh vực sản xuất điện trong việc ước tính giá trị của nghĩa vụ này.

32. CAM KẾT CHI TIÊU VỐN

Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất, kế hoạch đầu tư xây dựng đã được phê duyệt của Tổng Công ty như sau:

	SỐ CUỐI NĂM VND	SỐ ĐẦU NĂM VND
Nhà máy điện và các công trình khác	213.392.000.000	177.684.000.000

Cam kết thuê hoạt động

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tổng Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	SỐ CUỐI NĂM VND	SỐ ĐẦU NĂM VND
Dưới 1 năm	42.358.019.578	40.456.082.111
Từ 1 đến 5 năm	134.610.321.462	138.429.048.439
Trên 5 năm	825.163.386.107	818.985.043.837
	1.002.131.727.147	997.870.174.387

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện cho các hợp đồng thuê văn phòng và thuê đất tại các nhà máy điện của Tổng Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(TIẾP THEO)

33. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm tài chính:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tập đoàn Điện lực Việt Nam (gọi tắt là "EVN")	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Sê San 3A	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	Bên liên quan khác
Công ty Cổ phần Điện Việt Lào	Bên liên quan khác
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	Bên liên quan khác
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng	Bên liên quan khác
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện Miền Bắc	Bên liên quan khác
Công ty Cổ phần Phú Thạnh Mỹ	Bên liên quan khác
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3	Bên liên quan khác
Công ty Mua bán điện – Chi nhánh EVN (“Công ty Mua bán điện”)	Bên liên quan khác
Công ty Nhiệt điện Duyên Hải – Chi nhánh Tổng Công ty Phát Điện 1 (“Công ty Nhiệt điện Duyên Hải”)	Bên liên quan khác
Công ty Viễn thông Điện lực và Công nghệ Thông tin – Chi nhánh EVN (“Công ty Viễn thông Điện lực và Công nghệ Thông tin”)	Bên liên quan khác
Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng và Công nghệ EVN – Chi nhánh EVN (“Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng và Công nghệ EVN”)	Bên liên quan khác
Công ty Nhiệt điện Thái Bình – Chi nhánh EVN (“Công ty Nhiệt điện Thái Bình”)	Bên liên quan khác
Ban Quản lý Dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình (“Dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình”)	Bên liên quan khác
Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Miền Nam TNHH – Công ty Thí nghiệm Điện Miền Nam (“Công ty Thí nghiệm Điện Miền Nam”)	Bên liên quan khác
Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 4 – Chi nhánh EVN (“Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 4”)	Bên liên quan khác
Ban Quản lý Dự án Nhiệt điện Vĩnh Tân (“Dự án Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 4 và Vĩnh Tân 4 Mở Rộng”)	Bên liên quan khác
Các ông/bà thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, và Kế toán trưởng	Người nội bộ

Trong năm, Tổng Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	NĂM NAY VND	NĂM TRƯỚC VND
Bán hàng hàng hóa, dịch vụ		
Công ty Mua bán điện	40.137.055.592.724	45.496.013.709.175
Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 4	306.711.409.227	187.788.056.123
Biên liên quan khác	79.212.140.999	74.350.691.495
Mua hàng hóa, dịch vụ		
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	120.961.681.767	110.377.284.167
Biên liên quan khác	26.414.079.522	40.477.869.316
Trả nợ gốc vay		
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	2.034.318.022.570	49.153.569.672
Chi phí lãi vay		
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	2.127.128.550.021	2.339.353.732.819
Doanh thu cổ tức, lợi nhuận được chia		
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	18.109.572.250	31.044.981.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn	16.713.050.000	16.383.802.915
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng	10.020.000.000	13.850.000.000
Công ty Cổ phần Điện lực dầu khí Nhơn Trạch 2	4.985.344.000	17.804.800.000
Công ty Cổ phần Điện Việt Lào	4.901.100.000	3.223.850.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện Miền Bắc	162.500.000	137.500.000
Công ty Cổ phần Phú Thạnh Mỹ	3.000.000.000	9.250.000.000
Lãi vay đã trả		
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	4.016.622.133	5.213.192.111
Thu hồi từ trái phiếu		
Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh	-	66.000.000.000
Lãi trái phiếu		
Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh	-	2.783.824.657
Góp vốn		
Công ty Cổ phần Simacai	-	90.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng của Tổng Công ty trong năm như sau:

TÊN	CHỨC VỤ	NĂM NAY VND	NĂM TRƯỚC VND
Ông Đinh Quốc Lâm	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	429.660.000	902.820.000
Ông Lê Văn Danh	Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc	416.640.000	875.460.000
Bà Nguyễn Thị Hải Yến	Thành viên Hội đồng Quản trị (từ ngày 15 tháng 6 năm 2023)	377.580.000	429.748.000
Ông Đỗ Mộng Hùng	Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập	75.528.000	158.676.000
Ông Nguyễn Minh Khoa	Thành viên Hội đồng Quản trị không chuyên trách	75.528.000	158.676.000
Ông Cao Minh Trung	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 01 tháng 10 năm 2023)	–	528.920.000
Ông Nguyễn Thanh Trùng Dương	Phó Tổng Giám đốc	377.580.000	793.380.000
Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	Phó Tổng Giám đốc	377.580.000	793.380.000
Ông Võ Minh Thắng	Phó Tổng Giám đốc	377.580.000	793.380.000
Ông Trần Đình Ân	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 10 tháng 3 năm 2023)	377.580.000	628.093.000
Bà Vũ Phương Thảo	Kế toán trưởng	351.540.000	738.672.000
Ông Phạm Hùng Minh	Trưởng Ban Kiểm soát	390.612.000	820.752.000
Bà Vũ Hải Ngọc	Kiểm soát viên	75.528.000	158.676.000
Ông Đậu Đức Chiến	Kiểm soát viên	75.528.000	158.676.000
		3.778.464.000	7.939.309.000

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	SỐ CUỐI NĂM VND	SỐ ĐẦU NĂM VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
Công ty Mua bán điện	9.177.406.598.602	8.812.463.189.700
Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 4	145.218.240.343	177.907.195.181
Công ty Nhiệt điện Duyên Hải	17.309.334.200	42.561.423.912
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	17.183.313.571	21.819.807.261
Công ty Nhiệt điện Thái Bình	969.738.480	6.015.620.139
Các bên liên quan khác	2.926.400.358	417.188.696
	9.361.013.625.554	9.061.184.424.889
Phải thu ngắn hạn khác		
Dự án Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 4 và Vĩnh Tân 4 Mở Rộng	327.013.472.285	130.896.250.922
Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng và Công nghệ EVN	67.966.368.944	67.966.368.944
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	41.127.611.202	15.256.171.287
Bên liên quan khác	63.727.105.681	248.954.170.506
	499.834.558.112	463.072.961.659

	SỐ CUỐI NĂM VND	SỐ ĐẦU NĂM VND
Phải trả người bán ngắn hạn		
Công ty Viễn thông Điện lực và Công nghệ Thông tin	1.567.209.920	1.922.496.957
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	1.975.719.540	1.716.422.962
Công ty Thí nghiệm Điện Miền Nam	1.168.763.192	1.096.778.951
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3	1.040.581.546	954.458.832
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Sê San 3A	–	4.289.053.899
Các bên liên quan khác	3.062.296.432	7.732.982.960
	8.814.570.630	17.712.194.561
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		
Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 4	26.069.333.328	26.069.333.328
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		
Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 4	585.278.127.273	611.347.460.601
Phải trả ngắn hạn khác		
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	672.318.057.943	668.111.256.215
Bên liên quan khác	14.711.643.095	27.948.903.534
	687.029.701.038	696.060.159.749
Các khoản vay ngắn hạn		
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	5.658.485.226.506	4.867.013.582.996
Các khoản vay dài hạn		
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	23.687.030.086.168	30.206.285.580.617

34. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Các giao dịch chủ yếu không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm như sau:

	NĂM NAY VND	NĂM TRƯỚC VND
Bù trừ gốc vay phải trả cho EVN và phải thu khách hàng ngắn hạn từ Công ty Mua bán điện	4.906.663.771.446	4.615.976.968.558
Bù trừ lãi vay, phí vay lại, thuế nhà thầu phải trả cho EVN và phải thu khách hàng ngắn hạn từ Công ty Mua bán điện	2.358.754.773.680	2.272.331.172.013
Bù trừ khoản phải trả nhà cung cấp, khoản phải trả ngắn hạn khác cho EVN và phải thu ngắn hạn khách hàng từ Công ty Mua bán điện	271.010.233.156	118.559.407.506
Bù trừ khoản phải trả cổ tức cho EVN với khoản phải thu khách hàng ngắn hạn từ Công ty Mua bán điện	–	3.260.801.680.444

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(TIẾP THEO)

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ tại ngày kết thúc năm tài chính:

	NĂM NAY VND	NĂM TRƯỚC VND
Cổ tức đã thông báo nhưng chưa trả	9.509.543.622	22.746.804.061
Mua tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang chưa thanh toán cuối năm	162.711.257.394	43.107.316.170
Ứng trước tiền mua tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang cuối năm	-	41.110.193.698
Lãi vay trích trước chưa thanh toán cuối năm	510.554.878.066	682.980.203.039
Lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia trong năm nhưng chưa được thanh toán cuối năm	119.810.885.904	347.830.323.620

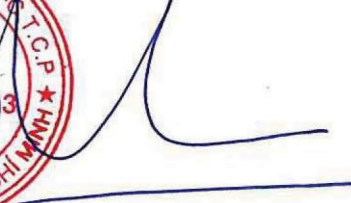
Ngoài ra, tiền thu đi vay và tiền chi trả nợ gốc vay trong năm không bao gồm số tiền là 584.231.781.752 đồng (năm 2023: 1.259.234.702.516 đồng) là giá trị các khoản vay có thời hạn vay không quá 3 tháng được trình bày trên cơ sở thuần.

35. PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt phát hành vào ngày 31 tháng 3 năm 2025.


Trần Nguyễn Khánh Linh
Người lập biểu


Vũ Phương Thảo
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thanh Hương
Phó Tổng Giám đốc
Ngày 31 tháng 3 năm 2025

TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 3 - CTCP

📍 Số 60-66 Nguyễn Cơ Thạch, Khu đô thị Sala,
Phường An Lợi Đông, TP. Thủ Đức, TP.HCM, Việt Nam

☎ (+84) 28 3636 7449

🌐 www.genco3.com